

CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Chương 1

PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Ban đầu “Diễn biến hoà bình” chỉ được sử dụng như một biện pháp hỗ trợ cho các chiến lược “ngăn chặn”, “phản ứng linh hoạt”... của chủ nghĩa đế quốc để chống phá chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng thế giới. Sau này, “diễn biến hoà bình” đã trở thành chiến lược cơ bản của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động âm mưu lật đổ chế độ chính trị – xã hội các nước xã hội chủ nghĩa. Chiến lược “diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc đã góp phần quyết định làm sụp đổ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

Hiện nay chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang ra sức thực hiện “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ chống phá quyết liệt các nước xã hội chủ nghĩa còn lại trong đó Việt Nam là một trọng điểm. Vì vậy chống chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

1.1. Chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

1.1.1. Khái niệm

1.1.1.1. Chiến lược “diễn biến hoà bình”

“Diễn biến hoà bình” là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong bằng các biện pháp phi quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau:

- Chủ thể thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình” hiện nay không chỉ là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, có cả các nước theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, bành trướng và bá quyền, các phần tử cơ hội, bất mãn trong nước.

- Mục tiêu của “diễn biến hoà bình” là lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa.

- Biện pháp, sử dụng các biện pháp chủ yếu là phi quân sự để làm suy yếu từ bên trong, kích động mâu thuẫn, hình thành các tổ chức chính trị đối lập, tạo nên quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tập trung chống phá các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Triệt để tận dụng các sai sót, khó khăn của Đảng và Nhà nước ta trên các lĩnh vực của đời sống xã hội để khoét sâu mâu thuẫn, kích động tư tưởng chống đối, xây dựng lực lượng phản động từ bên trong vv.

- Hình thức, kết hợp các hình thức “mưa dầm thấm lâu”, mềm, ngầm, sâu, và núp dưới các chiêu bài tự do, dân chủ, nhân quyền, tôn giáo để chống phá từ bên trong.

¹ Bộ Quốc phòng (2005), Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự, *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 303.

- Bản chất, là một chiến lược phản động mang tính toàn cầu.

1.1.1.2. *Bạo loạn lật đổ*

Bạo loạn lật đổ là hành động chống phá bằng bạo lực có tổ chức do lực lượng phản động hay lực lượng li khai, đối lập trong nước hoặc cấu kết với nước ngoài tiến hành gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hoặc lật đổ chính quyền ở địa phương hay trung ương¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau:

- Chủ thể thực hiện bạo loạn lật đổ là lực lượng phản động, ly khai, đối lập trong nước, bọn bất mãn, tiêu cực đối với xã hội.
- Mục tiêu là, gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, lật đổ chính quyền ở địa phương hay trung ương.
- Biện pháp, kích động người dân hiếu kỳ, tiêu cực ..biểu tình, tấn công bằng bạo lực có tổ chức dưới sự chỉ đạo của những tổ chức phản động ở trong và ngoài nước.
- Hình thức, sử dụng các hình thức bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang, bạo loạn chính trị kết hợp với bạo loạn vũ trang.
- Bản chất, thủ đoạn phản động.

1.1.2. *Mối quan hệ giữa chiến lược “diễn biến hòa bình” và bạo loạn lật đổ*

Chiến lược “diễn biến hòa bình” tạo ra những điều kiện làm cho xã hội suy yếu, khủng hoảng từ đó hình thành tư tưởng bất mãn, tiêu cực, chống đối và tạo nên quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” từ bên trong. Đây là điều kiện, cơ sở để các tổ chức phản động, đối lập tập hợp lực lượng và kích động tiến hành bạo loạn lật đổ.

Bạo loạn lật đổ tạo nên quá trình làm rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã, làm suy yếu các tổ chức trong hệ thống chính trị, gây ra tình trạng xã hội rối ren, làm cho các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh, đối ngoại, dân tộc tôn giáo... ngày càng khủng hoảng. Đây là điều kiện để chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch mượn cớ, núp dưới các chiêu bài tự do, dân chủ nhân quyền, tôn giáo để can thiệp, chống phá và đẩy mạnh quá trình “diễn biến hòa bình” tiến tới lật đổ chính quyền và chế độ chính trị xã hội.

Chiến lược “diễn biến hòa bình” và bạo loạn lật đổ có mối quan hệ tác động, hỗ trợ, bổ sung cho nhau. Bạo loạn lật đổ là thủ đoạn nhằm bổ sung, hỗ trợ, hoàn thiện cho chiến lược “diễn biến hòa bình”. Ngược lại, “diễn biến hòa bình” tạo ra điều kiện để thúc đẩy nhanh quá trình tiến hành bạo loạn lật đổ của các lực lượng phản động, đối lập. Trên thực tiễn, bạo loạn lật đổ là một thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động gắn liền với chiến lược “diễn biến hoà bình” để thực hiện mục tiêu xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

1.1.3. *Quá trình hình thành, phát triển của chiến lược “diễn biến hòa bình”*

Chiến lược “diễn biến hòa bình” ra đời, phát triển cùng với sự điều chỉnh phương thức, thủ đoạn chiến lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế để chống phá các nước xã hội chủ nghĩa. Chiến lược “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau.

1.1.3.1. *Giai đoạn từ 1945 – 1980, hình thành, phát triển và hoàn thiện chiến lược “diễn biến hòa bình”*

¹ Bộ Quốc phòng (2005), Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự, *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 63.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, trước sự phát triển nhanh chóng của phong trào cách mạng thế giới cùng với sự lớn mạnh của Liên Xô và sự ra đời của hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới, chủ nghĩa đế quốc đã thay đổi phương thức để chống phá phong trào cách mạng và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa.

Ngày 22 tháng 12 năm 1946, G. F. Kennan đại diện lâm thời của Mỹ tại Liên Xô trình nên chính phủ Mỹ một bức điện 8.000 từ về kế hoạch chống Liên Xô toàn diện hơn bao gồm: Bao vây quân sự, phong tỏa kinh tế; lật đổ chính trị; thậm chí dùng vũ lực can thiệp. Cũng trong thời gian này, giám đốc CIA (cơ quan tình báo Mỹ) tuyên bố: Mục tiêu là phải gieo rắc ở Liên Xô sự hỗn loạn và phải bắt đầu bằng chiến tranh tâm lý thay giá trị của Liên Xô bằng đồ rơm và tìm mọi cách ủng hộ và nâng đỡ đám gọi là “nghệ sĩ” để họ truyền bá bạo lực, đòi truy, chủ nghĩa vô liêm sỉ, phản bội vào Liên Xô. Tóm lại, mọi thứ vô đạo đức. Từ đó chiến tranh tâm lý chống Liên Xô được nâng lên hàng quốc sách ở Mỹ, gọi là chiến tranh tâm lý tổng lực. Đây là sự khởi đầu của chiến lược “diễn biến hòa bình”.

Ngày 12 tháng 3 năm 1947, Tổng thống Mỹ Harry S. Truman khởi xướng chiến lược “Ngăn chặn” sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản. Chiến lược này coi trọng dùng thủ đoạn quân sự đe dọa, bao vây, can thiệp vũ trang, cùng với tiến hành chiến tranh để “ngăn chặn” ảnh hưởng của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Tháng 4 năm 1948, Quốc hội Mỹ chính thức phê chuẩn Kế hoạch Marshall, tăng viện trợ để kích lệ lực lượng dân chủ, cài cắm gián điệp vào các đảng cộng sản để phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa và ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Tây Âu, hướng họ phụ thuộc vào Mỹ. Trong hai năm 1949 – 1950 Mỹ đã chi 50 triệu đô la cho hoạt động chiến tranh tâm lý chống Liên Xô. Năm 1949 Mỹ lập Ủy ban châu Âu tự do có đài phát thanh riêng. Như vậy, cho đến đầu thập kỷ 50, với chủ nghĩa H. S. Truman ý tưởng “diễn biến hoà bình” đã được bổ xung cho chiến lược tiến công quân sự của Mỹ chống Liên Xô.

Từ năm 1953, Dwight D. Eisenhower nhận chức tổng thống và 1956 lại trúng cử nhiệm kỳ II đến năm 1961, chính phủ Mỹ đã đề ra chiến lược quân sự “trả đũa ô ạt”. Dwight D. Eisenhower dựa vào sức mạnh răn đe của vũ khí hạt nhân để thực hiện “ngăn chặn” chủ nghĩa cộng sản. Mỹ đã đưa quân đi khắp thế giới, can thiệp vào nội bộ chính trị các nước trong thế giới thứ ba. Trong đó chúng coi chiến trường Việt Nam là mục tiêu chính để phá hoại chủ nghĩa xã hội và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc (GPDТ). Song song với chiến lược trả đũa ô ạt, học thuyết “ngăn chặn phi vũ trang” của G. F. Kennan được tán dương và hưởng ứng, bổ xung bởi các học giả của tập đoàn thống trị Mỹ, xuất hiện ý tưởng “hoà bình giải phóng” của John F. Dulles. Như vậy, ý tưởng “diễn biến hoà bình” được bổ xung và trở thành biện pháp của chiến lược “ngăn chặn” của đế quốc Mỹ.

Đến tháng 12 năm 1957, Tổng thống Dwight D. Eisenhower đã tuyên bố “Mỹ sẽ giành thắng lợi bằng hoà bình” và mục đích của chiến lược để làm suy yếu và lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa. “diễn biến hòa bình” đã trở thành chiến lược và cùng với chiến lược tiến công quân sự để chống phá, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa trên toàn cầu. Tháng 01/1961, John F. Kennedy thay Dwight D. Eisenhower và đã đưa ra chiến lược “phản ứng linh hoạt” cùng chiến lược “hoà bình”, thực hiện chính sách “mũi tên và cánh Ôliu”. Từ đây, “diễn biến hoà bình” đã bước đầu trở thành chiến lược cơ bản của chủ nghĩa đế quốc và luôn đi cùng sức mạnh quân sự. Tháng 12/1963, John F. Kennedy bị ám sát, Phó Tổng thống Lyndon B. Johnson thay thế, kiêm nhiệm tới năm 1969, Lyndon B. Johnson thúc đẩy chạy đua vũ trang, triệt để dùng sức mạnh quân sự đi kèm với những hoạt động phá hoại bằng chính trị mà điển hình là: các vụ bạo loạn ở cộng hòa dân chủ Đức (1953), Ba lan, Hungary (1956) Tiệp khắc (1968). Do lực lượng các nước xã hội chủ nghĩa trong đó có

Liên bang Xô viết lớn mạnh, chúng lấy chiến lược “phản ứng linh hoạt” thay cho chiến lược “trả đũa ồ ạt” và tìm kiếm những biện pháp mới đi song song cùng các hoạt động quân sự hòng chống phá hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Từ năm 1968 đến năm 1972 Richard Nixon trúng cử tổng thống trong bối cảnh so sánh lực lượng Mỹ – Xô đã thay đổi nhất là lực lượng hạt nhân chiến lược đang ở thế cân bằng, thất bại trong chiến trường Trung đông, Việt Nam. Richard Nixon thực hiện chiến lược quân sự “răn đe thực tế” mà mục đích cơ bản là ngăn chặn phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa đang diễn ra trên toàn thế giới. Cũng trong thời gian này Mỹ thực hiện chính sách ngoại giao “cây gậy và củ cà rốt” tuy vẫn coi trọng răn đe vũ khí hạt nhân nhưng đã chủ trương tăng cường tiếp xúc, hoà hoãn với các nước xã hội chủ nghĩa, tiến hành thâm thấu tư tưởng văn hoá, gieo rắc hạt giống chống phá từ bên trong... thúc đẩy tiến trình “diễn biến hoà bình” đối với các nước xã hội chủ nghĩa. Chính Richard Nixon đã nêu ra chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa là dùng đối thoại thay cho đối đầu. Đàm phán trên thế mạnh là thủ đoạn của Richard Nixon để thực hiện “diễn biến hoà bình”.

1.1.3.2. Giai đoạn từ năm 1980 đến nay, đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình” làm sụp đổ hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới

Bước vào thập kỷ 80, chủ nghĩa Tư bản đạt được ổn định và có bước phát triển. Nhiều nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng, thực hiện đường lối cải tổ, cải cách sai lầm, càng dẫn đến khủng hoảng trầm trọng. Lợi dụng cơ hội đó, chủ nghĩa đế quốc hoàn chỉnh chiến lược “diễn biến hoà bình” và ráo riết thực hiện nhằm làm sụp đổ Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cùng các nước xã hội chủ nghĩa khác. Có thể lấy năm 1988, Richard Nixon xuất bản cuốn sách “1999, chiến thắng không cần chiến tranh” làm mốc cho sự hoàn chỉnh chiến lược “diễn biến hoà bình”.

Thất bại trong chiến lược sử dụng sức mạnh quân sự mà điển hình là ở Việt Nam, giữa những năm 80, Tổng thống Mỹ Ronald Reagan bắt đầu điều chỉnh chiến lược toàn cầu từ “răn đe thực tế bằng quân sự” sang chiến lược “diễn biến hoà bình” đối với các nước xã hội chủ nghĩa mà khởi nguồn là chính sách ngoại giao của cựu ngoại trưởng Mỹ Henry Alfred Kissinger. Cùng với sự chống phá điên công của chủ nghĩa đế quốc và những sai lầm trong thực hiện công cuộc cải tổ chính trị và cải cách kinh tế mà kết quả của nó là sự tan rã của các nước xã hội chủ nghĩa ở đông Âu và Liên Xô, sự thoái trào của hệ thống các nước chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Hiện nay, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiếp tục ra sức sử dụng chiến lược “diễn biến hoà bình” để thực hiện âm mưu xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Từng bước làm xói mòn tư tưởng, đạo đức, lối sống và niềm tin cộng sản của thế hệ trẻ để thúc đẩy quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “tự suy yếu”, dẫn đến sụp đổ, tan rã chế độ xã hội chủ nghĩa từ bên trong.

1.2. Chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam

1.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “diễn biến hoà bình” đối với cách mạng Việt Nam

1.2.1.1. Âm mưu của chiến lược “diễn biến hoà bình” đối với cách mạng Việt Nam

Chủ nghĩa đế quốc cùng các thế lực thù địch luôn coi Việt Nam là một trọng điểm trong chiến lược “diễn biến hoà bình” nhằm xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đưa Việt Nam đi theo con đường của chủ nghĩa đế quốc.

Sau khi thất bại về quân sự trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, chúng đã chuyển sang chiến lược mới như “bao vây cấm vận kinh tế”, “cô lập về ngoại giao” kết hợp với “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ để chống phá Việt Nam. Từ năm 1975 – 1994, lợi dụng thời kì nước ta gặp nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội do hậu quả của chiến tranh để lại và sự biến động chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, các thế lực thù địch càng ráo riết đẩy mạnh “diễn biến hoà bình” đối với Việt Nam.

Từ năm 1995 đến nay, trước những thắng lợi to lớn của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, các thế lực thù địch lại tiếp tục điều chỉnh phương thức chống phá cách mạng nước ta. Thông qua việc xoá bỏ “cấm vận kinh tế” và bình thường hoá quan hệ ngoại giao để chuyển sang thủ đoạn mới, đẩy mạnh hoạt động xâm nhập, dính líu, can dự ... để chống phá.

1.2.1.2. Thủ đoạn của chiến lược “diễn biến hòa bình” đối với cách mạng Việt Nam

Để đạt được mục tiêu lật đổ chế độ chính trị và đưa Việt Nam đi theo quỹ đạo của các nước đế quốc, các thế lực thù địch không từ bỏ bất kì thủ đoạn chống phá nào, bằng cả các biện pháp vũ trang và phi vũ trang. Thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tập trung chống phá nước ta trên các lĩnh vực chủ yếu sau.

- Chống phá về kinh tế

Mục tiêu, đây là thủ đoạn chống phá trọng yếu, mũi nhọn của chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm làm cho nền kinh tế nước ta khủng hoảng, kiệt quệ. Làm chuyển hoá nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, dần theo quỹ đạo kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa dẫn đến lệ thuộc và chuyển hóa về chế độ chính trị.

Thủ đoạn, kích lệ thành phần kinh tế tư nhân phát triển, từng bước làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước, lấn dần sang các lĩnh vực liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia để chống phá và thao túng; lợi dụng sự giúp đỡ, viện trợ kinh tế, đầu tư vốn, chuyển giao công nghệ cho Việt Nam để đặt ra các điều kiện và gây sức ép về chính trị, từng bước chuyển hoá Việt Nam theo con đường tư bản chủ nghĩa; lợi dụng những thiếu sót, sai lầm trong quản lý kinh tế và các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng để thổi phồng yếu kém, hạ bệ vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước vv.

- Chống phá về chính trị

Mục tiêu, là lĩnh vực chống phá hàng đầu, được coi là linh hồn của chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm kích động đòi thực hiện chế độ “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập”, “tự do hoá” mọi mặt đời sống xã hội, từng bước xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Thủ đoạn, Chúng tập hợp, nuôi dưỡng các tổ chức, phần tử phản động trong nước và ngoài nước, lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” để chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tận dụng những sơ hở trong đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước ta để phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước; tuyên truyền hạ bệ, bôi nhọ, phủ nhận giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới ở Việt Nam; xuyên tạc con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam v.v.

- Chống phá về tư tưởng - văn hoá

Mục tiêu, Là thủ đoạn chống phá trọng điểm nhằm xoá bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phi chính trị hóa lực lượng vũ trang, phá vỡ nền tảng tư tưởng của Đảng và các truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta.

Thủ đoạn, ra sức truyền bá tư tưởng tư sản vào các tầng lớp nhân dân; lợi dụng xu thế mở rộng hợp tác quốc tế, du nhập những sản phẩm văn hoá đồi trụy, lối sống phương Tây, để kích động lối sống tư bản trong thanh niên; lợi dụng các phương tiện thông tin truyền thông, các trang mạng xã hội để tuyên truyền, gieo rắc lối sống thực dụng, sống gấp, vô cảm, chạy theo đồng tiền, bạo lực trong các tầng lớp xã hội, nhất là thanh thiếu niên; từng bước làm phai mờ bản sắc văn hoá và các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

- Chống phá về lĩnh vực tôn giáo - dân tộc

Mục tiêu, Đây được coi là ngòi nổ của chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm chia rẽ, kích động các mâu thuẫn từ đó tạo lập các tổ chức đối lập, ly khai, phản động trong các dân tộc, các tôn giáo để phá vỡ khối đại đoàn kết của dân tộc ta.

Thủ đoạn, Chúng lợi dụng những khó khăn ở những vùng đồng bào dân tộc ít người, những tồn tại và mâu thuẫn do lịch sử để lại, trình độ dân trí của một bộ phận đồng bào còn thấp và những yếu kém, khuyết điểm trong thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo của một bộ phận cán bộ để kích động tư tưởng đòi ly khai, tự quyết dân tộc; lợi dụng chính sách tự do tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta để truyền đạo trái phép, thành lập các tổ chức tôn giáo để “tôn giáo hóa” các vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa nhằm lôi kéo đồng bào, dùng thần quyền và giáo lý tôn giáo để khống chế, kích động quần chúng chống lại chính quyền; tuyên truyền tố cáo, bịa đặt sai sự thật về tình hình tôn giáo, dân tộc để thực hiện quốc tế hóa vấn đề dân tộc, tôn giáo hòng can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

- Chống phá trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh

Mục tiêu, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và phi chính trị hóa đối với lực lượng vũ trang, làm cho lực lượng vũ trang xa rời mục tiêu chiến đấu, phai nhạt bản chất giai cấp cách mạng dẫn đến bị vô hiệu hóa.

Thủ đoạn, Các thế lực thù địch lợi dụng xu thế mở rộng, hợp tác quốc tế, thực hiện xâm nhập, tăng cường hoạt động tình báo thu thập bí mật quốc gia; cài cắm các phần tử gián điệp chui sâu, leo cao để chống phá trong các tổ chức vũ trang; mua chuộc lôi kéo các thành phần cơ hội thoái hóa biến chất để thu thập thông tin, chia rẽ nội bộ, làm mất uy tín đối với lực lượng vũ trang nhân dân; lợi dụng các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng trong xã hội để tuyên truyền gây xói mòn niềm tin, dao động về tư tưởng đối với cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang nhân dân; trung lập hóa Quân đội, tuyên truyền chống phá, xuyên tạc nguyên tắc, cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội, “phi chính trị, phi giai cấp hóa đối với quân đội”.

- Chống phá trên lĩnh vực đối ngoại

Mục tiêu, đây được coi là hậu thuẫn của chiến lược “diễn biến hòa bình” trong tình hình hiện nay nhằm ngăn chặn sự mở rộng hợp tác, hạ bệ y tín của Việt Nam trên trường quốc tế, lái nước ta đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản.

Thủ đoạn, các thế lực thù địch lợi dụng chủ trương Việt Nam mở rộng hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới để tuyên truyền và hướng Việt Nam đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản; hạn chế sự mở rộng quan hệ hợp tác của Việt Nam đối với các nước lớn trên thế giới; tìm cách ngăn cản những dự án đầu tư quốc tế vào Việt Nam; đặc biệt coi trọng việc chia rẽ tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam với Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa; cài cắm xây dựng các phần tử và tổ chức gián điệp, phản động để thực hiện “kén làm tổ” chờ cơ hội chống phá.

1.2.2. *Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam và yêu cầu trong phòng, chống bạo loạn lật đổ*

1.2.2.1. *Mục tiêu của các thế lực thù địch trong thực hiện bạo loạn lật đổ chống phá cách mạng Việt Nam*

Gây rối loạn làm mất ổn định chính trị - xã hội tại một số vùng nhạy cảm như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ, thành lập các khu vực tự trị riêng, ly khai ra khỏi Việt Nam.

Làm suy yếu hệ thống chính trị ở địa phương, chờ cơ hội lật đổ chính quyền ở địa phương, tiến tới lật đổ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

1.2.2.2. *Thủ đoạn của các thế lực thù địch trong thực hiện bạo loạn lật đổ chống phá cách mạng Việt Nam*

Các thế lực thù địch chú trọng nuôi dưỡng các tổ chức phản động sống lưu vong ở nước ngoài và kết hợp với các phần tử cực đoan, bất mãn trong nước gây rối, làm mất ổn định xã hội, nhất là ở những vùng nhạy cảm, khó khăn.

Chúng tiến hành lôi kéo, mua chuộc những người dân bất mãn, tiêu cực và cưỡng ép nhân dân biểu tình, chống đối... làm chỗ dựa cho bọn phản động trà trộn vào để đập phá, kích động cướp chính quyền ở địa phương.

Kích động sự bất bình của quần chúng, dụ dỗ họ để làm chỗ dựa cho lực lượng phản động trà trộn hoạt động đập phá trụ sở, rồi uy hiếp khống chế cơ quan quyền lực của địa phương.

Trong quá trình gây bạo loạn, bọn phản động tìm mọi cách để mở rộng phạm vi, quy mô, lực lượng và kêu gọi sự tài trợ tiền của, vũ khí ngoài nước vào để tăng sức mạnh.

1.2.2.3. *Yêu cầu trong phòng chống bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam*

Nâng cao cảnh giác cách mạng, kịp thời phát hiện âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, dự báo đúng thủ đoạn, quy mô, địa điểm và thời gian.

Nắm vững nguyên tắc xử lý trong đấu tranh chống bạo loạn lật đổ là: nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, đúng đối tượng, sử dụng lực lượng và phương thức đấu tranh phù hợp, không để lan rộng kéo dài.

1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta

1.3.1. *Mục tiêu*

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam. Giữ vững ổn định chính trị – xã hội của đất nước, tạo môi trường hoà bình để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

1.3.2. *Nhiệm vụ*

Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ. Đây là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ quốc phòng – an ninh hiện nay, đồng thời còn là nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài. Chủ động phát hiện âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đối với nước

ta, kịp thời tiến công ngay từ đầu. Xử lý nhanh chóng, hiệu quả khi có bạo loạn xảy ra và luôn bảo vệ tốt chính trị nội bộ.

1.3.3. Quan điểm

- *Đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” là một cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc gay go, quyết liệt, lâu dài và phức tạp trên mọi lĩnh vực.*

Thực chất chiến lược “diễn biến hòa bình” mà các thế lực thù địch sử dụng để chống phá cách mạng nước ta là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc. Mục tiêu của chiến lược đó là nhằm xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng, làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đưa Việt Nam đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản và tiến tới thủ tiêu toàn bộ các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Đây thực chất là cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân, giai cấp vô sản với giai cấp tư sản. Là cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức, các dân tộc bị lợi dụng, bóc lột chống lại các nước đế quốc, các nước lớn với tư tưởng bá chủ khu vực và thế giới.

Trong xu hướng hội nhập, toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, các vấn đề toàn cầu ngày càng gia tăng ảnh hưởng và đe dọa nghiêm trọng tới tất cả các nước trên thế giới, và đe dọa tới an ninh, ổn định, phát triển của nhân loại. Để giải quyết các vấn đề toàn cầu buộc các quốc gia phải đẩy mạnh sự hợp tác, trao đổi, liên kết trên mọi lĩnh vực. Đây chính là điều kiện để các thế lực thù địch đẩy mạnh chống phá nước ta bằng mọi thủ đoạn, trên nhiều lĩnh vực, bằng nhiều hình thức thâm độc và xảo quyệt. Do đó, cuộc đấu tranh sẽ hết sức gay go, quyết liệt và lâu dài trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

- *Chống “diễn biến hòa bình” là cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hiện nay để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam đến nay là nhất quán, với các thủ đoạn cực kỳ tinh vi, xảo quyệt mà các thế lực thù địch sử dụng với các đòn tấn công “mềm, ngầm, sâu” trên tất cả các lĩnh vực để chống phá cách mạng nước ta. Chúng kết hợp đẩy mạnh “diễn biến hòa bình” với việc khuyến khích, tạo điều kiện, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ta. Lợi dụng những thiếu sót, sơ hở, những yếu kém tồn tại trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, và tình trạng tiêu cực, thoái hóa biến chất của một bộ phận cán bộ đảng viên của ta để chống phá. Đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình” hiện nay là một cuộc đấu tranh mang tính sống còn đối với chế độ xã hội và độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia của nước ta. Vì thế, Đảng ta đã xác định rõ nội dung bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay là toàn diện, coi trọng giữ vững an ninh kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng.

- *Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đấu tranh chống “diễn biến hoà bình”.*

Các thế lực thù địch sử dụng sức mạnh tổng hợp để chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đánh vào mọi tầng lớp nhân dân lao động, mọi tổ chức chính trị – xã hội, mọi lĩnh vực. Đấu tranh chống chiến lược “diễn biến hòa bình” là một cuộc đấu tranh cam go, quyết liệt, phức tạp, lâu dài, thường xuyên. Là quá trình đấu tranh gắn liền với sự đổi mới, đẩy lùi cái tiêu cực, tồn tại, sơ hở để bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc. Sự nghiệp đó đòi hỏi phải huy động sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo công tác đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam là một bộ phận quan trọng, là nhiệm vụ thường xuyên cấp bách của công tác tư tưởng, văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam, là nhân tố quyết định làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng; góp phần quan trọng vào việc giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

1.3.4. Phương châm tiến hành

- Kết hợp chặt chẽ giữa giữ vững bên trong với chủ động ngăn chặn, phòng ngừa và chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Thực chất đây là hai mặt của một vấn đề của phòng chống: xây dựng đất nước vững mạnh về mọi mặt, đồng thời cảnh giác đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của kẻ thù.

Giữ vững bên trong là giữ vững sự trong sạch vững mạnh, khối đoàn kết thống nhất của mọi cán bộ đảng viên, mọi tổ chức trong hệ thống chính trị. Là quá trình xây dựng trận địa chính trị tư tưởng, thế trận lòng dân vững chắc, nâng cao khả năng “tự đề kháng” trước mọi tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, sự chống phá lôi kéo của các thế lực thù địch. Lấy sự ổn định vững mạnh bên trong vừa là mục tiêu vừa là điều kiện căn bản để ngăn ngừa, đẩy lùi “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch. Lấy ngăn ngừa, đẩy lùi là yêu cầu hàng đầu nhằm đánh bại âm mưu và thủ đoạn của địch.

Mọi cấp, mọi ngành, mọi người dân phải thấy rõ tính chất nham hiểm của chiến lược “diễn biến hòa bình”. Từ đó, phải nâng cao cảnh giác cách mạng, chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của kẻ thù nhằm chống phá cách mạng nước ta.

- Chủ động, kiên quyết, khôn khéo xử lý tình huống và giải quyết hậu quả khi có bạo loạn xảy ra, giải quyết các vụ gây rối, không để phát triển thành bạo loạn.

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bao giờ cũng chủ động chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, từng bước làm suy yếu từ bên trong và khi có thời cơ tiến hành lật đổ chế độ xã hội. Thực tế chứng minh, chủ động tấn công sẽ tạo thuận lợi, giành thắng lợi trong chiến tranh nói chung và trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của kẻ thù đối với nước ta nói riêng.

Các thế lực thù địch luôn lợi dụng những sai lầm, thiếu sót, sơ hở và các vụ việc tiêu cực trong xã hội để lôi kéo, tập hợp lực lượng từ các phần tử cực đoan, quá khích, quần chúng hiếu kỳ dao động để tiến hành gây rối, và tiến tới bạo loạn lật đổ. Do vậy, cần chủ động nắm tình hình, xây dựng phương án đấu tranh, giải quyết các tình huống một cách chủ động. Đấu tranh kiên quyết với những đối tượng cầm đầu kích động, tiến hành cô lập những kẻ quá khích, kiên trì tuyên truyền giáo dục đối với quần chúng nhân dân bị lôi kéo, giữ vững ổn định, không để các vụ gây rối phát triển trở thành bạo loạn lật đổ.

- Xây dựng tiềm lực mọi mặt của đất nước vững mạnh, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân trong nước và quốc tế, kịp thời làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù đối với Việt Nam.

Trên thực tế, các thế lực thù địch thường cấu kết, hỗ trợ các lực lượng gián điệp, phản động ở cả trong và ngoài nước, lôi kéo kích động các phần tử cực đoan, chống đối ở

trong nước chống phá ta bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt và thâm hiểm. Đặc biệt chúng luôn dựa vào các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do tôn giáo”, “tự do truyền đạo”, “tự do ngôn luận”... để khai thác những hạn chế, yếu kém, sơ hở của ta trong quá trình tổ chức quản lý điều hành đất nước. Do vậy, phải thường xuyên coi trọng xây dựng tiềm lực kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, xã hội, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về mọi mặt là cơ sở để tạo ra sức “đề kháng”, chủ động từ bên trong nhằm phòng chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ.

Chủ trọng tuyên truyền giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân lao động hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn cơ bản trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ mà kẻ thù sử dụng để chống phá sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Đồng thời nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức trách nhiệm, kiên quyết đấu tranh với mọi luận điệu xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội và nhân dân nhằm tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân các nước tiến bộ với công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

1.4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

1.4.1. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế

Muốn ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả, làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của kẻ thù đối với nước ta thì phải giữ vững sự ổn định xã hội và làm cho đất nước ngày càng vững mạnh về mọi mặt.

Tệ quan liêu, tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội được kẻ thù lợi dụng hàng đầu để khoét sâu mâu thuẫn nội bộ, kích động quần chúng nhân dân đứng lên biểu tình chống lại chính quyền địa phương, Đảng và Nhà nước ta để gây mất ổn định xã hội. Do đó, việc đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế là giải pháp hữu hiệu để giữ vững và thúc đẩy yếu tố bên trong của đất nước luôn ổn định, ngăn ngừa và phòng chống có hiệu quả đối với chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

1.4.2. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động bất ngờ

Chủ động nắm địch, phát hiện kịp thời những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch sử dụng để chống phá cách mạng nước ta có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Do vậy phải giáo dục rộng rãi trong toàn xã hội để mọi người dân Việt Nam, mọi tổ chức chính trị – xã hội đều nhận thức sâu sắc âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của kẻ thù chống phá cách mạng Việt Nam.

Đấu tranh, phê phán những biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác cách mạng trong một bộ phận nhân dân, học sinh, sinh viên trước âm mưu, thủ đoạn thâm hiểm trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của kẻ thù chống phá nước ta hiện nay.

Mỗi người dân Việt Nam phải có tri thức, có bản lĩnh chính trị, có phương pháp xem xét phát hiện và báo cáo kịp thời thủ đoạn chống phá của kẻ thù cho cơ quan chức năng xử lý không để bất ngờ.

1.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

Bảo vệ Tổ quốc là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, chủ nghĩa đế quốc lợi dụng cuộc chiến chống khủng bố, tấn công quyết liệt vào độc lập chủ quyền của các quốc gia, dân tộc, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa trong đó có nước ta.

Nêu cao tinh thần cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và các thành quả cách mạng. Giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cho các tầng lớp nhân dân phải mang tính toàn diện, nhưng tập trung vào: Giáo dục tình yêu quê hương, đất nước; tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù chống phá đất nước ta; quan điểm, đường lối của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới; tinh thần sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc, quyết tử để Tổ quốc quyết sinh... hình thức giáo dục phải đa dạng, phù hợp với từng đối tượng.

1.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

Xây dựng cơ sở chính trị – xã hội vững mạnh sẽ bảo đảm cho chế độ xã hội luôn ổn định, phát triển. Do vậy, phải luôn luôn chú trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh, theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay là: đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp nhân dân, mọi thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng, mọi miền đất nước; đoàn kết trong Đảng và ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, người trong nước và người đang sinh sống ở nước ngoài.

Nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên, năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng ở các cấp, nhất là ở cơ sở. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả, nền nếp hoạt động của các tổ chức quần chúng... Duy trì nghiêm kỷ luật của Đảng ở các cấp, xử lý kịp thời những đảng viên, tổ chức đảng có khuyết điểm, khen thưởng kịp thời những đảng viên, tổ chức Đảng và quần chúng thực hiện tốt đường lối, chủ trương Điều lệ Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

1.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên phải rộng khắp ở tất cả các làng, bản, phường, xã, thị trấn, các cơ quan, tổ chức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bảo đảm triển khai thể trận phòng thủ ở các địa phương, cơ sở. Phải chú trọng giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng nhưng lấy chất lượng là chính.

Ở mỗi địa phương, phải chú trọng kết hợp phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng lực lượng vũ trang ở cơ sở. Quần chúng là nền tảng, là gốc rễ của dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Vì vậy, quần chúng cũng là đối tượng để kẻ thù lợi dụng, mua chuộc nhằm thực hiện âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ nhằm chống phá cách mạng nước ta.

1.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

Mỗi thủ đoạn, hình thức, biện pháp mà kẻ thù sử dụng trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, cần có phương thức xử lý cụ thể, hiệu quả. Khi mỗi tình huống bạo loạn xảy ra, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị, xử trí theo nguyên tắc nhanh gọn – kiên quyết – linh hoạt – đúng đối tượng – không để lan rộng, kéo dài.

Xây dựng đầy đủ các phương án, luyện tập sát với diễn biến, đặc điểm của từng địa phương, từng đơn vị, từng cấp, từng ngành. Hoạt động xử lý bạo loạn phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền, các ngành tham mưu, quân đội và công an.

1.4.7. *Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động*

Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thực chất là để tạo ra cơ sở vật chất, phát triển lực lượng sản xuất và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đồng thời, là điều kiện để tăng năng suất lao động của xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động, nâng cao tiềm lực đất nước, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thể trận “lòng dân”. Đây là điều kiện, nền tảng để ngăn ngừa và phòng chống có hiệu quả đối với chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch trong tình hình hiện nay.

Những giải pháp trên đây có quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất nhằm đấu tranh ngăn ngừa âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của kẻ thù sử dụng để chống phá Việt Nam hiện nay. Vì vậy trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ này, không nên coi nhẹ hoặc tuyệt đối hoá một giải pháp nào.

KẾT LUẬN

Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch thực chất là những hành động xâm lược phi vũ trang từ bên trong, nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết tập trung vào các nước xã hội chủ nghĩa. “diễn biến hòa bình” tạo ra quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” từ bên trong dẫn đến quá trình “đổi mới”, “cách mạng màu” làm thay đổi chế độ chính trị, nhà nước có chủ quyền. Trong những năm qua, lợi dụng đường lối đổi mới, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam, các thế lực thù địch không ngừng gia tăng các biện pháp, tiến hành các thủ đoạn dưới nhiều chiêu bài, hình thức, trên các lĩnh vực khác nhau nhằm lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Sinh viên là thế hệ chủ nhân tương lai của đất nước, đồng thời cũng là một đối tượng mà các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng, chống phá nhằm làm suy thoái về đạo đức, lối sống và phai nhạt niềm tin, lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, là mỗi đoàn viên, thanh niên, sinh viên cần phải nỗ lực học tập và rèn luyện để trở thành công dân tốt, cống hiến cho đất nước. Mỗi sinh viên phải thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết không để kẻ thù lợi dụng, kịp thời phát hiện và tích cực đấu tranh, ngăn ngừa, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, giữ vững sự ổn định mọi mặt của đơn vị, địa phương góp phần thực hiện thực thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa./.

HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU

1. Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội ?
2. Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam ?
3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống Chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta ?
4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay ?

Chương 2

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Việt Nam là một quốc gia có nhiều dân tộc, nhiều tôn giáo nên giải quyết các vấn đề về dân tộc, tôn giáo luôn được chú trọng, quan tâm thường xuyên. Đảng ta coi giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo là mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc, tôn giáo là nội dung quan trọng để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề dân tộc, tôn giáo là những nội dung tiêu cực nảy sinh trong quan hệ giữa các dân tộc, tôn giáo trên mọi lĩnh vực cần giải quyết. Đây là những nội dung nhạy cảm, dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng chống phá để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị - xã hội, tiên hành các thủ đoạn can thiệp, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Vì vậy, thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, là yêu cầu mang tính cấp thiết, lâu dài, chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay.

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.1.1. Khái niệm

“Dân tộc là cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử, tạo lập một quốc gia, trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ quốc gia, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hoá, đặc điểm tâm lý, ý thức về dân tộc và tên gọi của dân tộc”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Dân tộc là một cộng đồng người ổn định của một quốc gia, được hình thành trong suốt chiều dài lịch sử tạo lập của quốc gia. Mỗi dân tộc có lãnh thổ riêng biệt, có một thể chế chính trị gắn với một nhà nước riêng. Các dân tộc có những đặc trưng khác nhau, tạo nên bản sắc khác nhau.

- Dân tộc đặc trưng bởi sự cộng đồng bền vững và chặt chẽ về lãnh thổ, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa, tâm lý, ý thức, tên gọi chung. Trong đó, đặc trưng cộng đồng kinh tế, chính trị - xã hội là đặc trưng quan trọng nhất, đặc trưng cộng đồng về ngôn ngữ, truyền thống, văn hoá, đặc điểm tâm lý, ý thức tạo nên bản sắc dân tộc.

2.1.1.2. Tình hình quan hệ dân tộc trên thế giới

Các tộc người trong các quốc gia, cũng như các quốc gia dân tộc trên thế giới không sống biệt lập mà luôn có quan hệ với nhau, tạo nên các mối quan hệ dân tộc.

Quan hệ dân tộc là sự gắn bó, tác động qua lại lẫn nhau giữa các tộc người trong một quốc gia dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế, diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội: lãnh thổ, chính trị, kinh tế, văn hoá, quốc phòng - an ninh, đối ngoại...

Đặc điểm quan hệ dân tộc rất đa dạng, phong phú, sinh động, tế nhị, phức tạp, diễn ra trên các lĩnh vực, phản ánh cả lịch sử và hiện tại, ở cả phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế và còn tồn tại lâu dài.

¹ Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển Bách khoa quân sự, *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr. 300.

Thực trạng quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay vừa theo xu thế lớn là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển, đồng thời, cũng không kém phần phức tạp, nóng bỏng, gay gắt đã và đang bùng nổ thành các cuộc xung đột, chiến tranh ở những quy mô, phạm vi và cường độ khác nhau, tạo ra các “điểm nóng”, gây nên tình hình mất ổn định, đe dọa hoà bình, an ninh quốc gia, khu vực và quốc tế.

Các hình thức xung đột dân tộc, diễn ra rất đa dạng: xung đột mâu thuẫn quyền lực chính trị giữa các phe phái; xung đột về tranh chấp lãnh thổ, biên giới giữa các dân tộc; đối đầu, cạnh tranh quyết liệt giữa các tôn giáo hoặc giữa các giáo phái khác nhau trong cùng một tôn giáo; tranh chấp về quyền lợi kinh tế, quản lý và khai thác tài nguyên; xung đột do phân biệt chủng tộc, v.v.

Đánh giá về tình hình quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay, Đảng ta khẳng định: “Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn. Cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm; các nước lớn vẫn hợp tác, thoả hiệp, nhưng đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau gay gắt hơn. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ quốc tế gia tăng. Các nước đang phát triển, nhất là các nước nhỏ đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới”¹.

2.1.1.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc

- *Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc.*
- + Quan điểm của Mác - Ăngghen về vấn đề dân tộc

Vấn đề dân tộc là những nội dung nảy sinh trong quan hệ giữa các tộc người trong nội bộ quốc gia dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế, diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội tác động, ảnh hưởng xấu đến mỗi tộc người và mỗi quan hệ tộc người, quốc gia dân tộc đòi hỏi các nhà nước phải quan tâm giải quyết. Thực chất của vấn đề dân tộc là mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa các dân tộc, các quốc gia dân tộc, nhất là về các quyền cơ bản của các dân tộc: quyền được tồn tại với tính cách là một tộc người, dân tộc; quyền độc lập của tộc người, dân tộc; quyền dân tộc tự quyết, quyền dân tộc bình đẳng; quyền độc lập về kinh tế và những điều kiện để phát triển kinh tế lâu dài, bền vững; quyền giữ gìn và phát triển ngôn ngữ, văn hóa tộc người, dân tộc.

Vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài. Do dân số và trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đều nhau; do sự khác biệt về lợi ích; do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hoá, tâm lý; do tàn dư tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc; do thiếu sót, hạn chế trong hoạch định, thực thi chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước cầm quyền; do sự thống trị, kích động chia rẽ của các thế lực phản động đối với các dân tộc.

Vấn đề dân tộc có vị trí chiến lược trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, gắn liền với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân. Giải quyết vấn đề dân tộc

¹ Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021.

quan hệ mật thiết với vấn đề giai cấp của giai cấp công nhân, phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân lao động và của dân tộc; vừa là mục đích trước mắt vừa là nhiệm vụ lâu dài; vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thực chất giải quyết vấn đề dân tộc trong chủ nghĩa xã hội là xác lập quyền dân tộc cơ bản tạo nên những quan hệ công bằng, bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng nhau giữa các dân tộc trong quốc gia dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

+ Quan điểm của Lênin về giải quyết vấn đề dân tộc

Để giải quyết vấn đề dân tộc, V.I. Lênin đã đưa ra các nguyên tắc, giải pháp cơ bản là: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân các dân tộc.

Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng. Đây là nguyên tắc cơ bản nhất để giải quyết vấn đề dân tộc. Bình đẳng là quyền thiêng liêng của các dân tộc. Các dân tộc dù đa số hay thiểu số, trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao hay thấp... đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau, không một dân tộc nào được giữ đặc quyền đặc lợi và áp bức bóc lột dân tộc khác. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được pháp luật bảo vệ và được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó việc tích cực đấu tranh thủ tiêu sự áp bức bóc lột giai cấp, kết hợp sự phát triển tự thân của mỗi dân tộc với sự giúp đỡ có hiệu quả của các dân tộc khác để mỗi dân tộc phát triển, có cuộc sống phồn vinh, ấm no, tự do, hạnh phúc có ý nghĩa cơ bản nhất.

Các dân tộc được quyền tự quyết. Đây là nguyên tắc quan trọng nhằm bảo đảm chủ quyền dân tộc được tôn trọng, là cơ sở để thực hiện bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc. Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự quyết định, lựa chọn chế độ chính trị - xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình mà không một dân tộc nào khác có quyền can thiệp. Quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự quyết định tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi. Khi xem xét và giải quyết quyền tự quyết của các dân tộc, phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân; triệt để ủng hộ các phong trào dân tộc tiến bộ, kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các dân tộc, kích động chia rẽ, ly khai dân tộc, chống phá cách mạng.

Liên hiệp, đoàn kết công nhân các dân tộc. Đây vừa là nguyên tắc, vừa là giải pháp quan trọng nhằm tập hợp lực lượng cho công cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, để giải quyết vấn đề dân tộc. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là điều kiện tiên quyết thực hiện quyền bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc. Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc là đoàn kết lực lượng nòng cốt của phong trào đấu tranh cho tiến bộ, hòa bình và phát triển. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội là sức mạnh để phong trào dân tộc và giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Vì lợi ích của giai cấp công nhân đòi hỏi công nhân thuộc tất cả các dân tộc trong quốc gia phải tập hợp lại trong một tổ chức. Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc là thể hiện tinh thần yêu nước chân chính với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng cao cả.

Các nguyên tắc đó vừa có tính độc lập tương đối vừa quan hệ chặt chẽ, thống nhất với nhau. Trong đó, bình đẳng dân tộc là mục tiêu, là cơ sở cho quyền tự quyết dân tộc, liên hiệp đoàn kết giai cấp công nhân tất cả các dân tộc. Quyền tự quyết dân tộc là điều

kiện, phương tiện thực hiện bình đẳng dân tộc, đoàn kết giai cấp công nhân tất cả các dân tộc. Liên hiệp đoàn kết giai cấp công nhân tất cả các dân tộc thể hiện lập trường, bản chất giai cấp công nhân, tạo sức mạnh để thực hiện sự đoàn kết toàn thể dân tộc quốc gia và thực hiện đầy đủ hơn quyền tự quyết dân tộc.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam

Trung thành với quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, bám sát thực tiễn cách mạng, đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc là những luận điểm cơ bản toàn diện, phong phú, sâu sắc, khoa học và cách mạng và những chính sách dân tộc đúng đắn, cùng toàn Đảng lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc; bảo vệ độc lập dân tộc; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, đưa cách mạng Việt Nam vững bước tiến lên. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam trên những nội dung cơ bản sau.

Vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc chỉ có thể được thực hiện gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Hồ Chí Minh khẳng định: muốn cứu nước giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản - theo hình mẫu Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Trong Cương lĩnh thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ: nước ta, sau khi làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng thổ địa sẽ tiến hành đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện được sự nghiệp cách mạng vẻ vang đó, Người chủ trương giáo dục nâng cao ý thức dân tộc, xóa bỏ hiềm khích giữa các dân tộc, xây dựng khối đoàn kết dân tộc để “lấy sức ta giải phóng cho ta”.

Xây dựng mối quan hệ mới, tốt đẹp giữa các dân tộc: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển đi lên con đường ấm no, hạnh phúc. Người yêu cầu: “Các cấp bộ đảng phải thi hành đúng chính sách dân tộc, thực hiện sự bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc”¹. Nước độc lập rồi thì các dân tộc phải xóa bỏ mọi hiềm khích, phải đoàn kết, phải giúp đỡ nhau để các dân tộc có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Hồ Chí Minh nói: “Đồng bào tất cả các dân tộc, không phân biệt lớn nhỏ, phải thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, phải đoàn kết chặt chẽ như anh em một nhà để cùng nhau xây dựng Tổ quốc chung, xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho tất cả các dân tộc được hạnh phúc, ấm no”². Để thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh yêu cầu phải lấy khối liên minh công - nông - trí thức làm nền tảng. Thực hiện đại đoàn kết rộng rãi lâu dài; mở rộng, đa dạng các hình thức tập hợp đồng bào các dân tộc; sử dụng nhiều phương thức, biện pháp khoa học phù hợp với từng dân tộc, vùng miền.

Khắc phục tàn dư tư tưởng phân biệt, kì thị dân tộc, tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, chính sách dân tộc phải toàn diện, phù hợp với đặc điểm của từng dân tộc và vùng miền. Cảnh giác bài trừ các nguy cơ chia rẽ dân tộc... khắc phục tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc. Chính sách dân tộc phải toàn diện, phát huy được thế mạnh của từng vùng miền, từng dân tộc. Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội phải phát triển cả công nghiệp và nông nghiệp. Nhưng ở vùng dân tộc thiểu số có lợi thế đất - rừng nên cần phát triển thế mạnh đó bằng cách phát triển lâm nghiệp, để tạo tiền đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán riêng, bởi vậy, chính sách dân tộc phải chú ý đặc điểm đó. Người nói: “Một tỉnh có đồng bào Thái, đồng bào Mèo thì tuyên truyền huấn luyện đồng bào Thái khác, đồng bào Mèo

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tr. 323.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tr. 282.

khác, phải có sự thay đổi cho thích hợp”¹. Nội dung, phương pháp thực hiện chính sách dân tộc phải phù hợp: “Miền núi, đất rộng người thưa, tình hình vùng này không giống vùng khác... Vì vậy, áp dụng chủ trương với chính sách phải thật sát với tình hình mỗi nơi, tuyệt đối chớ dập khuôn, chớ máy móc, chớ nóng vội”².

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ là con em dân tộc thiểu số. Hồ Chí Minh khẳng định: Cán bộ là gốc của mọi công việc. Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Với vùng dân tộc thiểu số, cán bộ nhất là cán bộ sở tại cả nam và nữ càng quan trọng. Cho nên Người yêu cầu: “Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc cán bộ miền núi, có nhiều cán bộ người Kinh phải giúp đỡ anh em cán bộ địa phương tiên bộ, để anh em tự quản lý công việc địa phương chứ không phải là bao biện làm thay”³.

Lên án, vạch trần mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Lợi dụng những vấn đề do hoàn cảnh lịch sử, tự nhiên để lại, các thế lực thù địch không ngừng mị dân, xuyên tạc các quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta. Kích động chia rẽ dân tộc, đấu tranh đòi ly khai dân tộc. Để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh luôn chủ trương lên án, vạch trần mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá Dân tộc ta như tron Bnar tuyên ngôn độc lập năm 1945, Người viết: “...bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta... Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.”.

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

2.1.2.1. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia dân tộc thống nhất gồm 54 dân tộc cùng sinh sống. Trong suốt chiều dài dựng nước và giữ nước, do điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh lịch sử chi phối đã hình thành nên những đặc điểm cơ bản của cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam như sau.

Một là, các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất

Đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở Việt Nam. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, do yêu cầu khách quan của công cuộc đấu tranh chống thiên tai, địch họa dân tộc ta đã phải sớm đoàn kết thống nhất. Các dân tộc ở Việt Nam đều có chung cội nguồn, chịu ảnh hưởng chung của điều kiện tự nhiên, xã hội, chung vận mệnh dân tộc, chung lợi ích cơ bản - quyền được tồn tại, phát triển. Đoàn kết thống nhất đã trở thành giá trị tinh thần truyền thống quý báu của dân tộc, là sức mạnh để dân tộc ta tiếp tục xây dựng và phát triển đất nước.

Ngay từ thừa lập nước, quốc gia Văn Lang, Âu Lạc đã do cư dân của nhiều tộc người tạo nên. Trong quá trình phát triển quốc gia dân tộc ta tiếp nhận thêm nhiều tộc người di cư đến sinh sống. Hiện nay, nước ta có 54 dân tộc cùng sinh sống, không phân biệt đa số hay thiểu số đã gắn bó lâu đời, đồng cam cộng khổ trong lao động sản xuất, chiến đấu dựng xây và bảo vệ Tổ quốc. Sự gắn kết giữa các dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử đã bồi đắp nên truyền thống yêu nước, anh hùng, đoàn kết, cần cù, sáng tạo, giàu lòng nhân ái, tôn trọng giúp đỡ lẫn nhau. Trong lịch sử dân tộc ta không có các cuộc chiến tranh dân tộc, chiến tranh tôn giáo. Trái lại, trước họa ngoại xâm, các tộc người không phân biệt miền xuôi, miền ngược, đa số và thiểu số đều đoàn kết chiến đấu để giành và giữ độc lập dân

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 118.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 118.

³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 481.

tộc. Truyền thống đó đã thấm sâu vào tâm hồn, nhân cách của con người Việt Nam, trở thành giá trị truyền thống quý báu.

Hai là, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, chủ yếu là miền núi, biên giới, hải đảo

Do điều kiện tự nhiên, lịch sử chi phối, nhiều dân tộc di cư vào Việt Nam ở các thời điểm khác nhau, tạo nên hình thái cư trú xen ghép nhau trong phạm vi của tỉnh, huyện, xã và cả các ấp, bản, mường. Các dân tộc thiểu số không kể dân tộc Khơ Me, dân tộc Chăm cư trú ở cực Nam Trung Bộ, dân tộc Hoa cư trú chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh, còn lại đều cư trú chủ yếu trên các địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo chiếm 2/3 diện tích đất liền của đất nước có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Hiện nay, có những tỉnh miền núi, các dân tộc thiểu số vẫn chiếm số đông trong tỉnh như: Hà Giang, Cao Bằng (trên 90%), hoặc Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu (trên 70%); cũng có những tỉnh tỷ lệ đó không cao như: Kon Tum, Gia Lai (trên 50%), Đắk Lắk (28,6%). Hình thái cư trú xen ghép giữa các dân tộc có xu hướng ngày càng phổ biến trên phạm vi cả nước.

Tình trạng cư trú xen ghép giữa các dân tộc là điều kiện thuận lợi cơ bản để tăng cường quan hệ mọi mặt giữa các dân tộc, xây dựng các cộng đồng dân tộc ngày càng gắn bó bền vững, cùng nhau tiến bộ và phát triển, sự hoà hợp dân tộc tăng lên, sự cách biệt về trình độ phát triển từng bước thu hẹp lại. Tuy nhiên, nếu không có chính sách dân tộc đúng đắn thì cũng dễ dẫn đến gia tăng sự va chạm, xích mích, mâu thuẫn giữa các tộc người.

Ba là, các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và trình độ phát triển không đều

Theo số liệu điều tra dân số ngày 1 tháng 4 năm 2019, nước ta có 54 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh có hơn 82,085 triệu người, chiếm 85,32% dân số cả nước, 53 dân tộc thiểu số có hơn 14,123 triệu người chiếm 14,68% dân số cả nước. Dân số của các dân tộc thiểu số cũng chênh lệch nhau. Có sáu dân tộc có dân số từ 1 triệu trở lên gồm các dân tộc như Tày, Thái, Mường, Hmông, Khơme, Nùng; có 14 dân tộc có số dân từ dưới 1 triệu đến 100 ngàn người; 19 dân tộc có số dân dưới 100 ngàn người; 9 dân tộc có số dân từ dưới 10 ngàn người đến 1 ngàn người; 5 dân tộc có số dân dưới 1 ngàn người là: Sila, Púpeo, Romăm, Ođú, và Brâu.

Trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đều nhau. Có dân tộc đã đạt trình độ phát triển cao, đời sống đã tương đối khá như dân tộc Kinh, Hoa, Tày, Mường, Thái..., nhưng cũng có dân tộc trình độ phát triển thấp, đời sống còn nhiều khó khăn như một số dân tộc ở Tây Bắc, Trường Sơn, Tây Nguyên...

Bốn là, mỗi dân tộc ở Việt Nam đều có sắc thái văn hoá riêng, góp phần làm nên sự đa dạng, phong phú, thống nhất của văn hoá Việt Nam

Các dân tộc đều có sắc thái văn hoá về nhà cửa, ăn mặc, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo và ý thức dân tộc riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của văn hoá Việt Nam. Đồng thời các dân tộc cũng có điểm chung thống nhất về văn hoá, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, ý thức quốc gia dân tộc. Sự thống nhất trong đa dạng là đặc trưng của văn hoá các dân tộc ở Việt Nam. Do chung sống trong cùng một điều kiện tự nhiên xã hội, cùng chung vận mệnh dân tộc, nên các dân tộc ở Việt Nam đều có những giá trị văn hoá tinh thần chung, thống nhất như: tình đoàn kết, cố kết cộng đồng, lối sống thương người như thể thương thân, phẩm chất cần cù chịu khó, gan dạ, dũng cảm, giỏi chịu đựng, nhân nghĩa khoan dung, yêu chuộng hoà bình, ý thức tự hào dân tộc. Bởi thế, thống nhất trong đa dạng là nét độc đáo của văn hóa dân tộc Việt Nam.

2.1.2.2. Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

- Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc

Đại hội Đại biểu toàn quốc Khóa XIII, khẳng định: “Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hoá, xã hội ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng tính đặc thù của từng vùng dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Có cơ chế thúc đẩy tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng dân tộc thiểu số. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc”¹.

- Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước là hệ thống các chủ trương, kế hoạch, giải pháp của Đảng và Nhà nước tác động vào tất cả các lĩnh vực đời sống của các dân tộc, các vùng dân tộc và có thể đối với từng dân tộc riêng biệt, nhằm thực hiện quyền bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc để cùng phát triển.

Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta nhằm giải quyết các vấn đề dân tộc ở Việt Nam, hướng đến phát triển cộng đồng các dân tộc ấm no, hạnh phúc, nhằm xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam: Khắc phục sự cách biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc; nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, kì thị, chia rẽ dân tộc, lợi dụng vấn đề dân tộc để gây mất ổn định chính trị - xã hội, chống phá cách mạng; thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm cho tất cả các dân tộc ở Việt Nam đều phát triển, ấm no, hạnh phúc.

2. 2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.1.1. Khái niệm về tôn giáo

“Tôn giáo là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức”². Khái niệm được hiểu trên những nội dung sau.

- Tôn giáo là một cộng đồng xã hội, tồn tại bởi hệ thống các yếu tố có quan hệ chặt chẽ với nhau, gồm: đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức.

- Mỗi tôn giáo khác nhau, các yếu tố cấu thành hệ thống có đặc trưng khác nhau. Mỗi tôn giáo khác nhau có niềm tin tôn giáo khác nhau, niềm tin tôn giáo là yếu tố căn bản nhất, quyết định sự ra đời, tồn tại, phát triển của tôn giáo.

2.2.1.2. Phân biệt tôn giáo với mê tín dị đoan

Tôn giáo với mê tín dị đoan đều là niềm tin của con người gửi gắm vào các đối tượng siêu hình và có tác động điều chỉnh hành vi ứng xử của con người.

Mê tín dị đoan là hiện tượng xã hội tiêu cực, niềm tin mang tính chất mê muội, cực đoan, kỳ dị vào các đối tượng siêu hình, tác động làm cho ý thức, hành vi của con người

¹ Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021.

² *Lược định về tôn giáo*, 2016, điều 2, khoản 5.

trái với lẽ phải, trái đạo đức, văn hoá cộng đồng, gây hậu quả tiêu cực trực tiếp đến đời sống vật chất, tinh thần của cá nhân, cộng đồng xã hội.

Hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo được pháp luật bảo hộ, được xã hội thừa nhận. Hoạt động mê tín, dị đoan bị xã hội lên án, bị bài trừ. Những vi phạm về mê tín dị đoan sẽ bị xử lý theo qui định của pháp luật.

2.1.3. Nguồn gốc, tính chất của tôn giáo

2.1.3.1. Nguồn gốc của tôn giáo

- Nguồn gốc kinh tế - xã hội

Trong xã hội nguyên thủy, do trình độ lực lượng sản xuất thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối, lệ thuộc và bất lực trước tự nhiên. Vì vậy họ đã gán cho tự nhiên những lực lượng siêu tự nhiên có sức mạnh, quyền lực to lớn, quyết định đến cuộc sống và họ phải tôn thờ.

Khi xã hội có giai cấp đối kháng, nạn áp bức, bóc lột, bất công của giai cấp thống trị đối với nhân dân lao động là nguồn gốc nảy sinh tôn giáo. V.I.Lênin khẳng định: “Sự bất lực của giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bóc lột để ra lòng tin vào một cuộc sống tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia, cũng giống hệt như sự bất lực của người đã man trong cuộc đấu tranh chống thiên nhiên để ra niềm tin vào thần thánh, ma quỷ, vào những phép màu”.

Hiện nay, con người vẫn chưa hoàn toàn làm chủ tự nhiên và xã hội, áp bức, bóc lột, bất công vẫn diễn ra hàng ngày. Thiên tai, dịch bệnh, ... các vấn đề toàn cầu đã và đang đe dọa trực tiếp đến cuộc sống của người dân trên thế giới. Các cuộc xung đột giai cấp, dân tộc, tôn giáo vẫn còn diễn ra. Đây chính là những điều kiện kinh tế - xã hội, là nguồn gốc để tôn giáo tồn tại.

- Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo

Xa xưa, do trình độ nhận thức thấp kém, con người không lý giải được các hiện tượng bí ẩn của thế giới khách quan. Con người đã gán cho nó những sức mạnh siêu nhiên, tạo ra các biểu tượng tôn giáo. Mặt khác, trong quá trình biến chứng của nhận thức, con người nảy sinh những yếu tố suy diễn, tưởng tượng xa lạ với hiện thực khách quan, hình thành nên các biểu tượng tôn giáo. Ph.Ăngghen đã viết: “Sự nhân cách hoá các lực lượng tự nhiên làm nảy sinh ra những vị thần đầu tiên”.

Ngày nay, mặc dù khoa học kỹ thuật đã phát triển vượt bậc, tuy nhiên còn nhiều hiện tượng tự nhiên và xã hội, con người vẫn còn nhận thức mơ hồ về những vấn đề có liên quan đến đời sống, số phận của con người. Những hiện tượng may rủi, ngẫu nhiên, tâm linh vv con người vẫn chưa lý giải được một cách khoa học. Đây chính là nguồn gốc ra đời, phát triển của tôn giáo.

- Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo

Tình cảm, cảm xúc, tâm trạng lo âu, sợ hãi, buồn chán, tuyệt vọng đã dẫn con người đến sự khuất phục, không làm chủ được bản thân là cơ sở tâm lý để hình thành tôn giáo. Mặt khác, lòng biết ơn, sự tôn kính đối với những người có công khai phá tự nhiên và chống lại các thế lực áp bức bóc lột, bất công cũng là cơ sở để tôn giáo nảy sinh.

V.I.Lênin cho rằng: “sự sợ hãi của quần chúng trước những thế lực mù quáng của thiên nhiên, của sự áp bức, bóc lột, bất công của giai cấp thống trị đang hàng ngày, hàng giờ đe dọa, đem lại cho họ sự phá sản “đột ngột”, “bất ngờ”, “ngẫu nhiên”, làm cho họ phải

diệt vong, biến họ thành một người ăn xin, một kẻ bần cùng và dồn họ vào cảnh chết đói, đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại”¹.

Ngoài ra truyền thống, phong tục, tập quán, thói quen cũng là những nguyên nhân dẫn đến sự hình thành và phát triển của tôn giáo.

2.1.3.2. Tính chất của tôn giáo

- Tính lịch sử

Tôn giáo là sản phẩm của hoàn cảnh lịch sử, ra đời, tồn tại, biến đổi và mất đi gắn với sự vận động, biến đổi của xã hội loài người. Trong những điều kiện lịch sử khác nhau, dân tộc khác nhau thì quan niệm về thần, thánh, về thân phận con người và con đường giải thoát sẽ khác nhau. Tính lịch sử của tôn giáo phản ánh sự biến đổi thích nghi của tôn giáo với điều kiện mới của lịch sử nhân loại, dân tộc. Tôn giáo còn tồn tại lâu dài, nhưng sẽ mất đi khi con người làm chủ hoàn toàn tự nhiên, xã hội và tư duy.

- Tính quần chúng

Tôn giáo phản ánh khát vọng của quần chúng về một xã hội tự do, bình đẳng và bác ái, là nhu cầu tinh thần, niềm tin của một bộ phận đông đảo quần chúng nên được đông đảo quần chúng tin theo. Hiện nay, ở nước ta và trên thế giới có nhiều tín đồ, chức sắc tin theo các tôn giáo lớn là biểu hiện cụ thể tính quần chúng của tôn giáo.

- Tính chính trị

Trong xã hội có đối kháng giai cấp, giai cấp thống trị sử dụng tôn giáo làm công cụ nô dịch mê hoặc, ru ngủ người lao động chấp nhận sự áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị, tôn giáo có tính chính trị. Ngày nay, tôn giáo đã và đang bị các thế lực chính trị lợi dụng tôn giáo để thực hiện mục tiêu chính trị của mình.

- Tính đối lập với khoa học

Tôn giáo phản ánh hư ảo, sai lạc, duy tâm, thần bí thế giới hiện thực vào trong đầu óc con người nên nó đối lập với khoa học. Trong lịch sử tôn giáo đã từng sử dụng quyền lực tôn giáo để phủ nhận thành tựu, đàn áp các nhà khoa học. Tính chất đối lập với khoa học trở thành nội dung bản chất của tôn giáo, kìm hãm sự phát triển xã hội.

2.2.2. Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

2.2.2.1. Tình hình tôn giáo trên thế giới

Hiện nay trên thế giới có tới hơn 10.000 tôn giáo khác nhau, trong đó khoảng 150 tôn giáo có hơn 1 triệu tín đồ. Những tôn giáo lớn trên thế giới hiện nay gồm có: Kitô giáo (bao gồm Công giáo, Tin Lành, Anh giáo hay Chính thống giáo); Hồi giáo; Ấn Độ giáo; Phật giáo.

Các tôn giáo có xu hướng mở rộng ảnh hưởng ra toàn cầu; dân tộc hoá, bình dân hoá, mềm hoá các giới luật, lễ nghi để thích nghi, tồn tại, phát triển trong từng quốc gia dân tộc; các tôn giáo cũng gia tăng các hoạt động giao lưu, thực hiện thêm các chức năng phi tôn giáo, tích cực tham gia các hoạt động xã hội để mở rộng ảnh hưởng làm cho sinh hoạt tôn giáo đa dạng, sôi động và không kém phần phức tạp.

Nhiều tôn giáo, “hiện tượng tôn giáo lạ” ra đời, trong đó có không ít tổ chức tôn giáo là một trong những tác nhân gây xung đột tôn giáo, xung đột dân tộc gay gắt trên thế

¹ V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 17, Nxb Tiến bộ, Matxcova, 1979, tr. 515.

giới hiện nay. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiếp tục lợi dụng tôn giáo để chống phá, can thiệp vào các quốc gia dân tộc độc lập.

2.2.2.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

Giải quyết vấn đề tôn giáo là một quá trình lâu dài gắn với quá trình phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Để giải quyết tốt vấn đề tôn giáo, cần thực hiện các vấn đề có tính nguyên tắc sau:

Một là, giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới- xã hội xã hội chủ nghĩa

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, chỉ có thể giải phóng quần chúng khỏi ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo bằng cách từng bước giải quyết nguồn gốc tự nhiên, nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Đó phải là kết quả của sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới một cách toàn diện. Theo đó, giải quyết vấn đề tôn giáo phải sử dụng tổng hợp các giải pháp trên tất cả các lĩnh vực nhằm xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói, dốt nát. Tuyệt đối không được sử dụng mệnh lệnh hành chính cưỡng chế để tuyên chiến, xoá bỏ tôn giáo.

Hai là, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân, kiên quyết bài trừ mê tín dị đoan

Trong chủ nghĩa xã hội, tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, còn tồn tại lâu dài. Bởi vậy, phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân.

Nội dung cơ bản của quyền tự do tín ngưỡng là: Bất kì ai cũng được tự do theo tôn giáo mà mình lựa chọn, tự do không theo tôn giáo, tự do chuyển đạo hoặc bỏ đạo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa bảo đảm cho mọi công dân, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo đều được bình đẳng trước pháp luật. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Mọi tổ chức và cá nhân đều phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân. Tôn trọng gắn liền với không ngừng tạo điều kiện cho quần chúng tiến bộ mọi mặt, bài trừ mê tín dị đoan, bảo đảm cho tín đồ, chức sắc tôn giáo hoạt động theo đúng pháp luật.

Ba là, quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo

Tôn giáo có tính lịch sử, nên vai trò, ảnh hưởng của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội cũng thay đổi theo sự biến đổi của tồn tại xã hội. Bởi vậy, khi xem xét, đánh giá, giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo cần phải quán triệt quan điểm lịch sử, cụ thể, tránh giáo điều, máy móc, rập khuôn cứng nhắc. Những hoạt động tôn giáo đúng pháp luật được tôn trọng, hoạt động ích nước lợi dân được khuyến khích, hoạt động trái pháp luật, đi ngược lại lợi ích dân tộc bị xử lý theo pháp luật.

Bốn là, phân biệt rõ mối quan hệ giữa hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo

Trong xã hội, sinh hoạt tôn giáo tồn tại hai loại mâu thuẫn: Mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp bóc lột và thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động, đó là mặt chính trị của tôn giáo. Mâu thuẫn không đối kháng giữa những người có tín ngưỡng khác nhau hoặc giữa người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng, đó là mặt tư tưởng của tôn giáo. Cho nên, một mặt phải tôn trọng

quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, mặt khác phải kiên quyết đấu tranh loại bỏ mặt chính trị phản động của các thế lực lợi dụng tôn giáo.

Việc phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo nhằm: Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quần chúng nhân dân, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo; phát huy tinh thần yêu nước của những chức sắc tiến bộ trong các tôn giáo; kiên quyết vạch trần và xử lý kịp thời theo pháp luật những phần tử lợi dụng tôn giáo để hoạt động chống phá cách mạng.

2.2.3. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

2.2.3.1. Khái quát tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo và nhiều người tin theo các tôn giáo. Hiện nay, ở nước ta có 6 tôn giáo lớn: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Cao Đài, Hoà Hảo. Theo cuộc điều tra dân số của Tổng cục Thống kê Việt Nam, tính đến ngày 1 tháng 4 năm 2019, nước ta có 13.162.339 đi theo các tôn giáo. Có người cùng lúc tham gia nhiều hành vi tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

Trong những năm gần đây các tôn giáo đẩy mạnh hoạt động nhằm phát triển tổ chức, phát huy ảnh hưởng trong đời sống tinh thần xã hội. Các giáo hội đều tăng cường hoạt động mở rộng ảnh hưởng, thu hút tín đồ; tăng cường quan hệ với các tổ chức tôn giáo thế giới. Các cơ sở tôn giáo được tu bổ, xây dựng mới khang trang đẹp đẽ; các lễ hội tôn giáo diễn ra sôi động ở nhiều nơi. Đại đa số tín đồ chức sắc tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, theo hướng “tốt đời, đẹp đạo”.

Tuy nhiên tình hình tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Vẫn còn có chức sắc, tín đồ mang tư tưởng chống đối, cực đoan, quá khích gây tổn hại đến lợi ích dân tộc; vẫn còn các hoạt động tôn giáo xen lẫn với mê tín dị đoan, còn các hiện tượng tà giáo hoạt động làm mất trật tự an toàn xã hội. Nhiều nơi, tôn giáo được coi là nơi kinh doanh tâm linh, rửa tiền, nơi ẩn náu của các phần tử tiêu cực trong xã hội v.v. Người dân tham gia các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo mang tính phong trào, xu hướng đám đông v.v.

Các thế lực thù địch vẫn luôn lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng gắn vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” với cái gọi là “tự do tôn giáo” để chia rẽ tôn giáo, dân tộc; tài trợ, xúi giục các phần tử xấu trong các tôn giáo truyền đạo trái phép, lôi kéo các tôn giáo vào những hoạt động trái pháp luật, gây mất ổn định chính trị.

2.2.3.2. Quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

- Quan điểm của Đảng về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng ta khẳng định: tôn giáo còn tồn tại lâu dài, còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; tôn giáo có những giá trị văn hoá, đạo đức tích cực phù hợp với xã hội mới; đồng bào tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác tôn giáo vừa quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng. Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng sống “tốt đời, đẹp đạo”, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo.

- Chính sách của Nhà nước về giải quyết vấn đề tôn giáo

Về chính sách tôn giáo, Đảng ta khẳng định: “Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống “tốt đời, đẹp đạo”. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của nhân dân”.

Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; tôn trọng, bảo vệ giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng đáp ứng nhu cầu tinh thần của Nhân dân; bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo.

2.3. Đấu tranh phòng, chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

2.3.1. Âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

Chống phá cách mạng Việt Nam là âm mưu cố hữu, thuộc về bản chất và không bao giờ thay đổi của các thế lực thù địch, trong đó, vấn đề dân tộc, tôn giáo luôn bị các thế lực thù địch coi là một trọng điểm “ưu tiên”, “huyệt” nhạy cảm nhất, đặc biệt là ở cấp cơ sở. Âm mưu chủ đạo của chúng là sử dụng “ngòi nổ” dân tộc, tôn giáo làm nguyên cơ, cùng với việc lợi dụng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng để xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng với toàn xã hội, chuyển hóa, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thực hiện âm mưu “không đánh mà thắng”.

Mục tiêu cụ thể của việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch nhằm: Trực tiếp phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ đồng bào các dân tộc, chia rẽ đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo và giữa các đồng bào theo các tôn giáo khác nhau. Kích động các dân tộc thiểu số, tín đồ chức sắc tôn giáo chống lại chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước; đối lập các dân tộc, các tôn giáo với sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam; vô hiệu hóa sự quản lý của Nhà nước đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, gây mất ổn định chính trị - xã hội, nhất là ở vùng dân tộc, tôn giáo. Tạo dựng các tổ chức phản động trong các dân tộc thiểu số, các tôn giáo để tiếp tục chống phá cách mạng Việt Nam.

2.3.2. Thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

Việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, với nhiều thủ đoạn vừa tinh vi, xảo quyệt vừa trắng trợn, đê hèn.

Một là, chúng lợi dụng những vấn đề lịch sử để lại, những đặc điểm tâm lý, những khó khăn trong đời sống vật chất, tinh thần của các dân tộc, các tôn giáo; những thiếu sót, sai lầm trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo để xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin,

tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam, trực tiếp là quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo, hòng gây mâu thuẫn, tạo có can thiệp công việc nội bộ của Việt Nam.

Hai là, kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, ly khai dân tộc; kích động chia rẽ quan hệ dân tộc, quan hệ lương - giáo và giữa các tôn giáo, như đòi cái gọi là “tự do tôn giáo”, “tự trị”, thành lập “Vương quốc Mông độc lập”, “nhà nước Đê Ga”, “quốc gia Khơ Me Crôm”... hòng làm chia rẽ, phá hoại, suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam.

Ba là, phá hoại các cơ sở kinh tế - xã hội; mua chuộc, lôi kéo, ép buộc đồng bào các dân tộc, tôn giáo chống đối chính quyền, di cư và vượt biên trái phép, gây bất ổn chính trị - xã hội, bạo loạn, tạo các “điểm nóng” để vu khống Việt Nam đàn áp các dân tộc, các tôn giáo vi phạm “dân chủ”, “nhân quyền” để cô lập, làm suy yếu cách mạng Việt Nam...

Bốn là, chúng tìm mọi cách để xây dựng, nuôi dưỡng các tổ chức phản động người Việt Nam ở nước ngoài; tập hợp, tài trợ, chỉ đạo lực lượng phản động trong các dân tộc, các tôn giáo ở trong nước hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam như: truyền đạo trái phép để “tôn giáo hoá” các vùng dân tộc, lôi kéo, tranh giành đồng bào dân tộc, gây đối trọng với Đảng, chính quyền. Điển hình là các vụ bạo loạn ở Tây Nguyên năm 2001, 2004, việc truyền đạo Tin Lành trái phép vào các vùng dân tộc thiểu số Tây Bắc, Tây Nguyên.

Âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch rất nham hiểm. Tuy nhiên, âm mưu thủ đoạn đó của chúng có thực hiện được hay không thì không phụ thuộc hoàn toàn vào chúng, mà chủ yếu phụ thuộc vào tinh thần cảnh giác, khả năng ngăn chặn, sự chủ động tiến công của chúng ta.

2.3.3. Giải pháp đấu tranh phòng, chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

Đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo có nội dung toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Xét đến cùng, nội dung cơ bản nhất để vô hiệu hóa sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch ở cơ sở là thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế xã hội, mà trực tiếp là chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân các dân tộc, tôn giáo, củng cố xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở cơ sở, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Hiện nay, cần tập trung vào các nội dung, giải pháp sau:

2.3.3.1. Ra sức tuyên truyền, quán triệt quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch cho toàn dân, mà trực tiếp là đồng bào các dân tộc, tôn giáo ở cơ sở

Đây là giải pháp đầu tiên, rất quan trọng nhằm nâng cao nhận thức, xây dựng tinh thần cảnh giác để làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá ta của các thế lực thù địch. Chỉ trên cơ sở nâng cao nhận thức, tư tưởng của cả hệ thống chính trị, của toàn dân mà trực tiếp là của đồng bào các dân tộc, tôn giáo về các nội dung trên, thì chúng ta mới thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, vô hiệu hoá được sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch.

Nội dung tuyên truyền giáo dục phải mang tính toàn diện, tổng hợp. Hiện nay cần tập trung vào phổ biến sâu rộng các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc, tôn giáo, chính sách dân tộc, tôn giáo cho đồng bào các dân tộc, các tôn giáo. Phổ biến pháp luật và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của nhà nước, khơi dậy lòng tự tôn tự hào dân tộc,

truyền thông đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục để đồng bào hiểu rõ âm mưu thủ đoạn chia rẽ dân tộc, tôn giáo, lương giáo của các thế lực thù địch, để đồng bào đề cao cảnh giác không bị chúng lừa gạt lôi kéo lợi dụng. Vận động đồng bào các dân tộc, tôn giáo đạo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, thực hiện đúng chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo.

2.3.3.2. Tăng cường củng cố xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở

Đây là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao nội lực, tạo nên sức đề kháng trước mọi âm mưu thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù.

Cần tuân thủ những vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải dựa trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện đại đoàn kết phải rộng rãi, lâu dài. Mở rộng, đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Kiên quyết đấu tranh loại trừ nguy cơ phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Riêng đối với vấn đề dân tộc, tôn giáo, trước tiên cần phải thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo: Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, các tôn giáo. Chống kì thị chia rẽ dân tộc, tôn giáo, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, tự ti mặc cảm dân tộc, tôn giáo. Chủ động giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các vùng dân tộc, tôn giáo, bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia. Đây là tiền đề quan trọng để vô hiệu hoá sự chống phá của kẻ thù.

2.3.3.3. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo ở cơ sở

Đây cũng là một trong những giải pháp quan trọng, xét đến cùng có ý nghĩa nền tảng để vô hiệu hoá sự lợi dụng của kẻ thù. Khi đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao, đồng bào sẽ đoàn kết, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, thực hiện tốt quyền lợi, nghĩa vụ công dân thì không kẻ thù nào có thể lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam.

Bởi vậy, phải đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả các chương trình, dự án ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội miền núi vùng dân tộc, vùng tôn giáo tạo mọi điều kiện giúp đỡ đồng bào các dân tộc, các tôn giáo nhanh chóng xoá đói giảm nghèo nâng cao dân trí, sức khoẻ, bảo vệ bản sắc văn hoá các dân tộc. Khắc phục sự chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc, các tôn giáo; sự kì thị, chia rẽ dân tộc, tôn giáo. Thực hiện bình đẳng đoàn kết các dân tộc các tôn giáo phải bằng các những hành động thiết thực cụ thể như: ưu tiên đầu tư sức lực tiền của giúp đồng bào phát triển sản xuất.

2.3.3.4. Củng cố và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, trong đó chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt là người dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo

Tích cực xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng dân tộc, vùng tôn giáo. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ cả cán bộ lãnh đạo quản lý và cán bộ chuyên môn kĩ thuật, giáo viên là người dân tộc thiểu số, người có tôn giáo Bởi đây là đội ngũ cán bộ sở tại có rất nhiều lợi thế trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo. Đổi mới công tác dân vận vùng dân tộc, tôn giáo theo phương châm: chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, vững chắc; sử dụng nhiều phương pháp phù hợp với đặc thù từng dân tộc, từng tôn giáo.

2.3.3.5. Chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng làm thất bại mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng của các thế lực thù địch; kịp thời giải quyết tốt các điểm nóng

Chủ động xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh ở cơ sở, củng cố thế trận lòng dân vững chắc; chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng - văn hóa làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch. Kịp thời phát hiện, dập tắt mọi âm mưu, hành động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo kích động lôi kéo đồng bào gây bạo loạn. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thường xuyên vạch trần bộ mặt phản động của kẻ thù, để nhân dân nhận rõ và không bị lừa bịp. Vận động đồng bào tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước; vạch mặt thủ đoạn đê tiện, thâm hiểm của các thế lực phản động; không tin và nghe theo kẻ xấu xúi giục gây chia rẽ dân tộc, tôn giáo.

Khi xuất hiện điểm nóng, cần tìm rõ nguyên nhân, biện pháp giải quyết kịp thời, không để lan rộng, không để kẻ thù lấy cớ can thiệp; xử lý nghiêm minh theo pháp luật những kẻ cầm đầu ngoan cố chống phá cách mạng, không để bị động bất ngờ. Xử lý vụ việc có lý, có tình, đúng người, đúng tội; kiên quyết, cần trọng và tránh dùng biện pháp thô bạo, phân biệt rõ phần tử chống đối với quần chúng ngộ nhận bị địch lừa bịp, lôi kéo; lấy phòng ngừa là chính. Đồng thời kiên trì thuyết phục, vận động những người nhẹ dạ, cả tin nghe theo kẻ xấu, quay về với buôn làng, đời sống khoan hồng, độ lượng, bình đẳng đối với những người lầm lỗi đã ăn năn hối cải, phục thiện.

KẾT LUẬN

Vấn đề dân tộc và tôn giáo vẫn còn tồn tại và đang có những diễn biến hết sức phức tạp và khó lường. Âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam rất thâm độc nham hiểm. Nắm vững nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước là điều kiện tiên quyết để chúng ta đấu tranh làm thất bại âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, cả hệ thống chính trị, trực tiếp là hệ thống chính trị ở cấp cơ sở, đội ngũ viên chức cấp xã phường, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, các dân tộc anh em, đồng bào các tôn giáo đoàn kết một lòng, kịp thời phát hiện và chủ động đấu tranh ngăn chặn trước, từ xa thì âm mưu, thủ đoạn đó của chúng sẽ không thể nào thực hiện được.

HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU

1. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề dân tộc ?
2. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo ?
3. Âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch ?
4. Những giải pháp cơ bản đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch ?

Chương 3

PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ô nhiễm môi trường đang trở thành thách thức nghiêm trọng nhất đối với sự tồn tại, phát triển của con người hiện nay. Ô nhiễm môi trường đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ và đang âm thầm hủy hoại đời sống, kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia nói riêng, vận mệnh của loài người nói chung. Ô nhiễm môi trường là nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu, tạo ra các thảm họa toàn cầu như: nước biển dâng, sa mạc hóa, hạn hán, lũ lụt, bão tố, sóng thần, dịch bệnh, nghèo đói, xung đột, chiến tranh v.v.

Trong những năm qua, công tác bảo vệ môi trường có nhiều chuyển biến tích cực, nhận thức, ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường của các tầng lớp nhân dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn diễn ra hết sức phức tạp, ảnh hưởng cực kỳ nghiêm trọng đến đời sống sức khỏe nhân dân, đến sự phát triển của đất nước. Bảo vệ môi trường chưa thực sự trở thành nhiệm vụ, trách nhiệm hàng đầu, thường xuyên, liên tục của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội. Do vậy, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường, nhất là phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là vấn đề cấp bách đối với mọi người dân, của các cấp, các ngành ở nước ta hiện nay.

3.1. Những vấn đề chung về môi trường và bảo vệ môi trường

3.1.1. Một số khái niệm cơ bản

3.1.1.1. Môi trường

“Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung chủ yếu sau.

- Thành phần môi trường là yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, sinh vật, âm thanh, ánh sáng và các hình thái vật chất khác như cảnh quan thiên nhiên, khu vực dân cư, v.v.

- Vai trò của môi trường, cung cấp các yếu tố vật chất và phi vật chất để đảm bảo cho sự sống, tồn tại, phát triển của con người, sinh vật, tự nhiên; nơi chứa đựng, hấp thụ các chất thải của con người và sinh vật.

3.1.1.2. Ô nhiễm môi trường

“Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi tính chất vật lý, hóa học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên”². Khái niệm được hiểu trên những nội dung chủ yếu sau.

- Ô nhiễm môi trường là kết quả của sự biến đổi của các thành phần môi trường gây ảnh hưởng xấu đối với con người, sinh vật và tự nhiên.

- Sự biến đổi của các chỉ số về vật lý, sinh học, hoá học, cảnh quan và xã hội của các thành phần tự nhiên, nhân tạo của môi trường vượt quá mức giới hạn tiêu chuẩn được Nhà nước và các tổ chức quy định áp dụng để bảo vệ môi trường.

¹ Luật bảo vệ môi trường (2020), Điều 3, khoản 1.

² Luật bảo vệ môi trường (2020), Điều 3, khoản 12.

- Nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường, do tác động của tự nhiên và hoạt động xả thải của con người, sinh vật, trong đó hoạt động xả thải của con người là nguyên nhân chủ yếu và diễn ra ngày càng nghiêm trọng.

3.1.1.3. Bảo vệ môi trường

“Bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung chủ yếu sau.

- Mục đích của bảo vệ môi trường là làm cho môi trường ngày càng trong lành.
- Các biện pháp bảo vệ môi trường là tổng thể các hoạt động nhằm làm cho môi trường trong lành, và có tác động ngày càng tích cực đối với đời sống con người và sinh vật.
- Nội dung chủ yếu của hoạt động bảo vệ môi trường là: phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó với các sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm và suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.1.2. Vai trò của môi trường đối với đời sống con người và sinh vật

3.1.2.1. Môi trường là không gian sống cho con người và sinh vật

Để tồn tại, phát triển, con người và sinh vật trước tiên cần có không gian sinh tồn cho các hoạt động sống. Con người cần không gian để ở, lao động sản xuất, vui chơi giải trí... và sinh vật cần không gian để sinh tồn. Không có không gian, con người và sinh vật không thể sinh tồn. Không gian này lại đòi hỏi phải đạt đủ những tiêu chuẩn nhất định về các yếu tố vật lý, hoá học, sinh học, cảnh quan và xã hội. Môi trường đã cung cấp điều kiện đầu tiên - đó là không gian sinh tồn với những yếu tố đáp ứng tiêu chuẩn để đảm bảo cho sự sống, sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật.

Yêu cầu về không gian sống của con người thay đổi tùy theo trình độ phát triển của con người. Trên trái đất, không gian sinh tồn của con người và sinh vật không thay đổi. Con người với nhu cầu và sự gia tăng dân số nếu chiếm không gian sống ngày càng tăng lên thì không gian sinh tồn của sinh vật lại ngày càng giảm đi. Do đó, trong việc sử dụng môi trường để sinh sống, con người phải đảm bảo mối quan hệ hài hòa với tự nhiên. Tức là, phải bảo đảm sự cân bằng và bền vững của các hệ sinh thái, khai thác và sử dụng hợp lý các yếu tố của môi trường, cùng “chung sống hòa bình” với sinh vật, bảo vệ thiên nhiên.

3.1.2.2. Môi trường là nơi chứa đựng các nguồn tài nguyên cần thiết cho đời sống của con người và sinh vật

Sự sống của con người và sinh vật gắn liền với quá trình trao đổi chất. Khi sự trao đổi chất của con người và sinh vật không còn, sự sống không còn. Môi trường cung cấp các yếu tố vật chất để diễn ra quá trình trao đổi chất cho sự sống của con người và sinh vật như nước, không khí, khoáng chất ...thức ăn.

Tuy nhiên, với tính cách là sinh vật xã hội, trong lịch sử phát triển của mình, loài người đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển với nhu cầu ngày càng tăng về các tài nguyên. Bắt đầu từ khi con người biết canh tác cách đây khoảng 14-15 nghìn năm, vào thời kỳ đồ đá giữa cho đến khi phát minh ra máy hơi nước vào thế kỷ thứ XVII, đánh dấu sự khởi đầu của

¹ Luật bảo vệ môi trường (2020), Điều 3, khoản 3.

công cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong mọi lĩnh vực. Nhu cầu của con người về các nguồn tài nguyên không ngừng tăng lên về cả số lượng, chất lượng và mức độ phức tạp theo trình độ phát triển của xã hội. Môi trường đã cung cấp các nguồn tài nguyên cho nhu cầu phát triển của con người như: rừng tự nhiên cung cấp nước, bảo tồn tính đa dạng sinh học và độ phì nhiêu của đất, nguồn gỗ củi, dược liệu và cải thiện điều kiện sinh thái...; các thủy vực cung cấp nước, dinh dưỡng, nơi vui chơi giải trí và các nguồn thủy hải sản; khí quyển cung cấp oxy, hơi nước, gió, hấp thụ bức xạ... tạo ra sự thay đổi của nhiệt độ giữa ngày và đêm. Môi trường còn cung cấp các loại quặng, nguyên nhiên liệu cung cấp cho hoạt động sản xuất của con người. Mặt khác, con người lại khai thác chính sinh vật – thực thể cùng tồn tại với con người trong môi trường để làm nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, nguồn gen và các dạng vật chất khác phục vụ nhu cầu của con người.

3.1.2.3. Môi trường là nơi chứa đựng, hấp thụ các chất phế thải do con người tạo ra trong quá trình sống

Trong quá trình sống, con người và sinh vật luôn đào thải ra các chất thải vào môi trường. Tại đây các chất thải dưới tác động của vi sinh vật và các yếu tố môi trường khác sẽ bị phân huỷ, biến đổi từ phức tạp thành đơn giản và tham gia vào hàng loạt các quá trình sinh địa hoá phức tạp.

Trong thời kỳ sơ khai, khi dân số của nhân loại còn ít, chủ yếu do các quá trình phân huỷ tự nhiên làm cho chất thải sau một thời gian biến đổi nhất định lại trở lại trạng thái nguyên liệu của tự nhiên. Sự gia tăng dân số thế giới nhanh chóng, quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá làm số lượng chất thải tăng lên không ngừng dẫn đến chức năng này nhiều nơi, nhiều chỗ trở nên quá tải, gây ô nhiễm môi trường. Khả năng tiếp nhận và phân huỷ chất thải trong một khu vực nhất định gọi là khả năng đệm của khu vực đó. Khi lượng chất thải lớn hơn khả năng đệm, hoặc thành phần chất thải có nhiều chất độc, vi sinh vật gặp nhiều khó khăn trong quá trình phân huỷ thì chất lượng môi trường sẽ giảm và môi trường có thể bị ô nhiễm. Chức năng này có thể phân loại chi tiết như sau: Chức năng biến đổi lý - hoá học (phân huỷ hoá học nhờ ánh sáng, nhiệt độ hấp thụ, tách chiết các vật thải và độc tố); chức năng biến đổi sinh hoá (sự hấp thụ các chất dư thừa, chu trình ni tơ và cacbon, khử các chất độc bằng con đường sinh hoá); Chức năng biến đổi sinh học (khoáng hoá các chất thải hữu cơ, mùn hoá, amôn hoá, nitrat hoá và phản nitrat hoá).

3.1.2.4. Môi trường lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người

Môi trường trái đất là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người. Môi trường cung cấp sự ghi chép và lưu trữ lịch sử trái đất, lịch sử tiến hoá của vật chất và sinh vật, lịch sử xuất hiện và phát triển văn hoá của loài người. Cung cấp các chỉ thị không gian và tạm thời mang tín chất tín hiệu và báo động sớm các hiểm hoạ đối với con người và sinh vật sống trên trái đất như phản ứng sinh lý của cơ thể sống trước khi xảy ra các tai biến tự nhiên và các hiện tượng tai biến tự nhiên, đặc biệt như bão, động đất, núi lửa... Cung cấp và lưu giữ cho con người các nguồn gen, các loài động thực vật, các hệ sinh thái tự nhiên và nhân tạo, các vẻ đẹp, cảnh quan có giá trị thẩm mỹ để thưởng ngoạn, tôn giáo và văn hoá khác.

3.1.2.5. Bảo vệ con người và sinh vật khỏi những tác động từ bên ngoài

Các thành phần trong môi trường còn có vai trò trong việc bảo vệ cho đời sống của con người và sinh vật tránh khỏi những tác động từ bên ngoài như: tầng Ozon trong khí quyển có nhiệm vụ hấp thụ và phản xạ trở lại các tia cực tím từ năng lượng mặt trời.

3.1.3. Nội dung bảo vệ môi trường

3.1.3.1. Bảo vệ các thành phần môi trường và di sản thiên nhiên

- Bảo vệ môi trường nước mặt, môi trường nước dưới đất và môi trường nước biển

Bảo vệ môi trường nước mặt. Nước mặt là các nguồn nước tồn tại trên bề mặt của đất liền, hay hải đảo. Bảo vệ môi trường nước mặt là tiến hành các hoạt động thống kê, đánh giá, giảm thiểu và xử lý nước thải xả vào môi trường nước mặt; quan trắc, đánh giá chất lượng nước, trầm tích, môi trường thủy sinh của nguồn nước mặt và công khai thông tin phục vụ quản lý, khai thác và sử dụng nước mặt; điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt; công bố các khu vực môi trường nước mặt không còn khả năng chịu tải; đánh giá hạn ngạch xả nước thải vào môi trường nước mặt; xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và cải thiện môi trường nước mặt bị ô nhiễm; quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích sông liên quốc gia và chia sẻ thông tin phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật và thông lệ quốc tế.

Bảo vệ môi trường nước dưới đất. Nước dưới đất hay đôi khi còn được gọi là nước ngầm, là loại nước nằm bên dưới bề mặt đất trong các không gian rỗng của đất và trong các khe nứt của các thành tạo đá, và các không gian rỗng này có sự liên thông với nhau. Bảo vệ môi trường nước dưới đất là các hoạt động quan trắc, đánh giá thực hiện các biện pháp ứng phó kịp thời khi phát hiện có thông số môi trường vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia hoặc có sự suy giảm mực nước theo quy định; ngăn ngừa hóa chất độc hại, chất phóng xạ để không bị rò rỉ, phát tán vào nguồn nước dưới đất.

Bảo vệ môi trường nước biển. Nước biển là nước trong các biển hay đại dương. Bảo vệ môi trường nước biển là tiến hành các hoạt động điều tra, đánh giá chất lượng nước biển và công bố vùng rủi ro ô nhiễm, vùng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; quản lý, ngăn ngừa, giảm thiểu, kiểm soát chặt chẽ nguồn phát thải từ đất liền, hải đảo và các hoạt động trên biển; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; quản lý, kiểm soát các hoạt động khai thác nguồn lợi từ biển và hải đảo, hoạt động kinh tế-xã hội khác phù hợp với quy hoạch và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường biển; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và phối hợp giữa cơ quan nhà nước Việt Nam với cơ quan, tổ chức nước ngoài trong việc chia sẻ thông tin, đánh giá chất lượng môi trường nước biển và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển xuyên biên giới.

- Bảo vệ môi trường không khí

Là các hoạt động quan trắc, giám sát thường xuyên, liên tục chất lượng môi trường không khí; tình trạng ô nhiễm môi trường không khí; các nguồn phát thải bụi, khí thải có tác động xấu đến môi trường không khí để tiến hành các biện pháp thông báo, cảnh báo kịp thời, kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm và xử lý các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm theo quy định của pháp luật.

- Bảo vệ môi trường đất

Là các hoạt động tiến hành xem xét, đánh giá các quy hoạch, kế hoạch, dự án và hoạt động có sử dụng đất tác động đến môi trường đất, để có giải pháp phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái, bảo vệ môi trường đất. Quan trắc, điều tra, đánh giá, phân loại các khu vực ô nhiễm môi trường đất do các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân gây ra. Xử lý và buộc các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất gây ô nhiễm môi trường đất phải cải tạo, phục hồi. Xử lý, cải tạo và phục hồi môi

trường đất ở khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm.

- Bảo vệ di sản thiên nhiên

Di sản thiên nhiên là tập hợp những tài sản tự nhiên nằm trong lãnh thổ của một quốc gia. Di sản thiên nhiên có vẻ đẹp nổi bật, độc đáo hoặc hiếm gặp của thiên nhiên; có giá trị điển hình về quá trình tiến hóa sinh thái, sinh học hoặc nơi cư trú tự nhiên của loài nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu hoặc chứa đựng các hệ sinh thái đặc thù, đại diện cho một vùng sinh thái tự nhiên hoặc có giá trị đa dạng sinh học đặc biệt khác cần bảo tồn; có đặc điểm nổi bật, độc đáo về địa chất, địa mạo hoặc chứa đựng dấu tích vật chất về các giai đoạn phát triển của Trái Đất; có tầm quan trọng đặc biệt trong việc điều hòa khí hậu, bảo vệ nguồn nước, giữ cân bằng sinh thái, cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên.

Di sản thiên nhiên bao gồm: vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan được xác lập theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; danh lam thắng cảnh được công nhận là di sản văn hóa được xác lập theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận; di sản thiên nhiên khác được xác lập, công nhận theo quy định.

Bảo vệ di sản thiên nhiên là tiến hành các hoạt động điều tra, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; phục hồi di sản thiên nhiên, tiến hành các biện pháp kiểm soát nhằm bảo đảm khai thác và sử dụng một cách hợp lý các di sản thiên nhiên. Mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm bảo vệ di sản thiên nhiên.

3.1.3.2. Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Yêu cầu. Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các khu kinh tế, cụm công nghiệp, khu sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung, làng nghề vv: Phải có hệ thống thu gom, lưu giữ chất thải rắn; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; hệ thống quan trắc nước thải đối với trường hợp khu kinh tế có hệ thống xử lý nước thải tập trung phải quan trắc tự động, liên tục; diện tích cây xanh bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng; phải có bộ phận chuyên môn, phụ trách và có chuyên môn phù hợp.

Trách nhiệm. Ban quản lý các khu kinh tế, cụm công nghiệp, khu sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung, làng nghề tiến hành kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường các khu chức năng sản xuất công nghiệp trong khu kinh tế; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, thanh tra về bảo vệ môi trường; tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trong khu kinh tế theo kế hoạch; phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật; báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của khu kinh tế theo quy định của pháp luật.

3.1.3.3. Bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn

- Bảo vệ môi trường khu đô thị, khu dân cư

Nguyên tắc: Bảo vệ môi trường khu đô thị, khu dân cư tập trung phải thực hiện theo nguyên tắc phát triển bền vững gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa, lịch sử và

bảo đảm tỷ lệ không gian xanh, yêu cầu về cảnh quan, vệ sinh môi trường theo quy hoạch.

Yêu cầu và trách nhiệm đối với chủ dự án khu đô thị và khu dân cư phải: có mạng lưới cấp, thoát nước, công trình vệ sinh nơi công cộng đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; hệ thống thu gom, xử lý nước thải đồng bộ, phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; có thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu đô thị, khu dân cư tập trung; có diện tích cây xanh, mặt nước, không gian thoáng trong khu đô thị, khu dân cư tập trung theo quy định của pháp luật; có công viên, vườn hoa, cây xanh, mặt nước, đường giao thông công cộng, hệ sinh thái tự nhiên phải được bảo vệ, giữ gìn, tôn tạo, đáp ứng yêu cầu về mỹ quan, bảo vệ môi trường và không được lấn chiếm, san lấp, sử dụng sai mục đích; khu dân cư, cụm dân cư phân tán phải có địa điểm lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường trước khi vận chuyển đến địa điểm xử lý theo quy định.

- Bảo vệ môi trường nông thôn

Yêu cầu. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất tiêu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm không ảnh hưởng đến chất lượng môi trường xung quanh; chất thải phải được thu gom, tái sử dụng, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; cụm dân cư nông thôn phải có hệ thống thoát nước và biện pháp xử lý nước thải phù hợp; điểm tập kết chất thải phải được bố trí hợp lý; không chăn, thả động vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng; khuyến khích hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường; cảnh quan, cây xanh, ao hồ, hệ sinh thái nước mặt, nguồn nước phải được giữ gìn, bảo vệ, phục hồi và cải tạo; chất thải phát sinh trên địa bàn nông thôn phải được quản lý theo quy định của pháp luật; chất thải sinh hoạt hữu cơ, chất thải từ chăn nuôi, chế biến và phụ phẩm nông nghiệp phải được thu hồi, tái sử dụng hoặc làm nguyên liệu sản xuất; chất lượng môi trường nông thôn phải được theo dõi, đánh giá; khu vực ô nhiễm phải được xác định, khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường và thực hiện biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường.

Trách nhiệm bảo vệ môi trường nông thôn. Ủy ban nhân dân các cấp tiến hành phân cấp quản lý, kiểm tra, giám sát, kiểm soát các loại chất thải sinh hoạt, nông nghiệp, tiêu thủ công nghiệp. Tiến hành thu gom, xử lý chất thải và khu vực ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường. Ban hành, hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật.

- Bảo vệ môi trường nơi công cộng

Yêu cầu. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; phân loại, chuyển rác thải vào từng loại thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

Trách nhiệm. Tổ chức, cá nhân quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác phải: bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý; có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát; xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về

bảo vệ môi trường; ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi quản lý; phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân

Yêu cầu, trách nhiệm. Hộ gia đình và cá nhân phải: giảm thiểu, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đã được phân loại đến đúng nơi quy định; giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định; không để vật nuôi gây mất vệ sinh trong khu dân cư; không phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh; chi trả kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật; tham gia hoạt động bảo vệ môi trường tại cộng đồng dân cư; có công trình vệ sinh theo quy định. Chuồng trại chăn nuôi quy mô hộ gia đình phải bảo đảm vệ sinh, không gây ô nhiễm tiếng ồn, phát tán mùi khó chịu; chất thải từ hoạt động chăn nuôi phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.1.3.4. Bảo vệ môi trường ở một số lĩnh vực chủ yếu khác

- Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp

Yêu cầu. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón trong sản xuất nông nghiệp phải thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan. Các loại hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y có độc tính cao, bền vững, lan truyền, tích tụ trong môi trường, tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người phải được đăng ký, kiểm kê, kiểm soát, quản lý thông tin, đánh giá, quản lý rủi ro và xử lý theo quy định của pháp luật. Phân bón, sản phẩm xử lý môi trường chăn nuôi phải được quản lý theo quy định. Phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa, sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, sản xuất phân bón, sản xuất năng lượng hoặc phải được xử lý theo quy định; không đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng gây ô nhiễm môi trường. Việc sử dụng chất thải từ hoạt động chăn nuôi để làm phân bón hữu cơ, nước tưới cây hoặc mục đích khác phải thực hiện theo quy định.

Trách nhiệm. Nhà nước có chính sách khuyến khích đổi mới mô hình, phương pháp sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm nước, hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học và sản phẩm xử lý môi trường trong nông nghiệp; phát triển mô hình nông nghiệp thân thiện môi trường.

- Bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế và kiểm soát tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người

Yêu cầu đối với bệnh viện, cơ sở y tế: Thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả ra môi trường; phân loại chất thải rắn tại nguồn; thực hiện thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; ưu tiên lựa chọn công nghệ không đốt, thân thiện môi trường và đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trong xử lý chất thải y tế lây nhiễm; khuyến khích việc khử khuẩn chất thải y tế lây nhiễm để loại bỏ mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm trước khi chuyển về nơi xử lý tập trung; có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế gây ra; xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; xây dựng, vận hành công trình vệ sinh, hệ thống thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải theo quy định.

Trách nhiệm. Cơ sở y tế sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ phải đáp ứng yêu

cầu của pháp luật về năng lượng nguyên tử. Chất ô nhiễm tác động trực tiếp đến sức khỏe con người phải được quản lý như sau: nhận diện, đánh giá, cảnh báo, phòng ngừa và kiểm soát chất ô nhiễm có khả năng tác động đến sức khỏe con người; các vấn đề về bệnh tật và sức khỏe con người có liên quan trực tiếp đến chất ô nhiễm; kiểm soát và xử lý từ nguồn phát sinh đối với chất ô nhiễm có tác động đến sức khỏe con người và vấn đề về bệnh tật được xác định có nguyên nhân trực tiếp từ chất ô nhiễm; quản lý, chia sẻ, công bố thông tin về chất ô nhiễm có tác động trực tiếp đến sức khỏe con người.

- Bảo vệ môi trường trong mai táng, hỏa táng

Yêu cầu. Khu mai táng, hỏa táng phải phù hợp với quy hoạch; có vị trí, khoảng cách đáp ứng yêu cầu về vệ sinh môi trường, cảnh quan khu dân cư, không gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh. Việc quản, ướp, di chuyển, chôn cất thi thể, hài cốt phải bảo đảm yêu cầu về vệ sinh môi trường.

Trách nhiệm. Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ mai táng, hỏa táng phải chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng, chống bệnh truyền nhiễm; Nhà nước khuyến khích việc hỏa táng, mai táng hợp vệ sinh, trong khu nghĩa trang theo quy hoạch; xóa bỏ hủ tục trong mai táng, hỏa táng gây ô nhiễm môi trường. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc mai táng, hỏa táng người chết do dịch bệnh nguy hiểm.

- Bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng

Yêu cầu. Quy hoạch xây dựng phải bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc quy hoạch khu đô thị, khu dân cư tập trung phải hướng tới phát triển khu đô thị sinh thái, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, bảo đảm tỷ lệ diện tích cây xanh, mặt nước, cảnh quan theo quy định của pháp luật. Khuyến khích việc tái sử dụng chất thải từ hoạt động xây dựng, sử dụng vật liệu không nung và vật liệu thân thiện môi trường trong xây dựng.

Trách nhiệm. Các tổ chức, cá nhân khi thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau đây: có biện pháp không phát tán bụi, nhiệt, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; việc vận chuyển vật liệu, chất thải trong hoạt động xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện phù hợp, bảo đảm không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường; nước thải phải được thu gom, xử lý, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định; đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng theo quy định; đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào móng cọc được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp; bùn thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

- Bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải

Yêu cầu. Phương tiện giao thông vận tải phải được cơ quan đăng kiểm kiểm định, xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, chất thải phải được che chắn, không để rơi vãi gây ô nhiễm môi trường khi tham gia giao thông. Tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng nguy hiểm phải bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện, năng lực về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Việc vận chuyển hàng hóa, vật liệu có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường phải được thực hiện bằng thiết bị, phương tiện chuyên dụng, bảo đảm không rò

ri, phát tán ra môi trường. Việc xây dựng công trình giao thông phải có giải pháp hạn chế, giảm thiểu các tác động đến địa hình, cảnh quan, địa chất, di sản thiên nhiên.

Trách nhiệm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển; có giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I. Chính phủ ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng năng lượng tái tạo, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, phát thải thấp hoặc không phát thải; lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường. Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông vận tải theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy định khác của pháp luật có liên quan; hướng dẫn và tổ chức thực hiện hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa theo quy định.

- Bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và hoạt động dầu khí

Yêu cầu. Tổ chức, cá nhân tiến hành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và hoạt động dầu khí phải có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường sau đây: thu gom, xử lý nước thải theo quy định; thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, xả khí thải và tác động xấu khác đến môi trường xung quanh; có phương án cải tạo, phục hồi môi trường; ký quỹ bảo vệ môi trường theo quy định.

Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khi thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và hoạt động dầu khí phải: có các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường; phân tích, đánh giá, lựa chọn giải pháp tốt nhất để cải tạo, phục hồi môi trường; xây dựng kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình quan trắc môi trường trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án; khoáng sản có tính chất độc hại phải được lưu giữ, vận chuyển bằng phương tiện, thiết bị chuyên dụng, được che chắn bảo đảm không rò rỉ, phát tán ra môi trường; việc sử dụng máy móc, thiết bị có tác động xấu đến môi trường, hóa chất độc hại trong thăm dò, khai thác, đóng cửa mỏ, chế biến khoáng sản phải được đánh giá tác động môi trường, khai báo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; việc thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến khoáng sản khác có chất phóng xạ, chất độc hại, chất nổ phải thực hiện theo quy định của pháp luật về an toàn hóa chất, năng lượng nguyên tử và quy định khác có liên quan.

3.1.3.5. Bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác

- Yêu cầu trong quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác

Đối với chất thải. Chất thải phải được quản lý trong toàn bộ quá trình phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy; chủ nguồn thải chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải hoặc chuyển giao cho cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp để xử lý; chủ nguồn thải chất thải công nghiệp phải kiểm soát có trách nhiệm phân định chất thải là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường thông qua hoạt động lấy, phân tích mẫu do cơ sở

có chức năng, đủ năng lực thực hiện theo quy định của pháp luật. Chất thải công nghiệp sau khi phân định phải được quản lý theo quy định của pháp luật; chất thải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quản lý như sản phẩm, hàng hóa và được phép sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất; tổ chức, cá nhân vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý có trách nhiệm vận chuyển chất thải đến cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp hoặc chuyển giao cho tổ chức, cá nhân vận chuyển khác để vận chuyển đến cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp; việc quản lý chất thải phóng xạ được thực hiện theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Đối với nước thải. Nước thải phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; nước thải được khuyến khích tái sử dụng khi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và mục đích sử dụng nước; nước thải có chứa thông số môi trường nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; việc xả nước thải sau xử lý ra môi trường phải được quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận.

Đối với bụi, khí thải. Phải kiểm soát và xử lý bụi, khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Bụi có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

- *Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và Nhà nước trong quản lý chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác*

Tổ chức, cá nhân. Có trách nhiệm áp dụng giải pháp tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo; áp dụng công nghệ, chương trình sản xuất sạch hơn, kiểm soát môi trường và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải; cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia khi chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý cho cơ sở có giấy phép môi trường phù hợp. Các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng phát tán bụi, khí thải phải có bộ phận lọc, giảm thiểu khí thải, thiết bị che chắn hoặc biện pháp khác để giảm thiểu bụi bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Nhà nước có chính sách xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ quá trình xử lý *chất thải*; áp dụng công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu, kiểm soát chất thải thứ cấp phát sinh, hạn chế tối đa lượng chất thải rắn phải chôn lấp; khuyến khích đồng xử lý chất thải, sử dụng chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thay thế. Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn. Hướng dẫn thực hiện hoạt động phòng ngừa, kiểm tra, giám sát, xử lý các nguồn bụi, khí thải gây ô nhiễm không khí.

3.1.3.6. *Ứng phó với biến đổi khí hậu*

Biến đổi khí hậu trái đất là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm: Khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai, bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định. Nguyên nhân chính làm biến đổi khí hậu Trái Đất là do sự gia tăng các hoạt động tạo ra các chất thải khí nhà kính, các hoạt động khai thác quá mức các bể hấp thụ và bể chứa khí nhà kính như sinh khối, rừng, các hệ sinh thái biển, ven bờ và đất liền khác. Biến đổi khí hậu là nguyên nhân dẫn đến mất cân bằng hệ

sinh thái và đa dạng sinh học, dịch bệnh tăng cao, thiên tai ngày càng nặng nề, các nguồn tài nguyên dần cạn kiệt, băng tan, nước biển dâng, hiệu ứng nhà kính ngày càng tăng, chiến tranh vv. Ứng phó với biến đổi khí hậu là hoạt động của con người nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon.

- Thích ứng với biến đổi khí hậu

Thích ứng với biến đổi khí hậu là các hoạt động nhằm tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên và xã hội, giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và tận dụng cơ hội do biến đổi khí hậu mang lại.

Nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu bao gồm: Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực, khu vực và cộng đồng dân cư trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu và dự báo phát triển kinh tế - xã hội; triển khai hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng và dựa vào hệ sinh thái; ứng phó với nước biển dâng và ngập lụt đô thị; xây dựng, triển khai hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trách nhiệm. Các cơ quan chức năng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật quy định về thích ứng với biến đổi khí hậu; hướng dẫn đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia.

- Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Các khí nhà kính gồm: carbon dioxide (CO₂), methane (CH₄) và nitrous oxide (N₂O). Các khí có hàm lượng thấp nhưng có tiềm năng cao gây hiệu ứng nhà kính là hydrofluorocarbons (HFCs), perfluorocarbons (PFCs), sulphur hexafluoride (SF₆) và nitrogen trifluoride (NF₃).

Nội dung giảm nhẹ phát thải khí nhà kính bao gồm: tổ chức thực hiện hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và hấp thụ khí nhà kính theo lộ trình phù hợp với điều kiện của đất nước và cam kết quốc tế; kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; kiểm tra việc tuân thủ quy định về kiểm kê khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, việc thực hiện cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; xây dựng và triển khai cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước.

Trách nhiệm. Nhà nước và các cơ quan chức năng ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính; điều kiện và tình hình phát triển kinh tế-xã hội; tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng trên đơn vị sản phẩm, dịch vụ đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Xây dựng, ban hành hệ thống quốc gia kiểm kê khí nhà kính; hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; định kỳ xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính; xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; hướng dẫn việc lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý để giảm nhẹ phát thải khí.

Cơ sở phát thải khí nhà kính phải tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính và gửi kết quả kiểm kê khí nhà kính định kỳ 02 năm một lần đến cơ quan chức năng. Xây dựng, thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm.

- Bảo vệ tầng ozon

Tầng ozon là một khu vực trong tầng bình lưu của Trái Đất, chứa nồng độ ozon (O₃) cao, có khả năng hấp thụ đến 99% các bức xạ cực tím của Mặt Trời. Bảo vệ tầng ozon là hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm ngăn ngừa sự suy giảm tầng ozon, hạn chế tác động có hại của bức xạ cực tím từ Mặt Trời.

Nội dung bảo vệ tầng ozon bao gồm: Quản lý hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ và loại trừ các chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ozon mà Việt Nam là thành viên; thực hiện việc thu gom, tái chế, tái sử dụng hoặc tiêu hủy các chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát thuộc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về bảo vệ tầng ozon trong thiết bị có các chất này khi không còn sử dụng; phát triển và ứng dụng công nghệ, thiết bị sử dụng các chất không làm suy giảm tầng ozon, chất thân thiện khí hậu.

Trách nhiệm. Đối với các cơ quan chức năng theo quy định xây dựng Kế hoạch quốc gia quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát theo điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ozon mà Việt Nam là thành viên; ban hành danh mục và hướng dẫn sử dụng các chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát phù hợp với lộ trình thực hiện điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ozon; quản lý, kiểm soát, giảm thiểu sử dụng và loại trừ các chất thuộc danh mục quy định; tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính; ban hành quy định quản lý, chính sách hỗ trợ chuyển đổi công nghệ loại trừ, giảm thiểu sử dụng các chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát.

Đối với các cơ sở sản xuất và sử dụng thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sử dụng chất thuộc danh mục quy định phải xây dựng lộ trình phù hợp để thay thế, loại bỏ hoặc chuyển đổi công nghệ bảo vệ tầng ozon và phải thực hiện quy định về thu gom, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng, tiêu hủy chất làm suy giảm tầng ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính.

3.2. Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

3.2.1. Tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam gần đây

3.2.1.1. Trong lĩnh vực xử lý chất thải, khí thải công nghiệp

Tình hình vi phạm pháp luật về môi trường trong lĩnh vực xử lý chất thải, khí thải công nghiệp tiếp tục diễn biến nghiêm trọng ở nhiều địa phương, tập trung chủ yếu tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, nơi tập trung các công ty, các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất... Nhiều khu công nghiệp, nhà máy không xây dựng hệ thống xử lý nước thải, hoặc có xây dựng nhưng không vận hành hoặc chỉ vận hành để đối phó với cơ quan chức năng khi có kiểm tra, thường xuyên xả nước thải chưa qua xử lý hoặc đã xử lý nhưng chưa đạt tiêu chuẩn ra môi trường. Một số doanh nghiệp sử dụng các thủ đoạn như xây dựng hệ thống xả thải ngầm, xả thải vào ban đêm, khi triều lên, trời mưa, lén lút xả nước thải sản xuất vào đường thoát nước mưa... Các lực lượng chức năng đã phát hiện, xử lý nhiều doanh nghiệp lớn sử dụng thủ đoạn này, như nhà máy xử lý nước thải tập trung thuộc Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành (Khu công nghiệp Long Thành, Đồng Nai); nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Linh Trung 1 (Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh); nhà máy Toyota (Khu công nghiệp Nội Bài, Hà Nội), đặc biệt là công ty Fomosa Hà Tĩnh với sự cố môi trường năm 2016.... Vi phạm pháp luật về môi trường trong việc xả thải là một trong những

nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm nguồn nước các dòng sông, kênh rạch, ao hồ, phát sinh dịch bệnh cho người và các loài vật nuôi, cây trồng.

3.2.1.2. Trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng

Trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng, nổi lên tình trạng khai thác, mua bán, vận chuyển, xuất khẩu cây cỏ thụ, gỗ quý, cây bóng mát có nguồn gốc từ rừng tự nhiên. Một số đối tượng lợi dụng sơ hở trong quy định của pháp luật để khai thác các loại cây có nguồn gốc tự nhiên đưa về trồng tại vườn, sau đó xin giấy phép để hợp thức hóa việc vận chuyển, tiêu thụ, gây khó khăn cho công tác xử lý. Tình trạng hủy hoại rừng tiếp tục diễn ra công khai, nghiêm trọng ở các khu rừng quốc gia, dự án phát triển rừng nghèo, rừng sản xuất, rừng chuyển đổi mục đích... với thủ đoạn lợi dụng các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp, dự án thủy điện, phát triển hạ tầng để khai thác gỗ trái phép. Đặc biệt, tại một số tỉnh miền Trung, Nam Bộ, Tây Nguyên, trước thông tin một số doanh nghiệp Trung Quốc thu mua sắn, khoai lang giá cao, nhiều hộ dân đã phá bỏ cây trồng trước đây, phá rừng lấy đất, mở rộng nương rẫy để trồng sắn, khoai lang. Nếu không có biện pháp quản lý, khoanh vùng kịp thời sẽ dẫn đến nguy cơ phá rừng tràn lan.

3.2.1.3. Trong công tác quản lý chất thải nguy hại

Công tác quản lý chất thải nguy hại đã và đang bị buông lỏng. Cả nước hiện có 80 doanh nghiệp được cấp phép xử lý chất thải nguy hại, phần lớn các doanh nghiệp này có công nghệ, thiết bị lạc hậu, ký kết hợp đồng xử lý chất thải nguy hại nhưng không xử lý hoặc có xử lý nhưng không đảm bảo yêu cầu rồi chôn lấp tại các khu xử lý chất thải sinh hoạt hoặc trong khuôn viên nhà máy. Tình trạng nhập khẩu phế liệu lẫn tạp chất và chất thải nguy hại qua các cửa khẩu lớn tại Hải Phòng, Quảng Ninh, TP. Hồ Chí Minh và qua tuyến biên giới một số tỉnh miền Tây Nam bộ vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp với thủ đoạn ngày càng tinh vi. Hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý trái phép chất thải nguy hại như dầu máy thải, ắc quy chì cũ, bùn thải và bã quặng kim loại vẫn diễn ra tràn lan, nhất là các cơ sở tái chế chất thải nguy hại quy mô nhỏ trong các làng nghề - một trong những tác nhân quan trọng làm ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng.

3.2.1.4. Trong lĩnh vực bảo vệ động vật quý hiếm, hoang dã

Theo ước tính hiện nay, có gần 1.556 loài có nguy cơ bị tuyệt chủng hoặc có thể gần tuyệt chủng cần được bảo vệ. Tuy nhiên, do động vật quý hiếm, hoang dã có lợi nhuận cao nên vi phạm có chiều hướng gia tăng, thủ đoạn che giấu ngày càng tinh vi. Nổi lên là hoạt động săn bắt, nuôi nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép nhiều loại động vật hoang dã, quý hiếm như hổ, voi, tê tê, rùa, rắn... và các sản phẩm của chúng, thậm chí hình thành những đường dây buôn bán có sự cấu kết chặt chẽ, khép kín giữa các đối tượng ở trong nước và nước ngoài. Việc vận chuyển, buôn bán động vật quý hiếm, hoang dã khi bị phát hiện các đối tượng thường dùng thủ đoạn khai nhận chở thuê cho đối tượng không quen biết để gây khó khăn cho việc điều tra, xử lý của cơ quan chức năng.

3.2.1.5. Trong lĩnh vực y tế

Trong lĩnh vực y tế, việc bảo vệ môi trường tại các bệnh viện và cơ sở y tế chưa được chú trọng, đặc biệt là ở các bệnh viện, cơ sở y tế cấp huyện, công tác quản lý chất thải còn lỏng lẻo, sơ hở, hành vi mua bán chất thải bệnh viện còn diễn ra khá phổ biến ở nhiều nơi. Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc chữa bệnh, dược phẩm sử dụng hóa chất, nguyên liệu, hương liệu... không rõ nguồn gốc, không đảm bảo chất lượng. Công tác quản lý thực phẩm chức năng còn sơ hở, thực phẩm chức năng không đảm bảo chất lượng vẫn được lưu thông, buôn bán tràn lan trên thị trường. Rác thải, nước thải y tế ở các bệnh

viện, các cơ sở y tế, các khu trung tâm cách ly đối với các ca nghi lây nhiễm các bệnh về truyền nhiễm nhất là bệnh Covid -19 có lúc chưa được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định. Đây là nguyên nhân có thể gia tăng sự lây lan dịch bệnh, ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí hết sức nghiêm trọng.

3.2.1.6. Trong lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm

Vi phạm pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người tiêu dùng, gây ra nhiều bệnh nan y, nhất là các bệnh K. Mặt khác, nó gây gián tiếp làm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, tự nhiên. Với các hành vi phổ biến như thu mua hàng giả, kém chất lượng rồi đóng gói mới, làm giả bao bì sản phẩm, đập lại hạn sử dụng những mặt hàng đã hết hạn sử dụng, vận chuyển, buôn bán các loại gia súc, gia cầm không qua kiểm dịch tại các tỉnh phía Bắc và Tây Nam Bộ (chủ yếu khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Campuchia); nhập khẩu thực phẩm “bẩn”, kém chất lượng, sử dụng các chất phụ gia ngoài danh mục, phụ gia vượt quá liều lượng cho phép trong sản xuất, chế biến thực phẩm.

3.2.2. Nguyên tắc bảo vệ môi trường

Theo Điều 4, Luật bảo vệ Môi trường năm 2020, hoạt động bảo vệ môi trường cần tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.

- Bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế-xã hội bền vững. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển.

- Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

- Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên, công khai, minh bạch; ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải.

- Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, cơ chế thị trường, trình độ phát triển kinh tế-xã hội; thúc đẩy phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật

- Hoạt động bảo vệ môi trường bảo đảm không gây phương hại chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia, gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.

3.2.3. Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường

Theo Điều 5, Luật bảo vệ Môi trường năm 2020, các chính sách của Nhà nước trong hoạt động bảo vệ môi trường gồm:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để tăng cường việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường.

- Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

- Ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, chú trọng bảo vệ môi trường khu dân cư.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí khoản chi riêng cho bảo vệ môi trường trong ngân sách nhà nước với tỷ lệ tăng dần theo khả năng của ngân sách nhà nước và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường; ưu tiên nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ trọng điểm về bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đóng góp cho hoạt động bảo vệ môi trường; ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, tái chế, xử lý chất thải; ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.

- Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Mở rộng, tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế và thực hiện cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện sàng lọc dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường; áp dụng công cụ quản lý môi trường phù hợp theo từng giai đoạn của chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án đầu tư.

- Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

3.2.4. Những hoạt động bảo vệ môi trường được khuyến khích

- Truyền thông, giáo dục và vận động mọi người tham gia bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Bảo vệ, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

- Giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải.

- Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, phá hủy tầng ozon.

- Đăng ký cơ sở, sản phẩm thân thiện với môi trường; sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường.

- Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất thiết bị, dụng cụ bảo vệ môi trường; cung cấp dịch vụ bảo vệ môi trường; thực hiện kiểm toán môi trường; tín dụng xanh; đầu tư xanh.

- Bảo tồn và phát triển nguồn gen bản địa; lai tạo, nhập nội các nguồn gen có giá trị kinh tế và có lợi cho môi trường.
- Xây dựng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, khu dân cư thân thiện với môi trường.
- Phát triển các hình thức tự quản và tổ chức hoạt động dịch vụ giữ gìn vệ sinh môi trường của cộng đồng dân cư.
- Hình thành nếp sống, thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường, xóa bỏ hủ tục gây hại đến môi trường.
- Đóng góp kiến thức, công sức, tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; thực hiện hợp tác công tư về bảo vệ môi trường.

3.2.5. Những hành vi bị nghiêm cấm

Theo Điều 6, Luật bảo vệ Môi trường năm 2020, những hành vi bị nghiêm cấm để bảo vệ môi trường gồm:

- Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường.
- Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, vi rút độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật chưa được kiểm định, xác súc vật chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác đối với sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.
- Gây tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; xả thải khói, bụi, khí có mùi độc hại vào không khí.
- Thực hiện dự án đầu tư hoặc xả thải khi chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức.
- Nhập khẩu trái phép phương tiện, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để phá dỡ, tái chế.
- Không thực hiện công trình, biện pháp, hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Che giấu hành vi gây ô nhiễm môi trường, cản trở, làm sai lệch thông tin, gian dối trong hoạt động bảo vệ môi trường dẫn đến hậu quả xấu đối với môi trường.
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
- Sản xuất, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất và tiêu thụ chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế về các chất làm suy giảm tầng ozon mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
- Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên.
- Phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2.7. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và công dân trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường

3.2.7.1. Trách nhiệm của Bộ Công an

Tổ chức lực lượng phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Công an nhân dân, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự và Nghị định này.

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan hữu quan khác xây dựng và thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Tổ chức tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường; chuyển cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tài liệu, hồ sơ vụ việc có thể liên quan tới các vi phạm pháp luật về môi trường để thanh tra, kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường; trao đổi thông tin, tài liệu cần thiết trong quá trình điều tra, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về môi trường với Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Tham mưu và xây dựng chiến lược, chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập kế hoạch, dự toán ngân sách, dài hạn về kinh phí sự nghiệp môi trường phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.2.7.2. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, kết quả điều tra, xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan rà soát, điều chỉnh, chuyển đổi các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới; xây dựng cơ chế xã hội hóa, giám sát, kiểm tra về môi trường.

Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đình chỉ hoạt động đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ không có hệ thống, phương tiện, biện pháp xử lý chất thải và biện pháp khắc phục sự cố môi trường. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an trong việc trao đổi thông tin, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Phối hợp với Bộ Công an thực hiện việc tăng cường năng lực cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

3.2.7.3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành hữu quan xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch, dự toán ngân sách ngắn hạn, dài hạn kinh phí sự nghiệp môi trường phục vụ công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

3.2.7.4. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền quản lý của mình thực hiện các quy định tại Nghị định này.

Thực hiện thanh tra, kiểm tra vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật; phối hợp và hỗ trợ cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường và các cơ quan khác thuộc Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trong việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về môi trường.

3.2.7.5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Hướng dẫn các đơn vị, bộ phận trực thuộc nghiên cứu, thực hiện các quy định tại Nghị định này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai và đơn đốc thực hiện các chính sách, đường lối, chiến lược, kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

Phân bổ kinh phí cho công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường của Nhà nước.

3.2.7.6. Trách nhiệm công dân

Công dân có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tích cực tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm chỉnh hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường. Tích cực tố giác, đấu tranh với tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2.8. Trách nhiệm của sinh viên, học sinh về bảo vệ môi trường

Tích cực học tập, nghiên cứu về nâng cao nhận thức về môi trường và ô nhiễm môi trường. Tham gia tuyên truyền cho mọi người để nâng cao kiến thức, ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường, chấp hành các quy định, pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tích cực tham gia các hoạt động, các phong trào xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp. Tham gia tích cực và vận động các tầng lớp nhân dân tiến hành phân loại rác thải, thu gom rác thải, nhất là rác thải nhựa, rác thải nguy hại để bảo vệ môi trường. Không đốt rác, rơm rạ, các chất thải gây ô nhiễm môi trường. Thực hành sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt. Tham gia vào phong trào trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, các di sản thiên nhiên, di sản văn hóa v.v.

KẾT LUẬN

Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là nội dung quan trọng nhằm bảo vệ môi trường, phát triển bền vững đất nước. Thực hiện chủ trương của Đảng, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đang từng bước hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý quan trọng cho công tác bảo vệ môi trường. Vì vậy, mức độ ô nhiễm, suy thoái môi trường và sự cố môi trường bước đầu được ngăn chặn. Tuy nhiên, các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường vẫn diễn biến phức tạp, có mặt còn gay gắt hơn. Hiện nay, đáp ứng đòi hỏi của thực

tiền nhất là thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và khắc phục, đối phó với biến đổi khí hậu đòi hỏi phải nhận diện đầy đủ và thực hiện hệ thống giải pháp đồng bộ, nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU

1. Các khái niệm và vai trò của môi trường ?
2. Nội dung bảo vệ môi trường hiện nay ?
3. Nguyên tắc, chính sách của nhà nước trong phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ?
4. Các hành vi bị cấm, các hoạt động được khuyến khích trong bảo vệ môi trường?
5. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong bảo vệ môi trường ?

Chương 4

PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

Hệ thống giao thông có vai trò cực kỳ quan trọng giúp cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, bình thường; đảm bảo nhu cầu đi lại, sinh hoạt thuận tiện của nhân dân; góp phần phân bố sản xuất, dịch vụ và dân cư; thúc đẩy hoạt động kinh tế, văn hóa ở các vùng núi xa xôi; củng cố tính thống nhất của nền kinh tế, tăng cường sức mạnh quốc phòng; giao lưu kinh tế với các nước.

Trong những năm qua, mặc dù số vụ tai nạn và số người chết về giao thông đã giảm đáng kể so với những năm trước đây, nhưng tình trạng vi phạm pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông vẫn xảy ra phổ biến hàng ngày, ở mọi đối tượng tham gia, với mọi phương tiện, trên mọi hình thức giao thông khác nhau và để lại những hậu quả khôn lường. Do đó, để phòng chống có hiệu quả vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, đòi hỏi cả Hệ thống chính trị phải vào cuộc, toàn dân phải nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tự giác chấp hành pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Đây là vấn đề cấp thiết, thường xuyên, lâu dài ở nước ta hiện nay.

4.1. Những vấn đề chung về bảo đảm trật tự an toàn giao thông

4.1.1. Một số khái niệm cơ bản

4.1.1.1. Giao thông

Giao thông là những hệ thống giúp cho việc di chuyển, đi lại của mọi người với các phương tiện và loại hình khác nhau một cách đơn lẻ hoặc cùng nhau.

- Giao thông ở nước ta hiện nay bao gồm các hệ thống: giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường không. Mỗi hệ thống bao gồm có kết cấu hạ tầng giao thông (đường sá, bảng biển chỉ dẫn, nhà ga, bến đỗ, trạm dừng...) lực lượng đảm bảo giao thông, người và phương tiện tham gia giao thông, văn bản quy phạm pháp luật về giao thông.

- Hệ thống giao thông được phân loại theo hình thức tham gia giao thông gắn với các phương tiện giao thông: giao thông đường bộ, giao thông đường sắt, đường thủy, đường không.

- Giao thông thường được tổ chức và kiểm soát bởi nhà nước nhằm phát triển các hệ thống và đảm bảo an toàn.

4.1.1.2. An toàn giao thông

An toàn giao thông là sự ổn định, thông suốt, trật tự của các hệ thống giao thông, người và phương tiện, hàng hóa tham gia giao thông bị ảnh hưởng, thiệt hại, mất.

- Trạng thái chỉ sự ổn định, thông suốt, trật tự của các hệ thống giao thông. Người và các phương tiện tham gia giao thông không bị ảnh hưởng về tiến độ, lộ trình và thiệt hại về tinh thần, sức khỏe, tính mạng, hư hỏng mất mát về phương tiện, hành lý, hàng hóa.

- An toàn người tham gia giao thông, phương tiện giao thông, kết cấu hạ tầng giao thông, môi trường, lực lượng đảm bảo giao thông, văn bản quy phạm pháp luật về giao thông.

- Mất an toàn giao thông do nguyên nhân từ cả khách quan và chủ quan. Nguyên nhân khách quan do thời tiết, môi trường, động vật tác động tiêu cực đến các hoạt động của con người và phương tiện trong bảo đảm và tham gia giao thông. Nguyên nhân chủ

quan do con người không chấp hành và tuân thủ đầy đủ các quy tắc, quy phạm pháp luật, hướng dẫn khi tham gia giao thông.

4.1.1.3. Bảo đảm trật tự an toàn giao thông

Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là việc thiết lập, duy trì, củng cố, thúc đẩy trạng thái tham gia giao thông có nền nếp, kỷ cương, trật tự, an toàn đối với người và phương tiện, hàng hóa tham gia giao thông, xây dựng ý thức tự giác chấp hành pháp luật, phòng ngừa, hạn chế tới mức thấp nhất các vụ tai nạn giao thông xảy ra.

- Lực lượng đảm bảo trật tự an toàn giao thông là những lực lượng chuyên trách hướng dẫn, điều khiển, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, tuyên truyền, trong đó cảnh sát giao thông là lực lượng nòng cốt.

- Trật tự an toàn giao thông được đảm bảo khi các hệ thống giao thông ổn định, an toàn; người và các phương tiện, hàng hóa tham gia giao thông không bị ảnh hưởng, hư hại, không gây ra các sự cố mất an toàn và tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc, quy định, quy phạm pháp luật về giao thông.

- Đảm bảo trật tự an toàn giao thông là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm đảm bảo cho các loại hình giao thông diễn ra an toàn, thông suốt, trật tự để góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường.

4.1.2. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông ở Việt Nam gần đây

Theo thống kê của Ủy ban an toàn giao thông Quốc gia, trong 5 năm (2016-2020), tình hình tai nạn giao thông trên toàn quốc được kiểm chế hiệu quả. Cả nước xảy ra 94.024 vụ, làm chết 39.917 người, bị thương 77.477 người. So với cùng kỳ 5 năm trước, giảm trên 42% số vụ, trên 19% số người chết và giảm trên 53% số người bị thương.

4.1.2.1. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ

Những năm qua, nhất là từ 2011 đến nay, công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm. Đã có nhiều chủ trương, giải pháp đồng bộ, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo của cả Hệ thống chính trị nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân, phát huy vai trò của lực lượng Công an nhân dân mà nòng cốt là lực lượng Cảnh sát giao thông nói riêng trong đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Kết quả về trật tự an toàn giao thông có chuyển biến tích cực, văn hóa giao thông từng bước định hình, tạo được đồng thuận, lan tỏa cao trong nhân dân. Thái độ ứng xử, giải quyết khi có ùn tắc, va chạm giao thông nhân văn, lịch sự hơn, xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến trong chấp hành, hướng dẫn, giúp đỡ người, phương tiện không may bị tai nạn và là đã kiềm chế, kéo giảm được tai nạn giao thông. Từng bước khắc phục, giải tỏa tình trạng ùn tắc giao thông, nhất là ở trung tâm các đô thị lớn, tuyến giao thông chính vào ngày, giờ cao điểm.

Tuy nhiên, tình hình trật tự an toàn giao thông đường bộ ở nước ta hiện nay còn phức tạp, rất đáng lo ngại và tai nạn giao thông luôn hiện hữu, đe dọa sức khỏe, tính mạng, tài sản của nhà nước và người dân hàng ngày, hàng giờ. Đây là nỗi ám ảnh của cả xã hội và mỗi người dân. Nguyên nhân của tình trạng này, trước tiên là do ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật về giao thông, văn hóa giao thông của một bộ phận người dân, nhất là những người điều khiển xe cơ giới còn thấp, có nhiều vi phạm; sự tùy tiện, coi thường pháp luật, không tôn trọng các hướng dẫn, điều khiển của hệ thống đảm bảo an toàn giao thông.

Mặt khác, với sự gia tăng nhanh chóng của các phương tiện giao thông, nhất là phương tiện giao thông cá nhân dẫn đến hệ thống công trình giao thông đường bộ đã xuất hiện nhiều bất cập, công tác quản lý điều hành gặp nhiều lúng túng, kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại và vận tải hàng hóa, tính kết nối của kết cấu hạ tầng giao thông chưa cao. Vận tải đường bộ trở thành phương thức vận tải chủ đạo, với khối lượng hàng hóa và hành khách chiếm tỷ trọng lần lượt là 93% và 78% tổng khối lượng vận tải. Tuy nhiên, phương thức này cũng đã bộc lộ những hạn chế nhất định như: Mật độ đường thấp, tắc nghẽn giao thông trên các tuyến vành đai, cửa ngõ; thiếu ngân sách bảo trì thường xuyên; phương tiện cá nhân phát triển nhanh, khó kiểm soát; hệ thống logistics kém hiệu quả (chiếm 20% GDP) do các dịch vụ còn manh mún, đơn giản; xe quá tải khó kiểm soát triệt để; tai nạn thường xuyên xảy ra; Luật Giao thông đường bộ năm 2008 sau hơn 12 năm đưa vào thực thi đã bộc lộ những hạn chế, cần sửa đổi để phù hợp với thực tiễn; các vấn đề về đầu tư, xây dựng các công trình giao thông đường bộ theo hình thức BOT, BT còn nhiều bất cập v.v.

Trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ hiện nay có diễn biến phức tạp, nảy sinh nhiều vấn đề bất cập, bức xúc nhất trong các loại hình giao thông. Tai nạn giao thông đường bộ chiếm hơn 95% trong tổng số vụ, số người chết, số người bị thương của các lĩnh vực giao thông, để lại hậu quả rất lớn cho xã hội; vi phạm về trật tự, an toàn giao thông đường bộ rất phổ biến, chiếm tỷ lệ trên 80% tổng số hành vi vi phạm của các lĩnh vực giao thông. Bên cạnh đó, đường bộ là nơi diễn ra phức tạp nhất về các hoạt động tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật khác. Thực trạng này gây lãng phí nguồn nhân lực, thiệt hại kinh tế, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả công việc, sức khỏe, đời sống người dân, tác động không tốt đến thu hút đầu tư, du lịch, môi trường v.v.

4.1.2.2. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường sắt

Tổng công ty đường sắt Việt Nam cho biết, được sự chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban an toàn giao thông Quốc gia, Bộ Giao thông vận tải và các bộ ngành liên quan, Đường sắt Việt Nam luôn chủ động phối hợp với chính quyền các địa phương, các cơ quan chức năng thực hiện nhiều giải pháp để kiểm chế tai nạn giao thông đường sắt, ngăn chặn tình trạng mở đường ngang trái phép qua đường sắt và vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt. Tuy nhiên, kết quả vẫn chưa được như mong muốn, tình hình trật tự an toàn đường sắt vẫn còn diễn biến phức tạp, đặc biệt tại các điểm giao cắt đồng mức giữa đường sắt và đường bộ.

Tình hình các vụ tai nạn giao thông đường sắt cho thấy, có 96,51% số vụ tai nạn giao thông đường sắt là do các nguyên nhân khách quan, tức là do người, các phương tiện tham gia giao thông đường bộ và người dân sinh sống cạnh đường sắt gây ra cho đường sắt. Có tới 70,97% số vụ tai nạn giao thông đường sắt xảy ra tại các giao cắt đồng mức giữa đường sắt, đường bộ, nhất là tại các lối đi dân sinh bất hợp pháp. Như ở Hà Nội, chỉ tính tương đương 15km đường sắt trên tuyến Bắc – Nam từ ga Hà Nội đến xã Nhị Khê- huyện Thanh Trì hiện đang có tới 54 đường ngang hợp pháp và đặc biệt có đến 273 lối đi dân sinh bất hợp pháp. Đây chính là những nơi thường xảy ra các vụ tai nạn trong thời gian vừa qua.

Các vụ tai nạn đường sắt xảy ra từ nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu đến từ các nguyên nhân khách quan do người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây ra cho đường sắt. Ngoài ra, còn có ác nguyên nhân khác như: do tồn tại về mặt lịch sử, từ khi được xây dựng đến nay giao cắt giữa đường bộ và đường sắt là giao cắt đồng

mức; vấn đề quy hoạch, phát triển kinh tế xã hội của các địa phương, đặc biệt là việc xác định hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường sắt chưa được đặt ra một cách đầy đủ, toàn diện; do việc buông lỏng quản lý của một số địa phương, chủ đầu tư các dự án giao thông đường bộ và các lực lượng chức năng diễn ra trong một thời gian dài dẫn đến tình trạng vi phạm, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, mở các lối đi dân sinh trái phép qua đường sắt ngày một tăng. Theo thống kê của Tổng công ty đường sắt Việt Nam, tính đến nay cả nước có 1.471 đường ngang hợp pháp và 4.868 đường ngang bất hợp pháp. Như vậy, bình quân cứ 400m đường sắt có một đường ngang, đặc biệt trên tuyến đường sắt Bắc Nam có địa phương như Hà Nội, Hà Nam, Nam Định chỉ chưa đến 100 m đường sắt đã có 1 đường ngang. Hiện tại có đến 86% các đường ngang hợp pháp nhưng không đủ điều kiện an toàn theo quy định của Điều lệ Đường ngang.

4.1.2.3. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy

Giao thông đường thủy là một trong những bộ phận hợp thành hệ thống giao thông Việt Nam và giữ vị trí quan trọng trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu hàng hóa. Riêng tuyến đường thủy phía bắc là tuyến giao thông huyết mạch, lưu lượng phương tiện qua lại nhiều, trong đó không ít tàu, thuyền vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông đường thủy như phương tiện không đăng ký, đăng kiểm; người điều khiển phương tiện không bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn; không bảo đảm điều kiện an toàn đối với phương tiện và bến chờ khách ngang sông, phương tiện chở quá trọng tải. Hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông đường thủy là nguyên nhân dẫn tới các vụ tai nạn giao thông đường thủy (số vụ phát hiện và xử lý năm sau cao hơn năm trước). Trung bình mỗi năm, cả nước xảy ra khoảng 300 vụ tai nạn giao thông đường thủy, làm chết hơn 250 người, hơn 100 người bị thương, thiệt hại hàng trăm tỷ đồng. Lực lượng cảnh sát giao thông đường thủy kiểm tra và lập biên bản xử lý nhiều trường hợp vi phạm.

Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa thời gian qua chưa vững chắc, do các cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đúng mức; việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy trong lĩnh vực này chưa đáp ứng được yêu cầu; quản lý phương tiện giao thông thủy còn bất cập, thiếu sót. Mặt khác, ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông còn kém, kỹ năng xử lý tình huống của người điều khiển phương tiện chưa cao, tình trạng vi phạm quy tắc tránh, vượt, không nhường đường, chở quá tải, đi không đúng luồng tuyến, đặc biệt là tình trạng chở quá số người quy định dẫn đến các vụ đắm tàu thuyền cao trong thời gian qua.

4.1.2.4. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường không

Hoạt động giao thông vận tải bằng đường hàng không đem lại lợi ích lớn cho nền kinh tế quốc dân nhờ đáp ứng được nhu cầu vận chuyển, đi lại nhanh chóng của con người. Hệ thống hàng không dân dụng đã được phát triển đồng bộ, ngày càng hiện đại, phương tiện bay ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng, dịch vụ hàng không ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân. Tuy nhiên, trong những năm qua vẫn còn xảy ra nhiều trường hợp uy hiếp an ninh, an toàn hàng không. Các vụ việc này chủ yếu xuất phát từ ý thức chấp hành pháp luật về an ninh, an toàn hàng không của người tham gia giao thông hàng không chưa cao. Mặt khác, còn do lỗ hổng về pháp lý, việc thiếu sự tuân thủ quy trình xử lý, năng lực chuyên môn và tính chủ động của đội ngũ nhân viên hàng không chưa tốt.

Ngoài ra, trật tự an toàn giao thông đường không ở nước ta hiện nay đang nảy sinh những vấn đề phức tạp mới về việc sử dụng, quản lý các phương tiện bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ. Tình trạng trộm cắp tài sản, hành lý của hành khách vẫn còn xảy ra ở nhiều cảng hàng không.

4.2. Nguyên nhân, giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông

4.2.1. Nguyên nhân vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông

4.2.1.1. Người tham gia giao thông

Tình hình trật tự an toàn giao thông ở nước ta còn phức tạp, rất đáng lo ngại và tai nạn giao thông luôn hiện hữu, đe dọa sức khỏe, tính mạng, tài sản... Nhà nước, nhân dân. Đây là nỗi ám ảnh của xã hội và người dân mà trước tiên là do ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật về giao thông, văn hóa giao thông của một bộ phận người dân, nhất là những người điều khiển xe cơ giới còn thấp, có nhiều vi phạm. Hằng năm lực lượng Công an đã phát hiện, xử lý hàng nghìn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm đến từ nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính. Đó là ý thức tự giác chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông của một bộ phận người tham gia giao thông còn nhiều hạn chế. Các hành vi vi phạm diễn ra phổ biến, dễ gây ra tai nạn như: vượt đèn đỏ, lùi xe và đi ngược chiều trên đường cao tốc; sử dụng điện thoại, nhắn tin không quan sát đường khi lái xe; đỗ dừng xe tùy tiện, không đúng nơi qui định; lái xe đang trong cơn “ngáo đá”, “khát ma túy”, say rượu, bia hoặc chất kích thích khác; điều khiển phương tiện không có giấy phép lái xe, sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc đã bị thu hồi do vi phạm hoặc gây tai nạn; chở quá tải, quá khổ, quá số người quy định; phóng nhanh, vượt ẩu, lạng lách, đánh võng, đua xe trái phép; chống người thi hành công vụ, bỏ chạy không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của lực lượng chức năng khi có vi phạm hoặc gây tai nạn.

4.2.1.2. Người mua bán hàng hóa trong hành lang an toàn giao thông

Dọc theo các con đường tuyến tỉnh, thành phố, tuyến đường huyện, xã hay thậm chí tại những điểm chợ có nơi dành cho khu vực bán hàng, người dân lấn sang hành lang an toàn giao thông để buôn bán, người mua dừng đỗ phương tiện không đúng quy định dẫn đến chiếm lòng đường giao thông, gây cản trở lưu thông, thậm chí đây là hiểm họa không lường xảy ra tai nạn giao thông đường bộ. Thực tế tại một số tuyến đường và tại các điểm chợ trên nhiều địa bàn tỉnh, thành phố, huyện, xã, phường tình trạng họp chợ tự phát trong hành lang an toàn giao thông, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông cao. Nhiều nơi, người dân tự nhiên lấn chiếm lòng, lề đường, vỉa hè của cả đường bộ và đường sắt để làm nơi buôn bán, họp chợ, vui chơi, v.v.

Thời gian qua, các cơ quan chức năng đã thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hành lang an toàn trên các tuyến cả đường bộ, đường sông, đường sắt. Mặc dù đã được tuyên truyền, nhắc nhở nhưng nhiều hộ dân vẫn cố tình vi phạm làm mất trật tự hành lang an toàn giao thông. Nguyên nhân chủ yếu của hành vi lấn chiếm hành lang an toàn giao thông là do tâm lý muốn cận lộ để làm ăn, buôn bán của người dân, dẫn đến lực lượng chức năng hôm nay dẹp được chỗ này thì ngày mai họ lại chạy sang chỗ khác hoặc lúc có lực lượng chức năng đi kiểm tra, xử lý thì họ chấp hành nhưng sau khi lực lượng chức năng đi rồi thì đầu lại vào đó. Đây cũng là tình trạng làm gia tăng các vụ tai nạn giao thông, gây thiệt hại to lớn cả về con người và vật chất, phương tiện.

4.2.1.3. Quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông còn nhiều yếu kém, thể hiện: công tác quy hoạch giao thông thiếu căn cứ khoa học về tầm nhìn mang tính chiến lược; kết cấu hạ tầng giao thông nhất là giao thông đô thị còn bất cập; công tác tổ chức giao thông lúng túng; các chính sách phát triển giao thông vận tải, phát triển phương tiện giao thông cơ giới chưa theo kịp nhu cầu vận động của nền kinh tế thị trường; công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông chưa thường xuyên; vẫn còn tình trạng buông lỏng công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông ở một số địa phương; tiêu cực của một số bộ phận cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông chưa được ngăn chặn và xử lý triệt để.

Công tác quản lý Nhà nước trong chỉ đạo và điều hành thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông chưa thường xuyên, liên tục và mạnh mẽ. Cụ thể là: năng lực, chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước về kinh doanh vận tải, quản lý kỹ thuật phương tiện, bảo vệ kết cấu hạ tầng cũng như công tác thanh tra, tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm còn nhiều hạn chế, mới chỉ tập trung tại một số địa bàn, một số nhóm đối tượng, trên các tuyến trọng điểm, trong thời gian cao điểm, chưa bảo đảm thường xuyên, liên tục trên địa bàn; công tác quản lý về hoạt động vận tải, đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe, đăng kiểm phương tiện vẫn còn một số hạn chế; tình trạng phương tiện chở quá tải trọng vẫn xảy ra, hiện tượng tiêu cực trong thực thi công vụ vẫn còn, một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ thanh tra, tuần tra, kiểm soát còn có biểu hiện né tránh, thiếu trách nhiệm, tiêu cực, làm trái quy định.

4.2.2. Giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông

4.2.2.1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch về đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 45-KL/TW ngày 01/02/2019 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông. Nghị quyết số 30/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ; Kế hoạch triển khai “Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” ở tất cả các cấp, các ngành. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá về nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Tiếp tục quan tâm đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; định hướng quy hoạch, phát triển các tuyến giao thông mới phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đi lại của nhân dân. Có chiến lược lâu dài, cụ thể về phát triển giao thông trước mắt và tương lai, kết hợp với quy hoạch đô thị vùng. Phát triển nhanh chóng, nâng cao tỷ trọng giao thông vận tải hành khách công cộng, giảm dần và hạn chế vận chuyển giao thông cá nhân bằng các chính sách giao thông kết hợp với chiến lược quy hoạch đô thị (di chuyển một số trường đại học, bệnh viện lớn ra ngoại ô, các tỉnh lân cận đô thị lớn...). Sử dụng các loại phương tiện mới, hiện đại, áp dụng kỹ thuật điều khiển tiên tiến. Cải tạo, mở rộng từng bước hệ thống đường phố cũ, tiến tới cải tạo triệt để, kết hợp xây mới góp phần nâng cao chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mạng lưới. Phấn đấu hằng năm giảm 5%-10% số người chết và bị thương do tai nạn giao thông đường bộ, lâu dài hướng tới mục tiêu không có người chết vì tai nạn giao thông; tiến tới xây dựng một xã hội có hệ thống giao thông thông minh, an toàn, thông suốt, thuận tiện, hiệu quả và thân thiện môi trường.

4.2.2.2. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông, khắc phục kịp thời những bất cập, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, đẩy mạnh việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, bảo đảm yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, phù hợp với nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong tình hình mới. Tập trung rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, điều kiện kinh doanh vận tải.

Đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tập trung vào quản lý kinh doanh và điều kiện kinh doanh tất cả các lĩnh vực vận tải; đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu thị phần và tăng cường kết nối các phương thức vận tải; tăng cường khai thác có hiệu quả các phương thức vận tải hàng hóa có sức chuyên chở lớn như đường thủy nội địa, đường sắt, vận tải biển để giảm áp lực cho vận tải đường bộ, chấm dứt tình trạng xe ô tô chở quá tải trọng.

Tập trung rà soát, bổ sung các quy định để đảm bảo an toàn giao thông đối với hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, siết chặt các điều kiện về an toàn giao thông đối với đơn vị kinh doanh vận tải hành khách và vận chuyển hàng hóa; tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các thông tư quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ cho phù hợp với tình hình mới, bảo đảm chặt chẽ, không tạo kẽ hở cho các phương tiện hoạt động kinh doanh vận tải trái phép, gây mất trật tự, an toàn giao thông, đặc biệt là đối với phương tiện vận tải đường bộ. Bổ sung quy định bắt buộc trang bị dây an toàn đối với tất cả ghế ngồi trên các xe ô tô chở người, có lộ trình áp dụng đối với phương tiện đang lưu hành. Nghiên cứu, bổ sung quy định tem kiểm định có màu sắc, hình dạng riêng đối với xe ô tô kinh doanh vận tải. Sửa đổi quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ, đặc biệt là hạn chế tốc độ trên các cung đường đèo, dốc và đường qua khu dân cư.

4.2.2.3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, hướng dẫn pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo đảm trật tự an toàn giao thông: Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012, của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông, trong đó nêu rõ sự quyết tâm phấn đấu hàng năm giảm 5%, làm giảm từ 5% đến 10% tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và giảm ùn tắc giao thông đường bộ. Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 01/03/2013, của Chính phủ về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông. Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 23/6/2013, của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện các giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn tai nạn giao thông nghiêm trọng trong hoạt động vận tải. Luật Giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không dân dụng. Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Công văn số 347/TTg-CN ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ngăn ngừa, hạn chế các vụ tai nạn đường thủy do các phương tiện nhỏ, thô sơ gây ra.

Sử dụng một cách hiệu quả, phát huy tối đa sức mạnh của mạng lưới truyền thông nhằm chuyển tải một cách trực quan sinh động, dễ hiểu các thông tin, thông điệp kiến thức về an toàn giao thông đến cộng đồng.

Huy động các cơ quan thông tin truyền thông, các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan, đơn vị tích cực tuyên truyền pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tuyên truyền sâu rộng đến cơ sở, từ xã phường đến thôn, bản, các khu công nghiệp.

Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền an toàn giao thông trên các phương tiện thông tin đại chúng (internet, truyền hình, truyền thanh, báo chí): tuyên truyền trực quan, tuyên truyền lưu động, sử dụng thông điệp, băng zôn, áp phích, khẩu hiệu, triển lãm tranh ảnh, các hội thi, vận động sáng tác âm nhạc, phim ảnh, văn học nghệ thuật về chủ đề an toàn giao thông; phát triển các ứng dụng tiện ích có gắn kèm với tính năng tuyên truyền về an toàn giao thông cho các thiết bị điện thoại thông minh/máy tính bảng.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về quản lý hoạt động vận tải khách và hàng hóa ở các lĩnh vực đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa trong các doanh nghiệp vận tải, đối với người điều khiển phương tiện.

Tổ chức các chiến dịch tuyên truyền theo chuyên đề: không uống rượu bia khi lái xe; tuân thủ quy định tốc độ; đội mũ bảo hiểm; quy tắc an toàn khi vượt qua đường sắt; hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt; điều kiện bảo đảm an toàn phương tiện thủy chở khách với các khẩu hiệu dễ nhớ, dễ làm theo.

Tổ chức cuộc vận động xây dựng Quỹ xã hội từ thiện “Chung sức vượt nỗi đau tai nạn giao thông”, kêu gọi sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong xã hội nhằm trang trải học phí, mua sắm sách vở, đồ dùng học tập và tạo việc làm cho con, em những nạn nhân không may qua đời vì tai nạn giao thông.

4.2.2.4. Tổ chức thực hiện pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Tăng cường công tác cưỡng chế vi phạm trật tự an toàn giao thông, tiếp tục duy trì và tăng cường các biện pháp kiểm soát tải trọng xe; xử lý vi phạm của người điều khiển mô tô, xe gắn máy, tập trung vào các lỗi là nguyên nhân tăng tai nạn như: vi phạm quy định về tốc độ, nồng độ cồn; đi sai phần đường, làn đường, vi phạm về đội mũ bảo hiểm; xử lý các vi phạm về an toàn giao thông trong kinh doanh vận tải, tập trung xử lý chủ doanh nghiệp, chủ phương tiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, đường thủy nội địa... Tiếp tục phối hợp các lực lượng thực hiện biện pháp phòng, chống đua xe mô tô trái phép; kiên quyết điều tra, xử lý nghiêm minh trước pháp luật hành vi đua xe trái phép, tụ tập gây mất trật tự an toàn giao thông, chống người thi hành công vụ.

4.2.2.5. Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông

Những năm gần đây, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, kéo theo đó là sự gia tăng nhanh chóng về số lượng, chủng loại các phương tiện giao thông. Nhu cầu đăng ký, sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày càng lớn, đòi hỏi hoạt động của các cơ quan chức năng, mà cụ thể là lực lượng Cảnh sát giao thông, phải được tiến hành chặt chẽ, đồng thời phải có sự cải cách, đổi mới cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác đăng ký, quản lý phương tiện trên máy vi tính do Cục cảnh sát giao thông quản lý và thực hiện qua đường truyền dữ liệu trên phạm vi toàn quốc, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong đăng ký, quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh vận tải, đặc biệt là vận tải bằng xe ô tô; Tiếp tục hoàn thiện Trung tâm thông tin quản lý vận tải đường bộ kết hợp với lắp đặt các camera giám sát hoạt động giao thông trên các tuyến quốc lộ trọng điểm, trước tiên là Quốc lộ 1, kết nối về Trung tâm và

các Cục Quản lý đường bộ, chia sẻ dữ liệu vi phạm luật lệ giao thông cho lực lượng cảnh sát giao thông để xử lý vi phạm.

4.2.2.6. Nâng cao chất lượng đào tạo người điều khiển phương tiện giao thông

Siết chặt hoạt động các trung tâm đào tạo, sát hạch lái xe và nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch lái xe; siết chặt hoạt động các trung tâm đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ, bảo đảm các tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật phương tiện. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao việc thực hiện quy định pháp luật về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe đối với các cơ sở đào tạo, sát hạch lái xe.

Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, nhất là sát hạch lái xe mô tô và lái xe kinh doanh vận tải; nhanh chóng hoàn thiện nội dung sát hạch cấp phép lái xe đảm bảo tiếp cận với tiêu chuẩn thế giới, bao gồm thực hành kỹ năng lái trên đường thực tế và kỹ năng dự đoán các tình huống nguy hiểm; đổi mới phương thức đào tạo và cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn điều khiển phương tiện đường thủy nội địa, đặc biệt là các chứng chỉ cho người điều khiển phương tiện; kiểm soát chặt chẽ công tác đăng ký, đăng kiểm phương tiện giao thông, tăng cường bảo dưỡng phương tiện trong các đơn vị kinh doanh vận tải; kiên quyết đình chỉ các cơ sở, các doanh nghiệp vi phạm quy định, quy trình hoạt động, nếu sai phạm nghiêm trọng phải xử lý hình sự theo quy định của pháp luật, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông, kiên quyết xử lý nghiêm cá nhân và tổ chức vi phạm.

4.2.2.7. Thanh tra, kiểm tra, tuần tra kiểm soát bảo đảm trật tự an toàn giao thông

Lực lượng Cảnh sát giao thông toàn quốc tổ chức đợt cao điểm tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông; xây dựng các kế hoạch chuyên đề tăng cường lực lượng, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định pháp luật trật tự, an toàn giao thông; tập trung xử lý người điều khiển xe ô tô chở khách, xe ô tô tải, container vi phạm và các hành vi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông. Chia sẻ với ngành Giao thông vận tải thông tin về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh vận tải; phối hợp với các cơ quan chức năng kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các vi phạm về trật tự, an toàn giao thông. Bố trí lực lượng tuần tra, kiểm soát khép kín 24/24 giờ để tuyên truyền, nhắc nhở và xử lý vi phạm trên các tuyến quốc lộ trọng điểm, các đường đèo dốc có mật độ phương tiện tham gia giao thông cao.

4.2.2.8 Trách nhiệm của học sinh, sinh viên về đảm bảo trật tự an toàn giao thông

Học sinh, sinh viên phải tích cực, chủ động nghiên cứu tìm hiểu pháp luật về an toàn giao thông. Trong quá trình tham gia giao thông, phải chấp hành tốt các quy định về an toàn giao thông, phải có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn giao thông cho bản thân, gia đình và xã hội. Nêu cao ý thức chấp hành luật giao thông, tích cực tham gia xây dựng văn hóa giao thông, thiết thực góp phần làm giảm thiểu những thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra. Thực hiện tốt quy ước “Bốn không, Ba có” mà Ủy Ban An toàn Giao thông quốc gia đã kêu gọi toàn dân thực hiện khi tham gia giao thông.

“Bốn không” gồm: Không uống rượu bia, phóng nhanh vượt ẩu, vượt đèn đỏ, vận hành phương tiện không đủ giấy tờ quy định; không lấn chiếm vỉa hè, lòng đường, hành lang bảo vệ an toàn giao thông; không có thói hư tật xấu trong ứng xử với mọi người cùng tham gia giao thông cũng như khi xảy ra tai nạn giao thông; không để xảy ra tai nạn khi tham gia giao thông.

“Ba có” gồm: có hiểu biết đầy đủ pháp luật về giao thông; có ý thức trách nhiệm cao nhất với bản thân và cộng đồng; có hành vi ứng xử văn hóa, hợp tác giúp đỡ người bị nạn khi xảy ra tai nạn giao thông.

Với thông điệp “An toàn giao thông là trách nhiệm của mọi người, mọi nhà”, tất cả chúng ta hãy nhận thức sâu sắc về vấn đề An toàn giao thông và bằng việc làm của mình trong việc chấp hành luật giao thông, xây dựng văn hóa giao thông. Mỗi lời nói gắn với việc làm của mỗi người, tuy rất nhỏ nhưng có ý nghĩa vô cùng lớn đối với bản thân, gia đình và xã hội. Chúng ta hãy luôn luôn cố gắng để hoàn thành tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trên “Mặt trận giao thông”, để đem lại hạnh phúc cho mình, cho mọi người, mọi nhà và cho toàn xã hội.

KẾT LUẬN

Công tác phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông là trách nhiệm của cả Hệ thống chính trị, mọi tổ chức đoàn thể xã hội, mọi người dân, trong đó trách nhiệm chính là của Bộ giao thông vận tải, của lực lượng cảnh sát giao thông. Để giảm thiểu tai nạn giao thông, đòi hỏi mọi lực lượng, tổ chức và người dân phải nêu cao ý thức, tự giác chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Xây dựng và nâng cao văn hóa giao thông, kịp thời lên án các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông vận tải. Thực hiện đầy đủ, đồng bộ và hiệu quả các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông trong tình hình hiện nay. Ngay từ bây giờ, mọi lúc, mọi nơi, mọi người hãy cùng thực hiện khẩu hiệu: “An toàn giao thông là trách nhiệm, hạnh phúc của mọi người, gia đình và xã hội”.

HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ ở nước ta hiện nay ?
2. Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy ở nước ta hiện nay ?
3. Nguyên nhân vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông hiện nay?
4. Giải pháp phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông hiện nay ?

Chương 5

PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ LOẠI TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC

Danh dự, nhân phẩm là những phạm trù đạo đức, phản ánh giá trị xã hội của con người. Thể hiện sự đánh giá cao của dư luận xã hội về các giá trị đóng góp của con người đối với xã hội. Đây là những phạm trù được Hiến định, được pháp luật bảo hộ; là nhu cầu, mục tiêu, động lực của con người và xã hội tiến bộ. Bảo vệ, giữ gìn và phát huy nhân phẩm, danh dự chính là làm cho con người có được các phẩm chất tốt đẹp, phát huy tối đa các giá trị xã hội của mỗi người, và là thước đo đánh giá trình độ phát triển xã hội của một quốc gia.

Thực trạng xã hội ở nước ta hiện nay cho thấy, tình trạng xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác đang ngày càng diễn ra hết sức phức tạp, với nhiều hình thức tinh vi, tính chất và hậu quả ngày càng nghiêm trọng hơn. Do đó, nâng cao nhận thức về danh dự, nhân phẩm; xây dựng ý thức chấp hành pháp luật, bảo vệ, tôn trọng danh dự và nhân phẩm của người khác; nâng cao trách nhiệm đấu tranh của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là HS, SV đối với các loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm là đòi hỏi cấp bách hiện nay.

5.1. Nhận thức chung về tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác

5.1.1. Một số khái niệm cơ bản

5.1.1.1. Nhân phẩm

Nhân phẩm là toàn bộ những phẩm chất mà mỗi con người có được, là giá trị làm người của mỗi con người. Người có nhân phẩm là người có lương tâm, có nhu cầu vật chất và tinh thần lành mạnh, luôn thực hiện tốt các nghĩa vụ đạo đức đối với xã hội và người khác, biết tôn trọng các quy tắc, chuẩn mực đạo đức tiên bộ.

- Nhân phẩm là tất cả những phẩm chất tạo nên giá trị, cốt cách của một con người trong xã hội. Nhân phẩm là phạm trù đạo đức gắn liền với mỗi cá nhân. Nhân phẩm được hình thành từ khi sinh ra và phát triển trong suốt cuộc đời của con người.

- Các yếu tố của nhân phẩm: có lương tâm trong sáng, nhu cầu vật chất và tinh thần lành mạnh, thực hiện tốt nghĩa vụ đạo đức, thực hiện tốt chuẩn mực đạo đức, tôn trọng nhân phẩm của chính mình cũng như của mọi người xung quanh.

5.1.1.2. Danh dự

Danh dự là sự coi trọng, đánh giá của dư luận xã hội đối với một người dựa trên các giá trị tinh thần, đạo đức của người đó. Khi con người tạo ra được cho mình những giá trị tinh thần, đạo đức và những giá trị đó được xã hội đánh giá, công nhận thì người đó có danh dự.

- Danh dự là kết quả phản ánh sự đánh giá của xã hội về giá trị của con người từ những cống hiến thực tế của con người đối với xã hội và với người khác. Danh dự là kết quả của quá trình xây dựng và bảo vệ nhân phẩm của con người.

- Danh dự bao gồm lòng tự trọng (tự ý thức về giá trị, vai trò của bản thân) và uy tín (giá trị xã hội về mặt đạo đức và tài năng, sự cống hiến cho xã hội). Danh dự vừa là mục tiêu, động lực thúc đẩy con người hành động hướng đến điều tốt đẹp và tránh xa điều xấu, cái ác.

- Là con người, ai cũng mong muốn được người khác và xã hội đánh giá cao, coi trọng. Mỗi người đều có đóng góp ít nhiều cho cuộc sống, cho xã hội, do đó, ai cũng có danh dự. Tuy nhiên, mỗi người phải luôn giữ gìn và bảo vệ danh dự của mình và tôn trọng danh dự của người khác. Tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người khác là nguyên tắc hiến định, được Pháp luật bảo đảm.

- Ở mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, với hoàn cảnh điều kiện xã hội khác nhau thì tiêu chí đánh giá về của xã hội về danh dự của con người là khác nhau.

5.1.1.3. *Xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác*

Xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác được thể hiện ở những hành vi nguy hiểm cho XH, trực tiếp hoặc gián tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người.

- Hành vi thể hiện xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người: Dùng lời nói hoặc hành động có tính chất thóa mạ, khinh bỉ để làm nhục người khác hoặc gán một sự kiện xấu cho người khác khiến dư luận xã hội đánh giá sai hoặc hình dung sai về người đó.

- Việc đánh giá sai sự thật không phụ thuộc vào người đưa ra thông tin vô ý hay cố ý. Tiêu chuẩn để đánh giá những sự việc là tốt hay không dựa trên những nguyên tắc đạo đức xã hội, không phụ thuộc vào việc người đưa ra những thông tin vô ý hay cố ý. Tuy nhiên, tính chất nghiêm trọng của những tin tức đưa ra có thể khác nhau tùy theo nhân thân của người bị hại.

5.1.1.4. *Tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác*

Tội phạm xâm hại nhân phẩm, danh dự của người khác là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự của người khác và phải bị xử lý hình sự.

- Hành vi nguy hiểm cho xã hội trực tiếp hoặc gián tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác được quy định trong Bộ luật Hình sự, của người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện, và phải bị xử lý hình sự.

- Hành vi được biểu hiện dưới các hình thức dùng ngôn ngữ, hành động hoặc không hành động: hiếp dâm; cưỡng dâm; giao cấu; khiêu dâm; lây truyền HIV; buôn bán, đánh tráo, trao đổi mô, bộ phận cơ thể hoặc người; làm nhục; vu khống đối với người khác.

5.1.2. *Các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác*

5.1.2.1. *Khách thể của tội phạm*

Khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội được Bộ luật Hình sự bảo vệ và bị hành vi phạm tội xâm hại. Khách thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là nhân phẩm của người khác, danh dự của tập thể hay cá nhân khác bị chủ thể là người khác hay pháp nhân thương mại xâm phạm.

Trong điều kiện xã hội ngày càng phát triển hiện nay, nhân phẩm, danh dự của con người ngày càng được đề cao, con người ngày càng nhận thức rõ hơn về giá trị làm người, về nhân phẩm, danh dự của bản thân mình. Con người đang có xu hướng đề cao các giá trị tinh thần thay vì chỉ nghĩ tới những giá trị vật chất như giai đoạn trước. Tuy nhiên, việc mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, giao lưu về văn hóa, xã hội... đã làm nhận thức của một bộ phận người dân có sự thay đổi về quan niệm sống. Cuộc sống trong điều kiện kinh tế thị trường, khiến nhiều người chạy theo những tham vọng và tiền bạc bất chấp mọi thủ đoạn nhằm đạt được mục đích của mình, thậm chí hạ thấp danh dự, nhân phẩm của người khác. Con người muốn mình có địa vị trong xã hội, muốn được xã hội coi trọng và kính

nể, muốn giá trị làm người của bản thân được nâng cao nhưng để đạt được điều đó, họ lại sẵn sàng hạ thấp phẩm giá của người khác, chà đạp lên giá trị làm người của người khác. Đó là một nghịch lý trong xã hội hiện đại ngày nay. Đặc biệt, sự tác động của truyền thông, của internet, của các phương tiện thông tin đại chúng đã ảnh hưởng đến lớn đến cách xử sự của cá nhân trong xã hội. Những thông tin vu khống, những lời nói miệt thị, những hình ảnh xúc phạm, bôi nhọ thanh danh của người khác... được dễ dàng đăng tải và lan truyền trên facebook, trên các diễn đàn xã hội khiến bản thân những người thực hiện hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác cảm thấy đó là việc bình thường, không nghiêm trọng và bản thân những người tiếp nhận những thông tin đó cũng dừng dừng về những thông tin mình có được mà không nghĩ tới những tổn thương mà những người là nạn nhân phải gánh chịu.

5.1.2.2. Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện của tội phạm ra bên ngoài thế giới khách quan bao gồm hành vi khách quan, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, công cụ phương tiện, phương pháp, thủ đoạn, hoàn cảnh, địa điểm phạm tội.

Những dấu hiệu trong mặt khách quan thường được mô tả chi tiết trong các điều khoản phân các tội phạm cụ thể. Các dấu hiệu trong mặt khách quan biểu hiện ra bên ngoài dễ nhận biết hơn các yếu tố khác, và giữa các loại tội phạm khác nhau thì có các dấu hiệu trong mặt khách quan khác nhau.

Hành vi khách quan cấu thành các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: hành vi xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác; hành vi vu khống; hành vi làm nhục người khác; hành vi lây truyền HIV cho người khác; hành vi xâm hại tình dục và hành vi mua bán mô, bộ phận cơ thể người và mua bán người; hành vi đánh tráo, chiếm đoạt người. Những hành vi này gây ra nhiều thiệt hại cho nạn nhân mà nhiều trường hợp không thể lường trước hậu quả của nó. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại ngày nay, với sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội, những dạng hành vi này đã có nhiều biến đổi cả về hình thức thực hiện lẫn mức độ nguy hiểm cho xã hội.

5.1.2.3. Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội phạm là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể.

Tuổi chịu trách nhiệm hình sự được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự năm 2017. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự mọi tội phạm về xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đối với các tội hiếp dâm, hiếp dâm người dưới 16 tuổi, cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi.

Đối với chủ thể của một số tội xâm hại tình dục như: tội hiếp dâm, tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm và tội cưỡng dâm trẻ em, trong lý luận từ trước tới nay đều xác định đây là những tội có chủ thể đặc biệt về giới tính: nam giới là chủ thể của những tội phạm này còn nữ giới chỉ có thể tham gia với vai trò đồng phạm (người tổ chức, người xúi giục hoặc người giúp sức).

5.1.2.4. Mặt chủ quan của tội phạm

Mặt chủ quan của tội phạm là diễn biến tâm lý bên trong của người phạm tội, bao gồm: lỗi, động cơ và mục đích phạm tội.

Lỗi của người phạm tội trong nhóm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người đều là lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội nhận thức được hành vi của mình là hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng vì những động cơ và mục đích khác nhau mà đều mong muốn thực hiện hành vi đó.

Động cơ phạm tội là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội cố ý. Thông thường, động cơ phạm tội của những người phạm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người thường do ham muốn, nhu cầu tình dục hoặc do những mâu thuẫn cá nhân hoặc các động cơ khác. Tuy nhiên, khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, động cơ phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc được định tội.

Mục đích phạm tội là kết quả trong ý thức chủ quan mà người phạm tội đặt ra phải đạt được khi thực hiện hành vi phạm tội. Mục đích phạm tội của những người phạm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người thông thường là muốn thỏa mãn nhu cầu tình dục của bản thân, thu lợi bất chính hoặc cố ý nhằm xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác.

5.2. Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác

5.2.1. Tình hình phạm tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác ở nước ta hiện nay

Những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác ở Việt Nam hiện nay như: sự tác động bởi những mặt trái của nền kinh tế thị trường; những hiện tượng xã hội tiêu cực do chế độ cũ để lại; sự thâm nhập ảnh hưởng của tội phạm, tệ nạn xã hội của các quốc gia khác; những sơ hở, thiếu sót trong các mặt công tác quản lý của Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; những thiếu sót trong giáo dục đạo đức, lối sống, nâng cao trình độ văn hoá của người dân; hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, việc thực thi pháp luật kém hiệu quả, một số chính sách về kinh tế, xã hội chậm đổi mới tạo sơ hở cho tội phạm hoạt động phát triển; công tác đấu tranh chống tội phạm của các cơ quan chức năng nói chung và của ngành công an nói riêng còn bộc lộ nhiều yếu kém, thiếu sót v.v.

Tình trạng xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác ngày càng diễn ra ở mọi nơi, với mọi đối tượng. Hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người không chỉ diễn ra trong cộng đồng hay tại nơi làm việc mà còn có thể diễn ra ngay chính tại gia đình người bị hại. Người phạm các loại tội này thuộc nhiều thành phần, lứa tuổi khác nhau, không chỉ là người lạ mà những hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự này còn có thể được thực hiện bởi chính những người quen của người bị hại, thậm chí là người thân trong gia đình. Trong thời gian qua, tính chất và mức độ của các hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người ngày càng nghiêm trọng, báo động về sự xuống cấp đạo đức của một bộ phận dân cư, ảnh hưởng không nhỏ đến trật tự văn hóa - xã hội trong cộng đồng. Con người vì những cuộc tranh giành tiền bạc, hưởng thụ mà đôi khi sẵn sàng mưu tính mọi thủ đoạn, thậm chí hạ thấp nhân phẩm, danh dự của người khác để đạt được mục đích của mình như: bôi nhọ thanh danh, nói xấu, vu khống đối tác; lợi dụng và lừa gạt chính những người thân trong gia đình mình để bán ra nước ngoài nhằm trục lợi... Con người vì những ghen ghét, bất đồng phát sinh trong đời sống hằng ngày mà sẵn sàng bịa đặt và lan truyền những thông tin xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác trên facebook, các mạng xã hội để hạ

thấp uy tín của người khác; sẵn sàng làm nhục người khác giữa những nơi đông người như đánh đập, xé quần áo rồi kéo lê người khác trên đường... để thỏa mãn sự ghen tuông, lòng đố kỵ đang trỗi dậy trong con người mình. Những nét đẹp tâm hồn, những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc trong xã hội đang dần bị quên lãng, dần bị mai một. Tình hình các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người đang diễn biến ngày càng phức tạp. Đây là những hành vi không những gây thiệt hại cho nhân phẩm, danh dự của con người mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của nạn nhân, làm băng hoại đạo đức, gây mất ổn định trật tự xã hội và đang là một trong những vấn đề được xã hội đặc biệt quan tâm.

Thực trạng về tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác trong những năm qua diễn ra theo chiều hướng ngày càng tăng nhanh cả về số vụ, số bị cáo, hậu quả để lại cho người bị hại nhất là các tội phạm về buôn bán người và tình dục. Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, tính từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/12/2013, Tòa án các cấp đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm các vụ án xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em, có 1.812 vụ với 2.641 bị cáo bị xét xử về tội hiếp dâm, 3.276 vụ với 3.759 bị cáo bị xét xử về tội hiếp dâm trẻ em; 2.749 vụ với 2.878 bị cáo bị xét xử về tội giao cấu với trẻ em và 879 vụ với 896 bị cáo bị xét xử về tội dâm ô với trẻ em. Theo báo cáo của Bộ Công an, trong 5 năm (2012-2017), có khoảng hơn 3.000 nạn nhân bị mua bán và nghi vấn bị mua bán, trong đó, 90% nạn nhân bị bán sang Trung Quốc. Số nạn nhân bị mua bán và nghi vấn bị mua bán là 3.090 người, trong đó, chủ yếu là phụ nữ, trẻ em (chiếm trên 90%), đa số thuộc các dân tộc thiểu số (chiếm trên 80%), thường tập trung ở những vùng nông thôn, miền núi, nhất là vùng sâu, vùng xa, phần lớn có hoàn cảnh kinh tế khó khăn... Đa số nạn nhân là phụ nữ, khi bị lừa bán ra nước ngoài, bị cưỡng ép kết hôn làm vợ người dân bản địa và bị bóc lột tình dục (chiếm gần 80%), và cưỡng bức lao động.

5.2.2. Quy định của pháp luật về các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác

Bộ Luật hình sự 2015 và Luật sửa đổi Bộ Luật hình sự 2017 xác định một số loại tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người bao gồm các tội sau:

5.2.2.1. Nhóm các tội phạm về tình dục

Nhóm các tội phạm về tình dục bao gồm 09 điều luật với 09 tội danh, đó là: Tội hiếp dâm (Điều 141), Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142), Tội cưỡng dâm (Điều 143), Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144), Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145), Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146), Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147).

- Nhóm các tội phạm này được quy định gồm những dạng hành vi sau

Thứ nhất, hành vi giao cấu với nạn nhân. Hành vi này là tình tiết định tội của hầu hết các tội phạm về tình dục (Trừ tội dâm ô với người dưới 16 tuổi và tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm...).

Thứ hai, hành vi dâm ô. Đây là tình tiết định tội của Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi. Tội danh này được hiểu là những hành vi tình dục nhưng không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác. Những hành vi đó có đặc điểm thỏa mãn hoặc kêu gọi, kích thích nhu cầu tình dục. Trẻ vị thành niên có thể bị hành vi dâm ô tác động đến thân thể nhưng cũng có thể chỉ bị chứng kiến những hành vi dâm ô.

Thứ ba, hành vi sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm. Hành vi này được xác định là những lời nói và hành động lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức.

- Về thủ đoạn phạm tội

Thủ đoạn phạm tội của các tội phạm về tình dục rất đa dạng tùy theo loại tội phạm. Nhìn chung, nhóm tội này có một số thủ đoạn như: dùng vũ lực (dùng sức mạnh vật chất đe dọa sự kháng cự của nạn nhân chống lại việc giao cấu như xô ngã, vật, giữ, bóp cổ nạn nhân...), đe dọa dùng vũ lực (làm ý chí của người phụ nữ bị tê liệt, buộc họ phải chịu sự giao cấu mà không dám kháng cự như dọa giết, dọa gây thương tích cho nạn nhân...), lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân (lợi dụng người phụ nữ vì lí do nào đó không thể chống lại được hành vi giao cấu trái ý muốn của mình như lợi dụng người phụ nữ đang trong tình trạng ốm đau...), đe dọa hoặc hứa hẹn đối với người lệ thuộc mình hoặc trong hoàn cảnh quần bách buộc họ phải miễn cưỡng giao cấu hoặc các thủ đoạn khác (như lợi dụng người phụ nữ đang trong tình trạng không có khả năng biểu lộ ý chí đúng đắn như lợi dụng người phụ nữ đang bị say rượu hay bị bệnh tâm thần...). Riêng tội giao cấu với trẻ em, do hành vi khách quan của tội này là hành vi giao cấu thuận tình nên người phạm tội không cần dùng thủ đoạn nào để thực hiện hành vi phạm tội.

Ngoài ra, độ tuổi của đối tượng tác động của tội phạm cũng là dấu hiệu để xác định tội phạm trong những trường hợp có hành vi phạm tội tương tự nhau. Như: đối tượng tác động là nữ từ đủ 16 tuổi trở lên là dấu hiệu định tội hiếp dâm và dưới 16 tuổi là hiếp dâm trẻ em; đối tượng tác động là nữ từ đủ 16 tuổi trở lên có quan hệ lệ thuộc với chủ thể hoặc đang ở trong tình trạng quần bách là dấu hiệu định tội cưỡng dâm và từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là cưỡng dâm trẻ em), đối tượng tác động là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là dấu hiệu định tội giao cấu với trẻ em và người dưới 16 tuổi là đối tượng tác động của tội dâm ô đối với trẻ em.

5.2.2.2. Nhóm các tội phạm khác xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác

Nhóm các tội phạm khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ Luật Hình sự năm 2015 bao gồm tám điều luật, đó là: Tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148); Tội cố ý truyền HIV cho người khác (Điều 149); Tội mua bán người (Điều 150); Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151); Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi (Điều 152); Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153); Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154); Tội làm nhục người khác (Điều 155); Tội vu khống (Điều 156). Đặc điểm hành vi của nhóm tội phạm này được xác định như sau:

Thứ nhất, hành vi lây truyền, cố ý lây truyền HIV cho người khác. Các hành vi phạm tội lây truyền HIV cho người khác và cố ý truyền HIV cho người khác không chỉ gây tổn thương đến sức khỏe của người khác, mà còn làm ảnh hưởng đến tinh thần của nạn nhân. Trên thực tế, nạn nhân của những hành vi phạm tội này sẽ bị nhiễm HIV, vì thế họ mang tâm lý mặc cảm, lo sợ người khác kỳ thị; khi bị cộng đồng, tập thể, gia đình phát hiện HIV, nạn nhân khó chứng minh bản thân là nạn nhân của các hành vi phạm tội trên mà thường bị quy chụp là “vi phạm các tệ nạn xã hội” (như quan hệ tình dục với người hành nghề mại dâm hoặc sử dụng ma túy). Chính những hệ lụy của hành vi phạm tội này đã làm cho nạn nhân ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của bản thân họ. Chính vì thế, hành vi phạm tội lây truyền HIV cho người khác và cố ý truyền HIV cho người khác cũng làm ảnh hưởng lớn đến nhân phẩm, danh dự con người.

Thứ hai, hành vi mua bán người: là những hành vi dùng tiền hoặc các phương tiện thanh toán khác như vàng, ngoại tệ... để trao đổi mua bán người như một thứ hàng hóa (nếu người bị mua bán từ đủ 16 tuổi trở lên thì hành vi này cấu thành tội mua bán người, nếu người bị mua bán dưới 16 tuổi thì hành vi này cấu thành tội mua bán trẻ em). Khi việc mua bán xảy ra, nạn nhân có thể biết hoặc không biết mình đang là đối tượng bị mua bán. Người bị mua bán có thể không đồng tình nhưng cũng có thể đồng tình với việc mua bán bản thân mình.

Thứ ba, hành vi đánh tráo và hành vi chiếm đoạt trẻ em. Đánh tráo được hiểu là hành vi tráo đứa trẻ này với đứa trẻ khác mà bố mẹ của một hoặc của cả hai đứa trẻ không biết. Hành vi chiếm đoạt trẻ em được hiểu là hành vi tách chuyển trái phép đứa trẻ khỏi sự quản lý của gia đình hoặc người quản lý hợp pháp và thiết lập sự quản lý đó cho mình hoặc người khác bằng những thủ đoạn khác nhau như dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hay thủ đoạn khác...

Thứ tư, hành vi mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người. Đây là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người khác vì mục đích thương mại. Đây là tội danh xâm phạm đến quyền b t khả xâm phạm về thân thể con người. Thực tế hiện nay ở nước ta, lợi dụng nhu cầu của những bệnh nhân cần thay thế một bộ phận cơ thể, trong xã hội đã xuất hiện những nhóm người môi giới, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người. Điển hình như ngày 31/01/2019 Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an triệt phá đường dây buôn bán nội tạng người với quy mô xuyên quốc gia, bắt giữ 05 đối tượng do Tôn Nữ Thị Huyền cầm đầu (chỉ tính từ tháng 5/2017 đến tháng 01/2019 các đối tượng chủ yếu hoạt động mua bán thận, mỗi lần bán thận thành công các đối tượng thu số tiền giao động từ 15.000 đến 17.000 USD)...

Thứ năm, hành vi có tính chất xúc phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự của người khác. Những hình thức biểu hiện của hành vi này rất đa dạng, có thể là những lời nói có tính chất thóa mạ, sỉ nhục, miệt thị, hạ thấp danh dự, xúc phạm nhân phẩm như chửi bới, nhạo báng... hoặc có thể là những cử chỉ có tính chất bỉ ổi xúc phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự của người khác. Hành vi phạm tội làm nhục người khác xâm phạm đến quyền được bảo hộ về thân thể, sức khỏe, uy tín, danh dự, nhân phẩm của người bị lệ thuộc.

Thứ sáu, hành vi vu khống. Hành vi vu khống được xác định gồm ba dạng: Một là hành vi bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự hoặc nhằm gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác: đây là dạng hành vi đưa ra những thông tin không đúng sự thật và có nội dung xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự, uy tín của người khác như đưa tin người khác có hành vi thiếu đạo đức, có hành vi vi phạm pháp luật mặc dù người đó không có hành vi này và người phạm tội cũng biết rõ những thông tin mình đưa ra là không đúng sự thật. Hai là hành vi bịa đặt là ng ời khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan Nhà nước: người phạm tội có hành vi tố cáo người khác có hành vi phạm tội trước cơ quan có thẩm quyền mặc dù thực tế người này không có hành vi đó.

Việc quy định các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người trong pháp luật hình sự không chỉ góp phần tuyên truyền, phổ biến cho mọi công dân có tinh thần, ý thức tuân thủ pháp luật, chủ động tham gia phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người; răn đe đối với các thành viên không vững vàng, dễ bị lôi kéo trong xã hội mà còn có hình phạt thích đáng nhằm trừng trị và giáo dục chính bản thân người phạm tội.

5.2.3. Mục tiêu, quan điểm, giải pháp phòng chống các tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác

5.2.3.1. Mục tiêu, quan điểm phòng chống các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn đặc biệt quan tâm đến công tác phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác. Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm được ban hành như: Điều 20 Hiến pháp năm 2013 đã nêu rõ: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm...”¹. Điều 34 Bộ luật dân sự cũng quy định: “Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ”². Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Quyết định số 2546/QĐ-Tg ngày 31/12/2015 của Chính phủ về Phê duyệt chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Chính phủ về Phê duyệt chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 v.v.

- Mục tiêu của công tác phòng chống các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người

Công tác phòng, chống tội phạm phải kiềm chế, làm giảm các loại tội phạm, nhất là tội phạm nghiêm trọng, tội phạm mới; tạo ra môi trường lành mạnh, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ cuộc sống hạnh phúc và bình yên của nhân dân. Giảm nguy cơ mua bán người; giảm tội phạm mua bán người; thực hiện có hiệu quả công tác tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về.

- Các quan điểm trong phòng chống các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người

Một là, Phòng, chống tội phạm là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, cấp bách, thường xuyên, liên tục và lâu dài nhằm thực hiện Hiến pháp, pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý, chỉ đạo Điều hành thống nhất của Nhà nước. Công tác phòng, chống tội phạm phải gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Hai là, Phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó các cơ quan chức năng làm nòng cốt, vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và nhân dân tích cực tham gia có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; đề cao vai trò, trách nhiệm và tính chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức đoàn thể, quần chúng nhân dân.

Ba là, Tập trung lực lượng, sử dụng tổng hợp các biện pháp, chủ động phòng ngừa, tích cực đấu tranh ngăn chặn tội phạm, trong đó lấy phòng ngừa là chính; kết hợp chặt chẽ

¹ Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII (2013), Hiến pháp Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

² Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII (2013), Bộ Luật dân sự.

giữa phòng ngừa xã hội với phòng ngừa nghiệp vụ; kịp thời khắc phục những tồn tại hạn chế, làm rõ nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm; coi trọng công tác phòng ngừa xã hội từ cộng đồng, gia đình và ngay từ cơ sở; tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao cảnh giác, ý thức trách nhiệm chấp hành pháp luật, tích cực, tự giác tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chủ động tấn công trấn áp tội phạm, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, gắn với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, không để oan, sai, lọt tội phạm, nghiêm cấm bức cung, nhục hình.

5.2.3.2. Giải pháp phòng chống các tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người

- *Đẩy mạnh và thực hiện đồng bộ các biện pháp mang tính phòng ngừa các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người ở các địa phương*

+ *Các biện pháp về kinh tế - xã hội*

Đây là biện pháp phòng ngừa quan trọng hàng đầu nhằm đảm bảo ngày càng tốt hơn các điều kiện kinh - tế xã hội cho mọi người dân để loại trừ những nguyên nhân điều kiện nảy sinh tội phạm từ nguồn gốc này. Biện pháp kinh tế - xã hội là biện pháp căn bản, có ảnh hưởng rất lớn về mặt xã hội nhằm hạn chế và loại trừ dần những nguyên nhân làm phát sinh tội phạm danh dự, nhân phẩm của con người. Để phòng ngừa tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người trong thời gian tới cần phải tập trung vào những nội dung sau:

Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương, vùng, miền trên phạm vi cả nước. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn các tỉnh.

Nâng cao dân trí, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo và bất bình đẳng xã hội. Các địa phương huy động, lồng ghép các nguồn lực xã hội để đẩy mạnh đầu tư ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng khó khăn, nhằm giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, chế độ, chính sách với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và hộ nghèo.

Tăng cường mở các lớp đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở các địa phương, đặc biệt ưu tiên đối với đồng bào dân tộc thiểu số, người dân ở vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, chính quyền các cấp cần có chính sách xoá mù chữ cho phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, tạo cơ hội học tập cho trẻ em thông qua các biện pháp miễn giảm học phí, hỗ trợ cơ sở vật chất; mở các lớp tình thương cho trẻ em mồ côi, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Trong đó, đặc biệt chú trọng gắn kiến thức văn hoá cho học sinh với giáo dục kỹ năng sống để trẻ em, phụ nữ tự bảo vệ mình trước các nguy cơ bị xâm hại.

+ *Các biện pháp về văn hoá - giáo dục*

Đây là biện pháp quan trọng nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu nguyên nhân phạm tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác từ sự thiếu hiểu biết về văn hóa, pháp luật, quy tắc đạo đức xã hội v.v. Trong thời gian qua, các vụ án xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người chủ yếu ở nhóm có trình độ dân trí còn thấp, trình độ học vấn còn thấp, có nhân thân xấu hoặc có những đặc điểm đạo đức, tâm lý lệch chuẩn, cùng với hủ tục của một số đồng bào dân tộc thiểu trên địa bàn còn phổ biến (hủ tục này dẫn đến việc tảo hôn). Ngoài ra, nhận thức của người dân (phụ huynh của nạn nhân hoặc bản thân nạn nhân) về tội phạm nói chung và tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người chưa đầy đủ, có tâm lý e ngại, xấu hổ cho nên không dám tố giác tội phạm (đặc biệt là tội xâm phạm tình dục). Vì vậy, phòng ngừa tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người trong thời gian tới cần phải tập trung vào những nội dung sau:

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tội phạm và vi phạm pháp luật nói chung, tội phạm và vi phạm pháp luật về xâm phạm danh dự, nhân phẩm nói riêng trong cộng đồng dân cư, xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục cần được triển khai sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng phong phú, có nội dung hình thức phù hợp với từng đối tượng, vùng miền và địa phương.

Đổi mới hình thức, nội dung, biện pháp tuyên truyền phù hợp với từng vùng, miền, từng đối tượng, coi trọng các biện pháp truyền thống như: truyền miệng, in ấn tờ rơi, pa nô, áp phích, tranh ảnh biếm họa, nhất là tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh của các thôn, bản, khu phố...

Các cơ quan thông tấn báo chí, phát thanh, truyền hình tập trung tuyên truyền về giá trị đạo đức, truyền thống gia đình, xóm, làng, truyền thống của dân tộc; lên án mạnh mẽ những người có hành vi phản văn hóa, vi phạm pháp luật; tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của người dân trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày như: Giải quyết tranh chấp mâu thuẫn về dân sự, kinh tế, đất đai, hôn nhân và gia đình... được xác định trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật Tổ chức cơ quan điều tra, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam; đặc biệt chú ý đến các điều luật quy định các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người.

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng, dưới nhiều hình thức (băng rôn, khẩu hiệu, phát thanh, truyền hình, phóng sự, kịch, sân khấu hóa....) về phương thức, thủ đoạn hoạt động và tác hại, hậu quả cũng như tính nghiêm khắc của chế tài xử lý hình sự đối với các loại tội phạm, nhất là tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm để nhân dân hiểu rõ và chủ động phòng ngừa, đấu tranh.

Nâng cao kỹ năng của mọi tổ chức, công dân trong phát hiện, phòng ngừa, xử lý đối với những biểu hiện, hành vi và hậu quả tác hại của tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm đối với mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội.

Đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hoá, nếp sống văn minh ở các cộng đồng dân cư ở các địa phương; xoá bỏ những hủ tục của người dân, đặc biệt của các đồng bào dân tộc thiểu số.

Đối với mỗi gia đình phải thực hiện tốt việc xây dựng gia đình văn hoá, thực hiện nếp sống văn hoá văn minh là hành lang để bảo vệ hạnh phúc bền vững cho các gia đình; các thành viên gia đình thường xuyên chăm sóc, quan tâm đến nhau, con cháu vâng lời ông bà, cha mẹ; ông bà, cha mẹ chăm sóc, giáo dục con cháu mình về đạo đức, lễ phép, tác phong, phẩm hạnh theo triết lý “tiên học lễ, hậu học văn”; kiểm soát chặt chẽ để con cháu không sử dụng những sản phẩm văn hoá phẩm đồi trụy, khiêu dâm,...

Đối với cộng đồng phải thường xuyên phát động Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, xoá bỏ những phong tục, tập quán không còn phù hợp; thực hiện tốt phong trào “quản lý, giáo dục, giúp đỡ những người lỗi lầm tại cộng đồng, dân cư” và Phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”;...

+ *Tăng cường giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội*

Đối với mỗi gia đình cần phải quan tâm và có chiến lược giáo dục con cháu hiệu quả, tạo nên một gia đình có truyền thống, nền nếp gia phong để con cháu phấn đấu xứng đáng với truyền thống của gia đình. Giáo dục bằng cách nêu gương của ông bà, cha mẹ, anh chị trong gia đình như lối sống, ứng xử đúng mực của mình với những người xung quanh để từ đó con cái học tập, noi theo; cha mẹ phải gương mẫu trong mọi lời nói, hành động, tránh xa các vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội,... Bên cạnh việc yêu

thương, giáo dục con cháu, các gia đình cũng phải nghiêm khắc để giúp con cháu nhận ra những sai phạm và sửa chữa để không mắc phải những sai phạm đó sau này.

Đối nhà trường cần chú trọng đến giáo dục cả đạo đức lẫn kiến thức; lồng ghép nội dung giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản cho học sinh; giáo dục cho học sinh (đặc biệt bé gái) biết cách phòng vệ và tránh những nguy cơ có thể dẫn đến các hành vi xâm phạm tình dục và buôn bán người.

Đối với đoàn thể xã hội (Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân) tăng cường các hình thức tuyên truyền, giáo dục để mọi người cảnh giác trước các hành vi phạm tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người. Trong đó, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh tăng cường giáo dục hội viên và nhân dân trên địa bàn, tình hình tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người trên địa bàn tỉnh; phổ biến những nội dung pháp luật liên quan đến tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người như Bộ luật Hình sự, để người dân nâng cao cảnh giác và từ đó nhận thức rõ các hình thức, thủ đoạn của loại tội phạm này; Đoàn thanh niên tiếp tục phát huy tốt tinh thần xung kích, tình nguyện; thông qua hình thức sân khấu hóa với những tiểu phẩm về tuyên truyền phòng, chống tội phạm, trong đó đặc biệt tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người, từ đó nhằm nâng cao nhận thức của thanh thiếu niên về các vấn đề pháp luật. Ngoài ra, trong bối cảnh phát triển khoa học, công nghệ hiện nay, đặc biệt công nghệ thông tin, truyền thống, các đoàn thể nhân dân cần tuyên truyền và hướng dẫn người dân những kỹ năng cần thiết khi sử dụng Internet, Facebook, Mail, Twitter, Zalo, Instagram,... để không mắc phải những sai sót hoặc làm lộ lọt thông tin cá nhân, để không bị đối tượng xấu lợi dụng, không chệ (đặc biệt liên quan đến tội mua bán người và tội làm nhục người khác).

- *Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự xã hội ở các địa phương*

+ Tăng cường hiệu quả quản lý hành chính về an ninh, trật tự

Đẩy mạnh, tăng cường các biện pháp quản lý giáo dục đối với những đối tượng có tiền án, tiền sự, có biểu hiện vi phạm pháp luật tại cộng đồng; tăng cường trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc quản lý nhân khẩu, hộ tịch, tạm trú, tạm vắng trên địa bàn dân cư của tỉnh, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng nhiều đồng bào dân tộc thiểu số; quản lý các ngành nghề kinh doanh, dịch vụ có điều kiện và các loại hình dịch vụ khác có liên quan đến tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người, đặc biệt là tội mua bán người đối với các loại hình dịch vụ như du lịch, xuất khẩu lao động; và các loại hình dịch vụ khác như Massage, Karaoke trá hình...

+ Tăng cường tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân trong đấu tranh, phòng ngừa tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người.

Chính quyền các cấp tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt pháp luật hình sự trên địa bàn; cùng với đó, chính quyền các cấp cần phải đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục qua các phương tiện thông tin đại chúng và tuyên truyền chiều sâu ở các địa bàn dân cư nhằm nâng cao cảnh giác cho cộng đồng trước những thủ đoạn của tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người, đặc biệt là các tội hiếp dâm, tội cưỡng dâm, tội giao cấu với trẻ em, tội dâm ô, tội mua bán người (phụ nữ và trẻ em). Ngoài ra, chính quyền các cấp phối hợp với các tổ chức đoàn thể tích cực vận động quần chúng tham gia phát hiện, tố giác tội phạm, chủ động hỗ trợ các lực lượng chức năng tấn công trấn áp tội phạm.

+ Tăng cường các biện pháp liên quan đến hoạt động phát hiện và xử lý hành vi phạm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Lực lượng Công an cần phải tăng cường hợp tác với quần chúng nhân dân, phối hợp với các cơ quan chức năng và các đoàn thể trong việc tiếp nhận tin báo tố giác về các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời; thực hiện tốt công tác “dân vận”, hợp tác với quần chúng nhân dân để nhân dân nâng cao ý thức pháp luật, nâng cao hiểu biết về các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người, chủ động, tích cực tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm.

- Nâng cao năng lực chủ thể phòng ngừa các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người ở các địa phương

Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan như: Cấp ủy đảng, Ủy ban nhân dân, cơ quan Công an, các cơ quan chuyên môn trong quản lý hành chính nhà nước (thông tin truyền thông, tài chính, lao động - thương binh và xã hội; tư pháp,...), Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người ở các tổ chức, cơ quan, đơn vị và địa phương.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, trừ c hết, cần phải đảm bảo số lượng cán bộ, công chức, chiến sĩ Công an thực hiện phòng ngừa các tội phạm này, đặc biệt, cần tăng cường cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ở các địa phương. Đồng thời tăng cường đầu tư trang bị, phương tiện, thiết bị nghiệp vụ hiện đại phục vụ hoạt động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm.

Bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng, bản lĩnh chính trị, kiến thức về văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức và chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ này. Trong đó đặc biệt chú trọng đối với đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, lực lượng Công an xã và cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các chủ thể, lực lượng phòng ngừa các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người ở các địa phương.

Các cơ quan chức năng ở các địa phương tăng cường thực hiện công tác phòng ngừa tội phạm, gắn phòng ngừa xã hội với phòng ngừa nghiệp vụ. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, các nhóm đối tượng có nguy cơ phạm tội và nguy cơ bị xâm hại cao, gắn với phong trào xây dựng khu dân cư văn hóa, không có tội phạm, tệ nạn xã hội và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác ở địa phương.

Các cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện kế hoạch, chương trình hành động đã ký kết giữa các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị; thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả công tác phối hợp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong tình hình mới. Cùng cố và nhân rộng các mô hình quần chúng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng “tự quản, tự phòng, tự bảo vệ, tự hòa giải”.

Nâng cao tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc về tội phạm và tệ nạn xã hội, không để hình thành địa bàn phức tạp; ba ngành Công an - Viện Kiểm sát - Tòa án tăng cường công tác phối hợp trong điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm, đồng thời tổ chức xét xử lưu động các vụ án điểm phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm này.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước, khắc phục sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý nhằm phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật, nhất là các lĩnh vực quản lý cư trú...

KẾT LUẬN

Các tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là một trong những nhóm tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, có hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Loại tội phạm này không chỉ xâm hại đến sự phát triển bình thường, lành mạnh của con người mà còn gây ảnh hưởng xấu đến, sinh lý của người bị hại về lâu dài, làm tổn thương tinh thần người bị hại cũng như gia đình của họ. Bên cạnh đó, hành vi này còn có tác động xấu đến môi trường xung quanh, nhiều vụ án gây phẫn nộ, gây bức xúc, nhức nhối trong dư luận. Tính chất của các vụ án về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người ngày càng gia tăng về mức độ nghiêm trọng, báo động về sự xuống cấp đạo đức của một bộ phận người dân, ảnh hưởng lớn đến trật tự văn hóa - xã hội trong cộng đồng.

Phòng, chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và cả Hệ thống Chính trị. Để phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người cần tiến hành tổng thể các biện pháp, phát huy trí tuệ, sức mạnh tổng lực của toàn dân tộc nhằm bảo vệ phẩm giá của con người và dựng xây xã hội xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh.

HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU

1. Hiểu biết chung về các tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người ?
2. Các tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam ?
3. Mục tiêu, quan điểm, giải pháp phòng, chống các tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người ?

Chương 6

AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

Trong thời đại công nghệ thông tin và kỹ nguyên số hiện nay, hoạt động trên không gian mạng tác động tới tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và đặc biệt là con người. Không gian mạng làm cho con người tương tác đa chiều hơn, phản ánh sinh động, tức thời hơn với mọi mặt đời sống và các mối quan hệ xã hội. Internet trở thành không gian xã hội mới, nơi con người có thể thực hiện các hành vi mang bản chất xã hội của mình, như giao tiếp, sáng tạo, lao động, sản xuất, tiêu dùng, học tập và vui chơi giải trí, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

Tuy nhiên, nếu không gian mạng quốc gia không được bảo vệ, các bí mật nhà nước sẽ bị lộ, lọt, đánh cắp; các hạ tầng quan trọng của quốc gia như hệ thống thông tin hàng không, điện lưới quốc gia, giao thông đường bộ, các cơ sở công nghiệp trọng yếu sẽ bị phá hủy; hệ thống tài chính, ngân hàng và nhiều lĩnh vực khác bị đình trệ hoặc rối loạn hoạt động. Không gian mạng có thể thành môi trường để các tổ chức khủng bố quốc tế tuyên truyền, tuyển lựa, huấn luyện và chỉ đạo hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội. Một cuộc chạy đua vũ trang trên không gian mạng và chiến tranh mạng đang trở thành hình thái chiến tranh mới, ngày càng hiện hữu. Tình trạng vi phạm pháp luật trên không gian mạng ngày càng xảy ra nghiêm trọng tác động tiêu cực và ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm vv của mọi cá nhân. Do đó, bảo đảm an toàn thông tin và phòng chống có hiệu quả vi phạm pháp luật trên không gian mạng là vấn đề cực kỳ quan trọng, cấp thiết của cả Hệ thống chính trị, mọi tổ chức, mọi công dân ở nước ta hiện nay.

6.1. Những vấn đề chung về an toàn thông tin và không gian mạng

6.1.1. Một số khái niệm cơ bản

6.1.1.1. Khái niệm thông tin

“Thông tin là một khái niệm cơ bản của khoa học hiện đại, khái quát về các điều hiểu biết, tri thức thu được qua nghiên cứu, khảo sát hoặc trao đổi giữa các đối tượng với nhau”¹. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

- Thông tin là sản phẩm của con người được hình thành thông qua nghiên cứu, khảo sát, trao đổi với các đối tượng.

- Thông tin là tập hợp các số liệu, các dữ kiện được được biểu hiện thông qua hệ thống các ký hiệu (ngôn ngữ, hình ảnh, tín hiệu...).

- Thông tin được truyền dẫn thông qua giao tiếp, các phương tiện truyền thông tin như sách báo, truyền hình, mạng v.v.

6.1.1.2. Khái niệm về mạng

“Mạng là môi trường trong đó thông tin được cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua mạng viễn thông và mạng máy tính”².

- Mạng là một môi trường diễn ra các hoạt động cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin.

¹ Từ điển bách khoa Việt Nam (2002), NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, tập 4, tr. 251.

² Luật An toàn thông tin mạng (2015), Điều 3, khoản 2.

- Trong môi trường mạng, thông tin được cung cấp, truyền đưa, trao đổi thông qua 2 hệ thống mạng là mạng viễn thông và mạng máy tính.

6.1.1.3. Khái niệm không gian mạng

“Không gian mạng là mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian”¹.

- Không gian mạng là tập hợp các mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu kết nối với nhau trên nền tảng và tạo thành cơ sở hạ tầng thông tin.

- Trên không gian mạng, con người thực hiện các hành vi xã hội ngày càng phổ biến, đa dạng mà không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

6.1.1.4. Khái niệm an toàn thông tin mạng

“An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin”².

- Mục đích của an toàn thông tin mạng nhằm bảo vệ tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin.

- Biện pháp bảo vệ an toàn thông tin mạng, là tiến hành các hoạt động chống lại các hành vi truy nhập, sử dụng, tiết lộ, làm gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép thông tin và hệ thống thông tin trên mạng.

- Đối tượng bảo vệ là thông tin, hệ thống thông tin.

6.1.1.5. Vi phạm pháp luật trên không gian mạng

Vi phạm pháp luật trên không gian mạng là “những hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên không gian mạng”³.

- Là những hành vi sử dụng các công cụ, phương tiện thông qua không gian mạng để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Nội dung vi phạm pháp luật trên không gian mạng là: tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; làm nhục, vu khống; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; các hoạt động gián điệp, tấn công, khủng bố mạng.

6.1.1.6. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên không gian mạng. Khái niệm được hiểu trên những nội dung cơ bản sau.

¹ Luật An ninh mạng (2018), Điều 2, khoản 3.

² Luật An toàn thông tin mạng (2015), Điều 3, khoản 1.

³ Luật An ninh mạng (2018), Điều 6.

- Mục đích: bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân trên không gian mạng.

- Biện pháp: phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

- Chủ thể: Hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng làm nòng cốt.

6.1.2. Tình hình an toàn thông tin hiện nay ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, hệ thống thông tin của Việt Nam có sự phát triển mạnh mẽ, phục vụ đắc lực sự lãnh đạo, quản lý, điều hành của Đảng, Nhà nước, đáp ứng nhu cầu thông tin của xã hội, góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước. Lĩnh vực viễn thông, Internet, tần số vô tuyến điện có sự phát triển mạnh mẽ, đạt được mục tiêu số hóa hoàn toàn mạng lưới, phát triển nhiều dịch vụ mới, phạm vi phục vụ được mở rộng, bước đầu hình thành những doanh nghiệp mạnh, có khả năng vươn tầm khu vực, quốc tế. Hệ thống bưu chính chuyên phát, báo chí, xuất bản phát triển nhanh cả về số lượng, chất lượng và kỹ thuật nghiệp vụ, có đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước.

Tuy nhiên, tình hình an ninh thông tin ở Việt Nam đã và đang có những diễn biến phức tạp. Các tổ chức, đặc biệt là tổ chức nước ngoài, các thế lực thù địch, phản động tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp, khủng bố, phá hoại hệ thống thông tin; tán phát thông tin xấu, độc hại nhằm tác động chính trị nội bộ, can thiệp, hướng lái chính sách, pháp luật của Việt Nam. Gia tăng hoạt động tấn công mạng nhằm vào hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia. Theo thống kê, trung bình mỗi năm, qua kiểm tra, kiểm soát các cơ quan chức năng đã phát hiện trên 850.000 tài liệu chiến tranh tâm lý, phản động, âm mưu quốc tế, tài liệu tuyên truyền tà đạo trái phép; gần 750.000 tài liệu tuyên truyền chống Đảng, Nhà nước được tán phát vào Việt Nam qua đường bưu chính. Từ 2010 đến 2019 đã có 53.744 lượt cổng thông tin, trang tin điện tử có tên miền .vn bị tấn công, trong đó có 2.393 lượt cổng thông tin, trang tin điện tử của các cơ quan Đảng, Nhà nước “.gov.vn”, xuất hiện nhiều cuộc tấn công mạng màu sắc chính trị, gây ra những hậu quả nghiêm trọng.

Tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin diễn biến phức tạp, gia tăng về số vụ, thủ đoạn tinh vi, gây thiệt hại nghiêm trọng về nhiều mặt. Các hành vi phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin; gây mất an toàn, hoạt động bình thường, vững mạnh của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hệ thống thông tin vô tuyến điện, ... đã và đang gây ra những thiệt hại lớn về kinh tế, xâm hại trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Theo kết quả đánh giá an ninh mạng do Tập đoàn công nghệ Bkav thực hiện: “trong năm 2019, chỉ tính riêng thiệt hại do virus máy tính gây ra đối với người dùng Việt Nam đã lên tới 20.892 tỷ đồng (tương đương 902 triệu USD), hơn 1,8 triệu máy tính bị mất dữ liệu do sự lan tràn của các loại mã độc mã hóa dữ liệu tống tiền (ransomware), trong đó có nhiều máy chủ chứa dữ liệu của các cơ quan, gây đình trệ hoạt động của nhiều cơ quan, doanh nghiệp”¹.

Hệ thống thông tin của Việt Nam còn tồn tại nhiều điểm yếu, lỗ hổng bảo mật dễ bị khai thác, tấn công, xâm nhập; tình trạng lộ, mất bí mật nhà nước qua hệ thống thông tin gia tăng đột biến; hiện tượng khai thác, sử dụng trái phép cơ sở dữ liệu, tài nguyên thông tin quốc gia, dữ liệu cá nhân người dùng diễn biến phức tạp; xuất hiện nhiều dịch vụ mới,

¹ Tập đoàn BKAV, Báo cáo tổng kết công tác an ninh mạng năm 2019.

hiện đại gây khó khăn cho công tác quản lý, kiểm soát của các cơ quan chức năng. Từ 2001 đến 2019, các cơ quan chức năng đã phát hiện hơn 1.100 vụ lộ, mất bí mật nhà nước, trong đó lộ, mất bí mật nhà nước qua hệ thống thông tin chiếm tỷ lệ lớn với trên 80% số vụ. Tháng 3/2018, Facebook cũng đã để lộ dữ liệu cá nhân để một nhà phát triển bán lại cho Công ty Cambridge Analytica, dẫn tới 87 triệu dữ liệu thông tin người dùng bị lộ, trong đó có 427.466 tài khoản của người dùng Việt Nam.

6.1.3. Tình hình không gian mạng ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, Kết cấu hạ tầng viễn thông ở nước ta được xây dựng khá đồng bộ; kinh tế số được hình thành và phát triển nhanh, ngày càng trở thành bộ phận quan trọng của nền kinh tế. Công nghệ số được áp dụng ở hầu hết các ngành; xuất hiện ngày càng nhiều hình thức kinh doanh, dịch vụ mới xuyên quốc gia, dựa trên nền tảng công nghệ số và in-tơ-nét. Việc triển khai chính phủ điện tử được thực hiện quyết liệt, đã đưa vào sử dụng hệ thống e-Ca-bi-net phục vụ các kỳ họp của Chính phủ, hệ thống Trục liên thông văn bản quốc gia. Chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin của Việt Nam đã gia tăng nhanh chóng, Việt Nam hiện đứng trong top 40 nước ứng dụng công nghệ thông tin hàng đầu thế giới.

Tuy nhiên, nước ta cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức đối với an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đến từ không gian mạng trong những năm gần đây. Hoạt động sử dụng không gian mạng để tuyên truyền phá hoại tư tưởng, chống Đảng, Nhà nước, kích động tập trung đông người gây rối an ninh, trật tự. Thời gian qua, phát hiện trên 3.000 trang web, blog, tài khoản mạng xã hội và gần 100 hội, nhóm trên mạng xã hội facebook thường xuyên đăng tải thông tin chống Đảng, Nhà nước, kích động gây rối an ninh, trật tự. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 bùng phát, không gian mạng tiếp tục là môi trường chủ yếu để các thế lực thù địch, đối tượng phản động, chống đối phát tán thông tin bịa đặt về tình hình dịch bệnh, xuyên tạc, đả kích sự chỉ đạo, điều hành trong phòng, chống dịch bệnh của Chính phủ và chính quyền các cấp; kích động, chia rẽ quan hệ đối ngoại của Việt Nam với một số nước; kích động công nhân đình công tập thể tại các công ty, khu công nghiệp có yếu tố nước ngoài. Càng gần đến Đại hội XIII của Đảng, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch càng diễn ra quyết liệt, thông qua hàng trăm trang web và hàng nghìn nhóm, tài khoản mạng xã hội để tán phát thông tin xuyên tạc, đả kích lãnh đạo Đảng, Nhà nước; xuyên tạc, bịa đặt về công tác nhân sự Đại hội XIII của Đảng.

Các hoạt động gián điệp mạng, tình trạng lộ bí mật nhà nước trên không gian mạng diễn biến ngày càng phức tạp. Chỉ tính riêng năm 2019, đã phát hiện hàng trăm trang web tên miền quốc gia bị tấn công; 127 trang và 349 cổng thông tin điện tử của nhiều cơ quan, đơn vị tồn tại các lỗ hổng bảo mật nghiêm trọng; 40 vụ lộ bí mật nhà nước qua in-tơ-nét với 241 đầu tài liệu. Đáng chú ý, tin tặc gia tăng tấn công mạng vào các cơ quan trọng yếu và các tập đoàn kinh tế lớn để thu thập, chiếm đoạt thông tin, tài liệu bí mật nhà nước. Các đối tượng này duy trì chiến dịch tấn công liên tục với các kỹ thuật tấn công mới, nâng cấp các dòng mã độc, bám sát tình hình chính trị, xã hội ở nước ta để thay đổi thủ đoạn tán phát mã độc cho đến khi xâm nhập thành công. Diễn hình như, trong khi dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, phòng, chống dịch bệnh là mối quan tâm chung của cả cộng đồng, tin tặc đã tán phát mã độc đính kèm thư điện tử giả mạo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về phòng, chống dịch Covid-19 nhằm đánh lừa người dùng nhấn mở tệp để lây nhiễm mã độc và đánh cắp thông tin, dữ liệu trên máy tính người dùng, đặc biệt là thông tin của Chính phủ, các bộ, ban, ngành.

Các đối tượng sử dụng không gian mạng để thực hiện các hành vi phạm tội gia tăng cả về số vụ, tính chất, mức độ nghiêm trọng và bằng nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, khiến nhiều nạn nhân bị chiếm đoạt số tiền rất lớn. Đặc biệt, thủ đoạn mạo danh các cơ quan thực thi pháp luật như công an, viện kiểm sát, tòa án gọi điện yêu cầu nạn nhân “cung cấp thông tin hỗ trợ điều tra” để đánh cắp thông tin tài khoản và chiếm đoạt tài sản xảy ra ở nhiều địa phương, chiếm đoạt tổng số tiền lên đến hàng trăm tỷ đồng. Tội phạm tổ chức đánh bạc, cá độ bóng đá trên mạng chủ yếu do các “nhà cái” ở nước ngoài móc nối với các đối tượng trong nước hình thành các đường dây, thiết lập hàng nghìn trang web, tên miền, ước tính sử dụng hàng triệu đô-la Mỹ mỗi ngày. Các trò chơi đổi thưởng, đánh bạc trá hình, hoạt động kinh doanh đa cấp biến tướng lừa đảo tiếp tục diễn biến phức tạp. Hoạt động “tín dụng đen” trên mạng xuất hiện hình thức mới, tiềm ẩn nguy cơ bị lợi dụng để thực hiện đánh bạc qua mạng, lừa đảo, trốn thuế, rửa tiền, tài trợ cho tổ chức khủng bố hoặc huy động tài chính đa cấp. Tội phạm người nước ngoài sử dụng công nghệ cao có chiều hướng dịch chuyển mạnh địa bàn hoạt động sang Việt Nam, tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn, khu du lịch. Tội phạm có tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử, thanh toán thẻ, thanh toán điện tử, tài chính, ngân hàng tiếp tục gia tăng. Xuất hiện nhiều đường dây mua bán vũ khí, công cụ hỗ trợ, các thiết bị nghe lén, định vị nguy trang trên in-tơ-nét.

6.2. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

6.2.1. Nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc; phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng.

- Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo vệ an ninh mạng, bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trên không gian mạng.

- Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, làm thất bại mọi hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; sẵn sàng ngăn chặn các nguy cơ đe dọa an ninh mạng.

- Triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia; áp dụng các biện pháp bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

- Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia được thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện về an ninh mạng trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; thường xuyên kiểm tra, giám sát về an ninh mạng trong quá trình sử dụng và kịp thời ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng.

- Mọi hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh.

6.2.2. Các hành vi bị cấm trên không gian mạng

6.2.2.1. Các nhóm hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

- Sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm: tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân; chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước; xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.

Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng bao gồm: kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân; kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về an ninh, trật tự.

Thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống bao gồm: xúc phạm nghiêm trọng danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác; thông tin bịa đặt, sai sự thật xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế bao gồm: thông tin bịa đặt, sai sự thật về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá khác; thông tin bịa đặt, sai sự thật trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp, chứng khoán.

Thông tin trên không gian mạng có nội dung bịa đặt, sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Thực hiện hành vi gián điệp mạng; xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng bao gồm: Chiếm đoạt, mua bán, thu giữ, cố ý làm lộ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; cố ý xóa, làm hư hỏng, thất lạc, thay đổi thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư được truyền đưa, lưu trữ trên không gian mạng; cố ý thay đổi, hủy bỏ hoặc làm vô hiệu hóa biện pháp kỹ thuật được xây dựng, áp dụng để bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư; đưa lên không gian mạng những thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trái quy định của pháp luật; cố ý nghe, ghi âm, ghi hình trái phép các cuộc đàm thoại; hành vi khác cố ý xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư.

Chiếm đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng Internet; trộm cắp cước viễn thông quốc tế trên nền Internet; vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ trên không gian mạng; giả mạo trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân; làm giả, lưu hành, trộm cắp, mua bán, thu thập, trao đổi trái phép thông tin thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng của người khác; phát hành, cung cấp, sử dụng trái phép các phương tiện thanh toán; tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật; hướng dẫn người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc; thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

- Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

- Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.

- Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng; tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

- Lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi.

6.2.2.2. Các hành vi tấn công mạng và có liên quan đến tấn công mạng

- Phát tán chương trình tin học gây hại cho mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.

- Gây cản trở, rối loạn, làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động, ngăn chặn trái phép việc truyền đưa dữ liệu của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử.

- Xâm nhập, làm tổn hại, chiếm đoạt dữ liệu được lưu trữ, truyền đưa qua mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.

- Xâm nhập, tạo ra hoặc khai thác điểm yếu, lỗ hổng bảo mật và dịch vụ hệ thống để chiếm đoạt thông tin, thu lợi bất chính.

- Sản xuất, mua bán, trao đổi, tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm có tính năng tấn công mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử để sử dụng vào mục đích trái pháp luật.

- Hành vi khác gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.

6.2.3. Một số nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

6.2.3.1. Bảo vệ thông tin mạng

Bảo vệ thông tin mạng là việc các tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động phù hợp để bảo vệ thông tin và hệ thống thông tin mang tính mật trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép. Bảo vệ thông tin mạng được tiến hành các nội dung cơ bản sau.

- Cơ quan, tổ chức sở hữu thông tin phân loại thông tin theo thuộc tính bí mật để có biện pháp bảo vệ phù hợp. Thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được phân loại và bảo vệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

- Việc gửi thông tin trên mạng phải bảo đảm các yêu cầu không giả mạo nguồn gốc gửi thông tin; tuân thủ các quy định về việc gửi thông tin trên mạng.

- Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý phần mềm độc hại.

- Bảo đảm an toàn tài nguyên viễn thông.

- Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

- Ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia.

6.2.3.2. Bảo vệ thông tin cá nhân

Bảo vệ thông tin cá nhân là việc các tổ chức, cá nhân bảo vệ những thông tin gắn với việc xác định danh tính của một người cụ thể

Nguyên tắc. Cá nhân tự bảo vệ thông tin cá nhân của mình và tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên mạng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với thông tin do mình xử lý. Việc bảo vệ, xử lý thông tin cá nhân tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân tiến hành thu thập, xử lý thông tin cá nhân phải có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân về phạm vi, mục đích của việc thu thập và sử dụng thông tin đó. Không được cung cấp, chia sẻ, phát tán thông tin cá nhân mà mình đã thu thập, tiếp cận, kiểm soát cho bên thứ ba, trừ trường hợp có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm bảo mật, lưu trữ thông tin cá nhân do mình thu thập. Chủ thể thông tin cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân cung cấp thông tin cá nhân của mình mà tổ chức, cá nhân đó đã thu thập, lưu trữ.

Chủ thể thông tin cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân cập nhật, sửa đổi, hủy bỏ thông tin cá nhân của mình mà tổ chức, cá nhân đó đã thu thập, lưu trữ hoặc ngừng cung cấp thông tin cá nhân của mình cho bên thứ ba. Tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân phải sửa đổi, hủy bỏ thông tin cá nhân khi được chủ thể yêu cầu hoặc được lưu trữ khi đã hoàn thành mục đích sử dụng hoặc hết thời hạn lưu trữ và thông báo cho chủ thể thông tin cá nhân biết.

Tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân phải áp dụng biện pháp quản lý, kỹ thuật phù hợp để bảo vệ thông tin cá nhân do mình thu thập, lưu trữ. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn thông tin mạng. Khi xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố an toàn thông tin mạng, tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân cần áp dụng biện pháp khắc phục, ngăn chặn trong thời gian sớm nhất.

6.2.3.3. Bảo vệ hệ thống thông tin

Bảo vệ hệ thống thông tin là bảo vệ hệ thống các phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên mạng. Bảo vệ hệ thống thông tin được tiến hành qua các nội dung sau.

Phân loại cấp độ an toàn hệ thống thông tin để áp dụng biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm bảo vệ hệ thống thông tin phù hợp theo cấp độ: cấp độ 1 là cấp độ mà khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân nhưng không làm tổn hại tới lợi ích công cộng, trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia; cấp độ 2 là cấp độ mà khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc làm tổn hại tới lợi ích công cộng nhưng không làm tổn hại tới trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia; cấp độ 3 là cấp độ mà khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại nghiêm trọng tới sản xuất, lợi ích công cộng và trật tự, an toàn xã hội hoặc làm tổn hại tới quốc phòng, an ninh quốc gia; cấp độ 4 là cấp độ mà khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại đặc biệt nghiêm trọng tới lợi ích công cộng và trật tự, an toàn xã hội hoặc làm tổn hại nghiêm trọng tới quốc phòng, an ninh quốc gia; cấp độ 5 là cấp độ mà khi bị phá hoại sẽ làm tổn hại đặc biệt nghiêm trọng tới quốc phòng, an ninh quốc gia.

Các nhiệm vụ bảo vệ hệ thống thông tin: Xác định cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin. Đánh giá và quản lý rủi ro an toàn hệ thống thông tin. Đôn đốc, giám sát, kiểm tra công tác bảo vệ hệ thống thông tin. Tổ chức triển khai các biện pháp bảo vệ hệ thống thông tin. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng.

Các biện pháp bảo vệ hệ thống thông tin: Ban hành quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng, nâng cấp, hủy bỏ hệ thống thông tin. Áp dụng biện pháp quản lý, kỹ thuật theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng để phòng, chống nguy cơ, khắc phục sự cố an toàn thông tin mạng. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định và đánh giá hiệu quả của các biện pháp quản lý và kỹ thuật được áp dụng. Giám sát an toàn hệ thống thông tin.

6.2.3.4. Ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng

Ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng là việc các tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động không để các tổ chức trong nước và nước ngoài sử dụng biện pháp công nghệ, kỹ thuật thông tin gây tổn hại đến thông tin, hệ thống thông tin trên mạng.

Nhiệm vụ ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng: Ngăn chặn thông tin phá hoại xuất phát từ hệ thống thông tin của mình; hợp tác xác định nguồn, đẩy lùi, khắc phục hậu quả tấn công mạng được thực hiện thông qua hệ thống thông tin của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; ngăn chặn hành động của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có mục đích phá hoại tính nguyên vẹn của mạng; loại trừ việc tổ chức thực hiện hoạt động trái pháp luật trên mạng có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

6.2.3.5. Phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi phạm pháp luật trên không gian mạng

Phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi phạm pháp luật trên không gian mạng là hoạt động của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ an toàn cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu. Bảo vệ lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên không gian mạng và liên quan đến không gian mạng.

Để chống lại các hoạt động vi phạm pháp luật trên không gian mạng, các cơ quan chức năng tiến hành phát hiện kiểm duyệt và chặn lọc, thu thập, xử lý thông tin sai phạm trên môi trường mạng. Phát hiện, điều tra để nắm tình hình, dự báo tình hình không để xảy ra các tình huống nguy hiểm về an ninh mạng, các sự cố an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng. Thu thập, phát hiện, điều tra, xử lý thông tin, tài liệu, hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; tổ chức ngăn chặn các hoạt động xâm nhập, phá hoại, lấy cắp thông tin trên mạng, xử lý các hoạt động lợi dụng mạng để tuyên truyền, chống phá Đảng, Nhà nước, xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bí mật nhà nước và các hoạt động tội phạm khác.

6.2.3.6. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin tạo được chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, góp phần nâng cao năng lực quốc gia về bảo đảm an toàn thông tin, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Thực hiện tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn về các kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng để sử dụng thiết bị thông minh, IoT an toàn, hiệu quả; các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia và an toàn thông tin cho Chính phủ điện tử, đô thị thông minh, giao dịch điện tử; ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin trong nước; bảo vệ thông tin cá nhân; phòng chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác; phòng, chống phần mềm độc hại, nâng cao cảnh giác đối với các nguồn phát tán thông tin độc hại, thông tin vi phạm pháp luật; đường lối, cơ chế, chính sách và quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng; cảnh báo các sự cố, các lỗ hổng bảo mật, các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng; các xu hướng an toàn thông tin.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng tại các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, những nơi công cộng, nơi tập trung đông người, đến mọi đối tượng. Thực hiện tuyên truyền giáo dục trên không gian mạng qua các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông xã hội, thông qua các hệ thống thông tin cơ sở. Tuyên truyền bằng nhiều hình thức trực quan sinh động như gameshow, thông qua tờ rơi, panô áp phích v.v. Thông qua hình thức nhắn tin, cảnh báo với sự tham gia của các doanh nghiệp viễn thông, các mạng xã hội, trình duyệt Việt Nam nhằm cảnh báo các nguy cơ mất an toàn thông tin và các biện pháp phòng ngừa.

6.2.4. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

Sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin truyền thông và các phương tiện điện tử đã và đang mang đến sự ảnh hưởng cực kỳ to lớn về mọi mặt đối với mỗi quốc gia, tổ chức, cá nhân trong thời đại công nghệ số hiện nay. Với học sinh, sinh viên, không gian mạng đã cung cấp nguồn tài nguyên khổng lồ có tác động cực kỳ to lớn đối với việc học tập, rèn luyện, nghiên cứu, trao đổi, tìm kiếm việc làm, vui chơi, giải trí, giao tiếp, sáng tạo... Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực thì việc sử dụng không gian mạng, nhất là các mạng xã hội cũng gây ra những tác động không tốt đối với học sinh, sinh viên. Nhiều học sinh, sinh viên ngày càng sa ngã vào việc học tập và hoạt động ngoại khóa, sức khỏe thể chất và tinh thần giảm sút. Các vụ việc vi phạm pháp luật trên không gian mạng

ngày càng tăng cả về số vụ, mức độ và tính chất nghiêm trọng. Nhiều học sinh, sinh viên “nghiện” internet, game, mạng xã hội còn ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tâm lý, tình cảm, hình thành lối sống ảo, tự kỷ. Thậm chí không ít trẻ em đã bị quấy rối trên môi trường mạng. Nhiều trường hợp học sinh, sinh viên vì thiếu văn hóa ứng xử trên không gian mạng dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, bạo lực học đường, xúc phạm, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của người khác. Một số học sinh, sinh viên sa đà vào các trang web đen, tệ nạn mại dâm, đánh bạc thông qua môi trường mạng vv. Một số học sinh, sinh viên đã sử dụng không gian mạng để thực hiện các hành vi đánh cắp các thông tin của cá nhân, tổ chức nhằm mục đích tống tiền, hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác. học sinh, sinh viên còn trở thành đối tượng đề các thế lực thù địch, tội phạm công nghệ lồi kéo, mua chuộc, kích động tập hợp lực lượng, huấn luyện, tuyển dụng nhằm chống phá Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

Không gian mạng có tác động tích cực hay tiêu cực tùy thuộc vào nhận thức và hành động của mỗi người nói chung và học sinh, sinh viên nói riêng. Để góp phần phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng, mỗi học sinh, sinh viên cần thực hiện tốt những nội dung sau. Không ngừng học tập, rèn luyện tu dưỡng về mọi mặt để nâng cao nhận thức, bản lĩnh, lập trường tư tưởng, xây dựng lối sống lành mạnh, tích cực. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân đối với việc xây dựng xã hội thông tin lành mạnh, văn minh, an toàn. Nêu cao cảnh giác, phân biệt và đấu tranh có hiệu quả trước mọi luận điệu xuyên tạc của kẻ thù trong chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ chính trị của nước ta trên không gian mạng. Không để bị lôi kéo, kích động, mua chuộc tham gia vào các hoạt động tiêu cực, vi phạm pháp luật trên không gian mạng. Nghiên cứu, tìm hiểu đầy đủ các văn bản pháp luật quy định về hoạt động trên không gian mạng, không vi phạm pháp luật trên không gian mạng do thiếu hiểu biết. Khai thác, sử dụng có hiệu quả không gian mạng để nâng cao trình độ, rèn luyện, tu dưỡng bản thân, đóng góp tích cực cho sự phát triển mọi mặt của đất nước.

KẾT LUẬN

Bảo đảm an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mọi tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Đây là hoạt động đòi hỏi phải được tiến hành thường xuyên, liên tục của mọi cấp, mọi ngành, mọi lực lượng, nhất là các lực lượng chuyên trách, các cơ quan chức năng. Để thông tin được bảo đảm an toàn, để không gian mạng ngày càng giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra, đòi hỏi trước tiên cần thực hiện tốt các biện pháp tuyên truyền, giáo dục các văn bản quy phạm pháp luật, các kiến thức và kỹ năng cơ bản để nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng và xây dựng tình thần trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn thông tin và phòng chống các hành vi vi phạm trên không gian mạng cho mọi đối tượng. Xây dựng xã hội thông tin tiến bộ, lành mạnh, an toàn, hiện đại. Sử dụng có hiệu quả không gian mạng, tài nguyên trên không gian mạng để xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay.

HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU

1. Những vấn đề chung về an toàn thông tin và không gian mạng ?
2. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, các hành vi bị cấm trên không gian mạng ?
3. Nội dung phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng ?

Chương 7

AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG VÀ CÁC MỐI ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG Ở VIỆT NAM

An ninh phi truyền thông và các mối đe dọa của nó đã xuất hiện khá sớm trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Chỉ khi sự tác động tiêu cực của nó ngày càng to lớn, cấp bách đối với đời sống con người, xã hội, quốc gia, nhân loại thì nó mới được nghiên cứu, nhận thức đầy đủ hơn gần đây. Ở nước ta hiện nay, việc nhận thức và tiến hành các biện pháp ứng phó với các mối đe dọa của an ninh phi truyền thông vẫn còn hạn chế. Do đó, nâng cao nhận thức, đẩy mạnh và thực hiện các biện pháp mang tính đồng bộ, toàn diện để phòng ngừa, ứng phó có hiệu quả các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa của an ninh phi truyền thông là vấn đề mang tính cấp thiết hiện nay.

7.1. Những vấn đề chung về an ninh phi truyền thông

7.1.1. Một số khái niệm cơ bản

7.1.1.1. An ninh truyền thông

An ninh truyền thông là đảm bảo về thể chế chính trị, sự vững mạnh của chính quyền và chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ đất nước trước các nguy cơ tấn công hoặc can thiệp vũ trang, chủ yếu đến từ bên ngoài.

- Mục tiêu của an ninh truyền thông là sự an toàn, ổn định, phát triển bền vững của chế độ chính trị, nhà nước; là độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia được bảo đảm. Mục tiêu cốt lõi của an ninh truyền thông lấy nhà nước làm trung tâm.

- Nội dung chủ yếu của an ninh truyền thông là an ninh trên lĩnh vực chính trị và quân sự.

- Đối tượng của an ninh truyền thông là các tổ chức, cá nhân, quốc gia có âm mưu và hành động chống phá chế độ, nhà nước, can thiệp hoặc tấn công quân sự chủ yếu từ bên ngoài.

7.1.1.2. An ninh phi truyền thông

“An ninh phi truyền thông có thể hiểu là một loại hình an ninh xuyên quốc gia do những yếu tố phi chính trị và phi quân sự gây ra, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định, phát triển và an ninh mỗi nước, khu vực và cả toàn cầu.”¹

- Mục tiêu của an ninh phi truyền thông là sự an toàn, ổn định, phát triển bền vững của con người, các tổ chức, doanh nghiệp, xã hội, quốc gia, toàn cầu. Mục tiêu cốt lõi là lấy an ninh xã hội, con người làm trung tâm.

- Nội dung của an ninh phi truyền thông là an ninh trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, môi trường, thông tin, dân tộc tôn giáo, biến đổi khí hậu, thiên tai...

- Đối tượng của an ninh phi truyền thông là các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa tác động tiêu cực đến mục tiêu của an ninh phi truyền thông có nguồn gốc cả tự nhiên và xã hội.

7.1.2. Đặc điểm, tính chất của các vấn đề an ninh phi truyền thông

7.1.2.1. Đặc điểm của các vấn đề an ninh phi truyền thông

¹ Phùng Hữu Phú, Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Viết Thông, *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 15.

- An ninh phi truyền thống có thể được tạo ra từ tác nhân tự nhiên hoặc xã hội, hoặc kết hợp cả tự nhiên và xã hội

An ninh phi truyền thống có thể được tạo ra từ tác nhân tự nhiên hoặc xã hội, hoặc kết hợp cả tự nhiên và xã hội. Còn an ninh truyền thống được tạo ra từ con người - là xung đột giữa quân đội các nhà nước. Những vấn đề an ninh phi truyền thống được tạo ra từ tác nhân tự nhiên như thảm họa thiên nhiên, cạn kiệt tài nguyên, môi trường, bão lụt, nước biển dâng... Những vấn đề an ninh phi truyền thống được tạo ra từ tác nhân nhân tạo (xã hội) như khủng bố, dịch bệnh, tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia... Chủ thể tạo ra các mối đe dọa an ninh phi truyền thống là những cá nhân, nhóm người, tổ chức, nhưng đó là các chủ thể ngoài nhà nước (tất nhiên ngày nay không loại trừ các nhà nước đứng sau tài trợ không chính thức cho một số hoạt động như an ninh mạng, khủng bố...).

Tuy nhiên, cũng có những vấn đề an ninh phi truyền thống nảy sinh là do tác động cộng hưởng của cả yếu tố tự nhiên và yếu tố xã hội như nước biển dâng là do yếu tố tự nhiên, nhưng do sự xâm phạm và hủy hoại môi trường của con người làm cho sự dâng lên của nước biển càng trở nên nguy hiểm.

- An ninh phi truyền thống có tính bạo lực phi quân sự hoặc phi bạo lực, hoặc kết hợp cả bạo lực phi quân sự và phi bạo lực

An ninh phi truyền thống có tính chất phi bạo lực là cơ bản như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, khủng hoảng tài chính tiền tệ, bệnh dịch.... Nhưng cũng không ít mối đe dọa an ninh phi truyền thống có tính chất bạo lực phi quân sự (còn gọi là bạo lực phi quân đội) như buôn lậu ma túy, tội phạm có tổ chức... Đồng thời, cũng có những mối đe dọa an ninh phi truyền thống có cả tính phi bạo lực và bạo lực phi quân sự như chủ nghĩa khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia...

- An ninh phi truyền thống lan rộng xuyên quốc gia

Vấn đề an ninh phi truyền thống từ khi xuất hiện đến khi giải quyết đều có đặc trưng xuyên quốc gia. Do đó, đây là đặc điểm nổi bật để phân biệt an ninh phi truyền thống với an ninh truyền thống. Mối đe dọa an ninh phi truyền thống xuất hiện, đe dọa an ninh từ một quốc gia, khu vực và lan tỏa với tốc độ nhanh, phạm vi rộng, đe dọa đến an ninh các quốc gia, khu vực khác không phân biệt biên giới quốc gia, chế độ chính trị (chủ nghĩa khủng bố, buôn lậu ma túy, di dân phi pháp, tội phạm công nghệ cao, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh lây lan nhanh ở người, gia súc và cây trồng, cạn kiệt tài nguyên, bùng nổ dân số, xung đột dân tộc, tôn giáo, khủng hoảng kinh tế, tài chính, tiền tệ, phổ biến vũ khí giết người hàng loạt...).

Trong điều kiện toàn cầu hóa ngày càng sâu sắc, tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia tăng lên, thì mức độ lan tỏa, ảnh hưởng của các vấn đề an ninh phi truyền thống càng nhanh và rộng hơn trên toàn thế giới. Đặc điểm này đặt ra những thách thức mới, đòi hỏi có sự hợp tác giữa các nước để ngăn chặn, ứng phó.

- Các vấn đề an ninh phi truyền thống tác động ảnh hưởng, kích thích, chuyển hóa lẫn nhau, khó kiểm soát

Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có đặc điểm là tác động ảnh hưởng, kích thích, chuyển hóa lẫn nhau. Mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở phương diện, lĩnh vực này có thể dẫn đến, hoặc kích thích sự xuất hiện hay bùng phát mối đe dọa an ninh phi truyền thống khác, khiến cho sự ảnh hưởng và mức độ nguy hại của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở cấp độ cao hơn, gay gắt hơn: như nghèo đói, xung đột bộ tộc ở một số khu vực châu Phi liên quan đến vấn đề nạn di dân phi pháp; các hoạt động tội phạm và chủ

nghĩa khủng bố cũng như tin tặc dưới nhiều hình thức cấu kết với nhau; buôn lậu ma túy và rửa tiền phi pháp, kinh tế ngầm; tội phạm có tổ chức và di dân phi pháp; môi trường suy thoái và nạn nhân môi trường đều có liên hệ với nhau.

Do các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có thể do các tác nhân phi quốc gia (ngoài nhà nước) như các cá nhân, tổ chức (hay tập đoàn) tạo ra, cho nên việc kiểm soát, ngăn chặn sự chuyển hóa giữa chúng là rất khó khăn. Mặt khác, các vấn đề an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống có mối liên hệ với nhau về mục tiêu, lợi ích... trong một số trường hợp các vấn đề an ninh phi truyền thống có thể bị kích thích bùng phát trở thành vấn đề an ninh truyền thống, như vấn đề tôn giáo, dân tộc, vấn đề chủ nghĩa khủng bố...

Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống thường là bùng phát đột xuất dưới hình thức khủng hoảng, từ đó tạo thành mối đe dọa nghiêm trọng trực tiếp đối với an ninh quốc gia, như khủng hoảng kinh tế, tiền tệ toàn cầu; bệnh dịch (dịch SARS, dịch Covid-19...), bạo loạn lật đổ (sự kiện Thiên An Môn năm 1989, Tân Cương ở Trung Quốc năm 2009...), khủng bố (sự kiện 11 tháng 9 năm 2001 ở Mỹ)... nên chúng càng trở nên khó kiểm soát, khó giải quyết.

- Các vấn đề của an ninh phi truyền thống trực tiếp uy hiếp, gây hậu quả nghiêm trọng đối với sinh mệnh con người, đời sống xã hội các quốc gia và toàn nhân loại

Tất cả các vấn đề thuộc an ninh phi truyền thống đều trực tiếp đe dọa đến sự tồn tại ổn định, phát triển của cá nhân con người, cộng đồng, rồi đến an ninh quốc gia, an ninh khu vực và an ninh toàn cầu (còn an ninh truyền thống uy hiếp trực tiếp đến chế độ chính trị, chủ quyền lãnh thổ quốc gia - dân tộc, uy hiếp an ninh quốc gia); chỉ có phương thức, thời gian, mức độ và hậu quả là khác nhau mà thôi.

Tính chất nguy hiểm các mối đe dọa an ninh quốc gia không chỉ biểu hiện ở mức độ hủy hoại, sự tàn phá của nó đối với cuộc sống của con người, mà còn đặt ra nhiều thách thức đối với sự ổn định xã hội, sự tồn vong của cả cộng đồng, hiệu quả thực tế của hợp tác và hội nhập toàn cầu; thậm chí còn làm nảy sinh các vấn đề về an ninh quân sự.

- Giải quyết an ninh quốc gia vừa mang tính chủ quyền và mang tính hợp tác

Quốc gia có chủ quyền, có quyền quyết định tự chủ trong việc giải quyết các vấn đề an ninh quốc gia. Vì vậy, bất kỳ một thách thức an ninh quốc gia nào đó xuất hiện ở một quốc gia có chủ quyền, khi giải quyết phải tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia đó, phải được tiến hành trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia tăng lên. Theo đó, các mối đe dọa an ninh quốc gia có mức độ lây lan nhanh hơn, sức ảnh hưởng lớn hơn, tầm ảnh hưởng rộng hơn đối với các quốc gia, khu vực và quốc tế. Mặt khác, an ninh phi truyền thống bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau liên quan đến an ninh quốc gia, khó đối phó và giải quyết đơn phương bằng biện pháp quân sự và phi quân sự. Do vậy, để ứng phó, giải quyết các vấn đề an ninh quốc gia đòi hỏi cần có sự quan tâm, hợp tác, nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế và trách nhiệm của từng quốc gia.

An ninh phi truyền thống có thể nảy sinh từ các yếu tố tự nhiên như thảm họa thiên nhiên, cũng có thể nảy sinh từ các yếu tố xã hội như khủng bố, tội phạm... Tuy nhiên, xét về nguồn gốc sâu xa thì phần lớn là do con người gây ra. Có những vấn đề an ninh phi truyền thống được hình thành trong quá trình tích lũy các yếu tố tiềm tàng, như vấn đề môi trường sinh thái, tôn giáo, dân tộc; có những vấn đề bùng phát và lan rộng như: bệnh dịch,

khủng hoảng tài chính, tiền tệ, chủ nghĩa khủng bố, buôn lậu, ma túy...

7.1.2.2. Tính chất của các vấn đề an ninh phi truyền thống

Các vấn đề của an ninh phi truyền thống gây tác động, ảnh hưởng tiêu cực đối với sự an toàn, ổn định và phát triển bền vững của các quốc gia và toàn cầu. Đánh giá về hậu quả và sự tác động, ảnh hưởng của nó, an ninh phi truyền thống có các tính chất chủ yếu sau.

Tính toàn cầu. Nếu như các vấn đề an ninh truyền thống được nhìn nhận dưới góc độ cấp quốc gia hoặc nhóm các quốc gia thì các vấn đề an ninh phi truyền thống lại được nhìn nhận không chỉ ở riêng một hay một nhóm các quốc gia mà nó liên quan tới lợi ích của toàn cầu. Đầu tiên, có thể thấy các vấn đề thuộc về an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, khủng hoảng tài chính, chủ nghĩa khủng bố... đều là những vấn đề có tầm ảnh hưởng rộng, tất cả các quốc gia trên thế giới đều phải đối mặt và không có quốc gia nào được loại trừ. Thứ hai, các vấn đề an ninh phi truyền thống có tính khuếch tán rộng, ví dụ như khủng hoảng tài chính năm 2007 mới đầu diễn ra tại Mỹ với sự sụp đổ của hàng loạt hệ thống ngân hàng, tuy nhiên sau đó đã lan ra toàn thế giới và hậu quả của nó rất khó để kiểm soát. Thứ ba, những nhân tố, yếu tố, chủ thể của an ninh phi truyền thống như tổ chức khủng bố, an ninh mạng... nằm rải khắp và có mạng lưới trên toàn thế giới.

Tính đa dạng. Cùng với sự phát triển và toàn cầu hóa, các vấn đề an ninh phi truyền thống xuất hiện ngày càng nhiều. Dưới góc độ khác nhau, các vấn đề an ninh phi truyền thống được phân loại khác nhau. Dưới góc độ an ninh phi truyền thống có các mối đe dọa như: buôn lậu, ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, cướp biển, khủng bố, buôn lậu vũ khí, rửa tiền, tội phạm, kinh tế quốc tế và tội phạm công nghệ cao. Từ góc độ an ninh quốc gia, có thể chia an ninh phi truyền thống thành các nhóm vấn đề sau: an ninh chính trị, an ninh quân sự, an ninh xã hội, an ninh kinh tế, an ninh tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh sinh thái. Từ tính chất đe dọa và đối tượng bị đe dọa, an ninh phi truyền thống được chia thành 5 loại chính gồm: vấn đề an ninh liên quan đến sự phát triển bền vững; mối đe dọa, uy hiếp đến từ sự ổn định an ninh khu vực và quốc tế; tổ chức tội phạm xuyên quốc gia; tổ chức tồn tại ngoài nhà nước thách thức trật tự an ninh quốc tế; vấn đề an ninh gây ra bởi sự phát triển công nghệ và toàn cầu hóa.

Tính bộc phát. Các mối đe dọa đến từ an ninh truyền thống chủ yếu thông qua các mâu thuẫn lợi ích dẫn tới chiến tranh vũ trang. Những mối đe dọa này hoàn toàn có thể được kiểm soát và hạn chế mức độ nghiêm trọng với sự chủ động từ cả hai phía. Thời gian và cách thức diễn ra của các mối đe dọa đến từ an ninh truyền thống cũng có diễn biến tuần tự và thường không diễn ra một cách chớp nhoáng. Tuy nhiên các mối đe dọa đến từ an ninh phi truyền thống lại bùng nổ nhanh chóng, diễn ra đột ngột, khó kiểm soát, thiếu dấu hiệu rõ ràng. Ví dụ như các vụ khủng bố diễn ra trên toàn cầu đều xảy ra và không hề được phòng bị. Hoặc như đại dịch AIDS những năm 1980, bệnh bò điên, lở mồm long móng hay gần đây là bệnh SARS, Covid - 19 đều diễn biến rất nhanh và khi được nhận thức thì nó đã gây hậu quả nghiêm trọng.

Tính chuyển hóa. Các mối đe dọa an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống được đan xen, tương tác và có thể biến đổi lẫn nhau trong những điều kiện nhất định. Thứ nhất, nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống là hậu quả trực tiếp của các vấn đề an ninh truyền thống. Chẳng hạn như vấn đề người tị nạn do chiến tranh, thiệt hại về môi trường và các vấn đề ô nhiễm. Thứ hai, một số vấn đề an ninh truyền thống có thể phát triển thành các vấn đề an ninh phi truyền thống. Ví dụ, sự hình thành của chủ nghĩa khủng bố liên quan chặt chẽ đến các vấn đề an ninh truyền thống như tâm lý đấu tranh gây ra bởi chủ nghĩa bá

quyền, xung đột và bởi các vấn đề lãnh thổ và chủ quyền, và những vấn đề lịch sử hình thành bởi mâu thuẫn dân tộc và tôn giáo. Thứ ba, một số vấn đề an ninh phi truyền thống cũng có thể gây ra mâu thuẫn và xung đột trong an ninh truyền thống. Nếu các tổ chức khủng bố tìm kiếm các phương tiện công nghệ cao như hạt nhân và hóa sinh, nó sẽ liên quan đến sự gia tăng vũ khí hủy diệt hàng loạt.

7.1.3. *Mối quan hệ giữa an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống*

An ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống là hai mặt của khái niệm an ninh toàn diện. An ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống có các mối quan hệ cơ bản sau.

7.1.3.1. *An ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống có tác động, chuyển hóa lẫn nhau*

An ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống có mối quan hệ tương quan lẫn nhau, bổ sung cho nhau, không loại trừ nhau. Trong điều kiện nhất định an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống có thể chuyển hóa lẫn nhau. Một số vấn đề vốn thuộc về lĩnh vực an ninh phi truyền thống có thể diễn biến thành vấn đề an ninh truyền thống, như vấn đề dân tộc tôn giáo, khủng hoảng kinh tế, bạo loạn trong nội bộ một nước có thể vượt qua biên giới, ảnh hưởng đến các quốc gia lân cận.

Vấn đề an ninh phi truyền thống nếu mất khống chế và bị kích thích sẽ gây xung đột giữa các quốc gia và có thể sử dụng sức mạnh quân sự của an ninh truyền thống để giải quyết. Do đó, vấn đề “an ninh phi truyền thống” được đưa vào trong hệ thống đánh giá sự uy hiếp của an ninh quốc gia. Chiến lược an ninh của mỗi quốc gia đều cần phải đồng thời ứng phó với uy hiếp và thách thức mà an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống cấu thành.

7.1.3.2. *Khác biệt giữa an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống*

Phạm vi quan tâm của an ninh truyền thống thường lấy đơn vị là quốc gia, dân tộc làm trung tâm. Phạm vi quan tâm của an ninh phi truyền thống bao gồm từ con người, quốc gia và cả nhân loại. Nội dung quan tâm của an ninh truyền thống tập trung chủ yếu ở lĩnh vực quân sự, chính trị, nhưng an ninh phi truyền thống lại quan tâm ở nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, môi trường sinh tồn của con người và toàn cầu với nhiều mức độ liên quan khác nhau. Mỗi đe dọa của an ninh truyền thống chủ yếu đến từ bên ngoài biên giới quốc gia, nhưng các mối đe dọa an ninh phi truyền thống lại đến từ cả bên trong và bên ngoài quốc gia. Biện pháp ứng phó với hai vấn đề trên cũng có điểm khác nhau. Ứng phó với an ninh truyền thống nhấn mạnh biện pháp chính trị, quân sự, ngoại giao. Ứng phó với vấn đề an ninh phi truyền thống sử dụng tổng hợp các biện pháp của nhiều tổ chức, nhiều quốc gia trên thế giới và không ít vấn đề phải thông qua Liên hợp quốc.

7.2. *Ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay*

7.2.1. *Những mối đe dọa chủ yếu của an ninh phi truyền thống*

Mối đe dọa an của an ninh phi truyền thống là các vấn đề phi chính trị và quân sự, có nguồn gốc từ tự nhiên và nhân tạo, đe dọa, tác động tiêu cực, ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến sự an toàn, ổn định, phát triển bền vững của cá nhân con người, các tổ chức, doanh nghiệp, xã hội, quốc gia và nhân loại. Ở các góc độ, lĩnh vực khác nhau, có các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống khác nhau. Tuy nhiên, có thể sắp xếp thành các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống chủ yếu sau.

7.2.1.1. *Tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia*

Tội phạm buôn bán người. Theo pháp luật của Việt nam và quốc tế, tội phạm buôn bán người là hành vi mua bán, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp và nhận người nhằm

mục đích bóc lột bằng cách sử dụng vũ lực, đe dọa sử dụng vũ lực hay bằng các hình thức ép buộc, bắt cóc, gian lận, lừa gạt, lạm dụng quyền lực, vị thế dễ bị tổn thương hay bằng việc đưa, nhận tiền, lợi nhuận để đạt được sự đồng ý của một người đang kiểm soát những người khác. Hành vi bóc lột bao gồm: bóc lột mại dâm người khác hay những hình thức bóc lột tình dục khác, các hình thức lao động hay phục vụ cưỡng bức, nô lệ hay những hình thức tương tự nô lệ, khổ sai hoặc lấy các bộ phận cơ thể. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng buôn bán người ngày càng gia tăng là do chiến tranh, xung đột, nghèo đói, bệnh tật, áp bức, bóc lột, bất công, dân trí thấp... thực thi pháp luật không nghiêm minh.

Tội phạm công nghệ cao. Là hành vi phạm pháp có chủ đích đối với một cá nhân, một nhóm người hay một tổ chức nào đó, gây ảnh hưởng xấu đến danh tiếng của nạn nhân hoặc gây hại về mặt vật chất hoặc tinh thần cho nạn nhân một cách trực tiếp hoặc gián tiếp bằng những công nghệ hiện đại liên quan đến mạng viễn thông như Internet và điện thoại thông minh. Tội phạm công nghệ cao là những mối đe dọa tới an ninh và nền kinh tế của quốc gia bao gồm các hoạt động bất hợp pháp như: chiếm dụng và sử dụng trái phép tài nguyên máy tính (hacking), vi phạm bản quyền, các chương trình giám sát bất hợp pháp, tống tiền và ấu dâm, phá hoại các hệ thống máy tính bằng cách phát tán các mã độc, ăn cắp các thông tin về thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng của nạn nhân, lấy cắp các thông tin tình báo, bí mật quốc gia, mua bán trái phép vũ khí, ma túy, nô lệ tình dục v.v.

Tội phạm ma túy. Bước sang thế kỷ mới, tội phạm ma túy đã có xu thế tăng lên trong phạm vi toàn cầu. Nhìn về lâu dài, ma túy hủy diệt cả một thế hệ, thậm chí hủy diệt cả một quốc gia, tính nguy hại của nó không chỉ ở lĩnh vực kinh tế, mà còn nguy hại đến an ninh xã hội, sinh mạng của nhân dân và sự ổn định chính trị; không những làm mất đi sinh mạng của hàng vạn, hàng nghìn con người, mà còn làm gia tăng các loại tội phạm khác, thậm chí trở thành nguồn gốc quan trọng của khủng bố quốc tế, trở thành mối đe dọa mới trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống, sự thách thức nghiêm trọng đối với toàn nhân loại.

Tội phạm rửa tiền. Rửa tiền là đưa tiền thu nhập được từ hoạt động phi pháp trở lại hệ thống kinh tế và tài chính, tiền tệ để che giấu nguồn gốc của nó và qua đó thu lợi nhuận. Ví dụ: Sau khi đã “rửa tiền” thu được từ ma túy, các phần tử tội phạm lại dùng số tiền này tăng cường trang bị các phương tiện thông tin và các loại vũ khí hiện đại, phát triển hoạt động buôn bán các loại ma túy với quy mô lớn hơn. Hoạt động rửa tiền không những đe dọa đến an ninh tài chính, tiền tệ, kinh tế của một nước mà còn ngày càng chuyển biến thành thủ đoạn huy động vốn của các phần tử khủng bố, cấu thành mối nguy hại chung to lớn đối với quốc tế. Phương thức rửa tiền biến đổi khôn lường, thủ đoạn phức tạp, có rất nhiều biến hóa. Châu Á hiện đang trở thành địa chỉ rửa tiền chủ yếu trên toàn cầu. Hiện nay, vẫn chưa có một biện pháp “đặc trị” nào đối với loại tội phạm này, và đang cần sự chung tay của nhiều quốc gia trên thế giới.

7.2.1.2. An ninh năng lượng, môi trường, lương thực và dịch bệnh

An ninh năng lượng: An ninh năng lượng chiếm địa vị quan trọng trong hệ thống an ninh quốc gia. Đó là sự thống nhất hữu cơ của an ninh cung ứng năng lượng và an ninh sử dụng năng lượng. Những vấn đề đặt ra đối với an ninh năng lượng hiện nay bao gồm: sự cạn kiệt của các nguồn năng lượng truyền thống; sự gia tăng mức tiêu thụ năng lượng của các quốc gia trong khu vực; tình hình bất ổn ở các quốc gia Trung Đông; vấn đề an toàn vận chuyển năng lượng trên biển, trên bộ.

An ninh môi trường: An ninh môi trường là trạng thái mà một hệ thống môi trường có khả năng đảm bảo điều kiện sống an toàn cho con người trong hệ thống đó. Một hệ

thông môi trường bị mất an ninh có thể do các nguyên nhân tự nhiên (thiên tai) hoặc do các hoạt động của con người (khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, thải chất độc phá vỡ tầng ôzôn và gây ô nhiễm không khí, nước, đất, suy thoái môi trường sống của con người và các loài động vật, sinh vật khác, suy giảm đa dạng sinh học...) hoặc phối hợp tác động của cả hai nguyên nhân trên (biến đổi khí hậu). Sự biến đổi khí hậu toàn cầu đã và đang có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của con người, sự phát triển bền vững kinh tế nhiều quốc gia trên thế giới mà Việt Nam là một trong bảy nước có ảnh hưởng nhiều nhất.

An ninh lương thực: An ninh lương thực được hiểu là sự đảm bảo của mỗi quốc gia về nguồn cung cấp lương thực cho người dân để hạn chế và đẩy lùi tình trạng thiếu lương thực, nạn đói và tình trạng phụ thuộc vào nguồn lương thực nhập khẩu. Do biến đổi khí hậu toàn cầu, do chiến tranh, bệnh dịch... và nhiều lý do khác, dẫn đến hàng triệu người mỗi năm trên trái đất vẫn bị chết đói do thiếu lương thực.

Dịch bệnh: Trong lịch sử, dịch bệnh luôn là mối lo của nhân loại. Trước mắt, bệnh ung thư và cá bệnh truyền nhiễm uy hiếp lớn nhất đến toàn thể nhân loại bệnh là AIDS, Covid-19. Bệnh ung thư, AIDS, Covid-19 đã trực tiếp cấu thành nguy cơ an ninh phi truyền thống và gián tiếp cấu thành nguy cơ an ninh truyền thống. Ngoài ra còn có các dịch bệnh khác như: dịch cúm, sốt rét, lao, SARS (2003), Ebola (2014), dịch tả lợn châu Phi, ...

7.2.1.3. An ninh tôn giáo, dân tộc

Trong những năm gần đây, hoạt động của các tôn giáo khá sôi động, diễn ra theo nhiều xu hướng. Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp biên giới, lãnh thổ, biển, đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Vấn đề tôn giáo, dân tộc trên thế giới nói chung và ở từng quốc gia là hết sức phức tạp đã gây nên những hậu quả nặng nề về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường cho các quốc gia, đe dọa hòa bình, an ninh khu vực và thế giới. Đáng chú ý là các thế lực thù địch luôn lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc làm “ngòi nổ” cho những cuộc “xung đột lợi ích” để phục vụ cho mưu đồ chính trị của họ. Trong những năm gần đây, xu hướng đa thần giáo phát triển, đồng thời, nhiều “hiện tượng tôn giáo lạ” ra đời, trong đó có không ít tổ chức tôn giáo là một trong những tác nhân gây xung đột tôn giáo, xung đột dân tộc gay gắt trên thế giới hiện nay. Các thế lực phản động tiếp tục lợi dụng tôn giáo để chống phá, can thiệp vào các quốc gia độc lập dân tộc, trong đó Việt Nam là một trọng điểm.

7.2.1.4. An ninh kinh tế, tài chính, tiền tệ

An ninh kinh tế: An ninh kinh tế là cơ sở của an ninh quốc gia, có tác dụng chủ đạo và quyết định trong an ninh quốc gia. Lợi ích kinh tế là lợi ích căn bản mà quốc gia, dân tộc dựa vào để sinh tồn, phát triển và hưng thịnh. Trong lịch sử nhân loại các cuộc khủng hoảng kinh tế đã gây ra mối đe dọa sống còn với các quốc gia. Do sự mở rộng của tiến trình toàn cầu hóa, các nền kinh tế trên thế giới ngày càng tùy thuộc vào nhau, nếu khủng hoảng kinh tế xảy ra sẽ không dừng lại ở một quốc gia, mà nhanh chóng lan rộng tạo nên suy thoái kinh tế toàn cầu. Cho nên đảm bảo an ninh kinh tế trở thành mục tiêu chung của nhân loại.

An ninh tài chính, tiền tệ: An ninh tài chính, tiền tệ là trạng thái hệ thống tài chính có thể thực hiện được các chức năng của mình một cách có hiệu quả, an toàn và bền vững; khi đối diện với những cú sốc thì vẫn có khả năng hấp thụ, phản ứng và phục hồi để có thể thực hiện chức năng của mình mà không bị gián đoạn. Với đặc điểm hệ thống tài chính, Việt Nam

phụ thuộc lớn vào lĩnh vực ngân hàng, trong khi công nghệ tài chính chủ yếu được phát triển tại các ngân hàng hàng đầu, sự phát triển ổn định, an toàn và lành mạnh của các tổ chức tín dụng sẽ tác động mạnh mẽ đến sự ổn định của cả hệ thống tài chính.

7.2.1.5. Chủ nghĩa khủng bố

Tội phạm khủng bố trong vài thập niên gần đây đã trở thành vấn đề quốc tế, đe dọa nghiêm trọng hòa bình, ổn định và phát triển của cả thế giới. Đây là nguy cơ đe dọa an ninh phi truyền thống, có khả năng lan truyền rộng rãi, được hình thành bởi rất nhiều nguyên nhân: Từ chủ nghĩa cực đoan tôn giáo, cực đoan về dân tộc, sắc tộc, đến đói nghèo, bệnh tật, bất bình đẳng, phân hóa, xung đột xã hội hay tranh giành quyền lực, tranh giành địa - chính trị và các nguồn tài nguyên. Khủng bố còn có thể là hệ quả của quá trình thực thi chính sách quản lý xã hội thiếu sáng suốt, gây chia rẽ các nhóm xã hội ở các quốc gia và cũng có thể bắt nguồn từ chiến tranh, can thiệp của một hoặc một số nước vào một quốc gia, khu vực nào đó... Bất kể nguyên nhân nào, khủng bố đã và đang gây ra những hậu quả vô cùng nặng nề về chính trị, kinh tế, văn hóa, tính mạng, nhân phẩm con người. Trong rất nhiều nguy cơ an ninh phi truyền thống, khủng bố hiện nằm trong những mối đe dọa hàng đầu đối với sự an toàn của loài người. Lực lượng khủng bố đã vận dụng linh hoạt về chiến thuật “những con sói đơn độc”, sử dụng các loại phương tiện như: bom, súng, dao, xe tải... để tạo ra bất ngờ khi tiến công dân thường hoặc lực lượng chức năng. Điển hình như các vụ khủng bố năm 2017 tại Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Las Vegas (Mỹ) làm hàng chục người thiệt mạng, hàng trăm người bị thương. Chủ nghĩa khủng bố đang lan rộng về quy mô, biến tướng thành nhiều hình thức, phức tạp và ngày càng khó kiểm soát.

7.2.2. Tác động của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đối với Việt Nam hiện nay

Các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống có tác động tiêu cực đến mọi mặt của con người, xã hội và đất nước ta. Hiện nay, các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống tác động đến nước ta trên một số lĩnh vực chủ yếu sau.

7.2.2.1. Tác động đến an ninh quốc gia

Nước ta đang trong tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và toàn diện... sự tùy thuộc, lệ thuộc giữa nước ta với quốc tế sẽ tăng lên. Đặc biệt, trong điều kiện khi biên giới “cứng” của nước ta (trên đất liền, trên không, trên biển, trong lòng đất, trên không gian mạng) có thể bị phá vỡ và vô hiệu hóa trước các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; và biên giới “mềm” của nước ta (hệ thống pháp luật, ý thức tự bảo vệ của mỗi người dân, địa phương, tổ chức kinh tế - xã hội...) chưa tạo thành hàng rào an ninh hiệu quả, trong ngăn chặn các mối đe dọa an ninh phi truyền thống thì những tác động, uy hiếp của các vấn đề an ninh phi truyền thống trên thế giới đối với an ninh quốc gia của nước ta sẽ ngày càng trực tiếp, gay gắt và toàn diện. Mặt khác, hiện nay các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng những vấn đề an ninh phi truyền thống để chống phá, can thiệp công việc nội bộ, phá hoại an ninh quốc gia của nước ta làm cho các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ngày càng trực tiếp, gay gắt và toàn diện.

- *Các thách thức an ninh phi truyền thống đe dọa đến sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước*

Mục tiêu của an ninh quốc gia là phải giữ được môi trường hòa bình, an toàn, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước. Tất cả các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đều có tác động tiêu cực, đe dọa trực tiếp hoặc gián tiếp đến an ninh quốc gia. Có mối đe dọa an ninh phi truyền thống không thách thức trực tiếp đến vấn đề chế độ chính trị và chủ quyền lãnh thổ như các mối đe dọa an ninh truyền thống, nhưng nó h y hoại dần dần các

yếu tố tạo nền tảng, mang tính hạt nhân, bệ đỡ cho sự ổn định và phát triển của đất nước, đó là môi trường sinh tồn và phát triển của cá nhân con người, cộng đồng xã hội; từ đó mà tác động, ảnh hưởng, uy hiếp dần dần, lâu dài đến an ninh quốc gia (nước biển dâng; ô nhiễm môi trường sông, suy dinh dưỡng, chất lượng nguồn nhân lực; cạn kiệt tài nguyên, nguồn nước).

Có những mối đe dọa an ninh phi truyền thống đe dọa trực tiếp đến an ninh quốc gia như tội phạm công nghệ cao, xâm nhập mặn; bão lũ, hạn hán... Đặc biệt là các mối đe dọa an ninh phi truyền thống thường nảy sinh, bùng phát đột xuất dưới hình thức khủng hoảng, từ đó tạo thành mối đe dọa trực tiếp, nghiêm trọng đối với an ninh quốc gia, khó kiểm soát, khó giải quyết, như khủng hoảng kinh tế, khủng bố, dịch bệnh... thiên tai.

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống tác động đến an ninh quốc gia ngày càng tăng về cường độ, tính chất nghiêm trọng và sự tổn thất

Những mối đe dọa an ninh phi truyền thống đang có sự tác động mạnh mẽ, nghiêm trọng đối với an ninh quốc gia nước ta hiện nay được xếp theo thứ tự, đó là: vấn đề tội phạm công nghệ cao và an ninh và an toàn thông tin và an toàn mạng; vấn đề biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh; vấn đề an ninh năng lượng, lương thực, nguồn nước; vấn đề an ninh kinh tế, tài chính, tiền tệ; vấn đề an ninh dân tộc, tôn giáo, văn hóa; vấn đề tội phạm, tệ nạn xã hội, khủng bố... Những tổn thất cho an ninh quốc gia là rất lớn, khó có thể đo đếm bằng những con số cụ thể. Ví dụ: Tin tặc đã khai thác triệt để mạng Internet để tiến công vào hệ thống máy tính của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, để lấy cắp thông tin, dữ liệu, bí mật của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và quốc gia; thậm chí là tấn công đánh sập hệ thống máy tính của chính phủ, của ngân hàng, mạng máy tính của quốc phòng, an ninh, quân đội, công an, dịch vụ hàng không... sẽ gây ra tổn thất vô cùng lớn cả về an ninh và kinh tế, tài chính. Những tổn thất do tội phạm công nghệ cao gây ra cho nền kinh tế và nhiều lĩnh vực khác của đất nước là rất lớn. Từ thực tiễn đó, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ: “Sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng”¹.

7.2.2.2. Tác động đến thể chế chính trị

- Lợi dụng hợp tác ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống để can thiệp vào công việc nội bộ Việt Nam

Vấn đề giữ vững tính độc lập, tự chủ về thể chế chính trị và con đường phát triển là ưu tiên số một trong toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Bởi vì, giữ vững, kiên định thể chế chính trị và con đường phát triển là vấn đề cốt lõi trong bảo vệ độc lập dân tộc của các quốc gia mà Việt Nam không ngoại lệ. Không thể có độc lập dân tộc thực sự, nếu quốc gia không giữ vững được thể chế chính trị đất nước và con đường phát triển của dân tộc mình.

Tuy nhiên, do tính chất xuyên quốc gia của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, nên để ứng phó với nó, đòi hỏi các quốc gia dân tộc buộc phải có sự “điều chỉnh” về thể chế chính trị như xem xét lại con đường, mô hình, mà trước hết là về hệ thống pháp luật và chính sách phát triển cho phù hợp “luật chơi” chung, mà thực chất đó là mô hình, khuôn khổ của các nước phương Tây. Nếu không có những giải pháp điều chỉnh phù hợp, thì quốc gia đó có thể bị cô lập từ bên ngoài và chống phá bí mật từ bên trong bằng các hoạt động gây sức ép, như tiến hành phá hoại an ninh quốc gia, biểu tình, đình công gây biến động

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 148.

về kinh tế, chính trị, rối loạn về trật tự, an toàn xã hội, bạo loạn lật đổ... để gây sức ép đối với chính phủ, thậm chí sử dụng đến hoạt động khủng bố để uy hiếp tâm lý, buộc quan chức và người dân phải từ bỏ sự ủng hộ đối với chính phủ; buộc chính phủ phải chấp nhận một trong hai điều kiện hoặc là điều chỉnh hoặc là sụp đổ.

Đối với nước ta, thực tế cho thấy, trong đàm phán các hiệp định kinh tế song phương và đa phương, các tổ chức, các nước lớn đều lấy lợi ích kinh tế để gây sức ép đối với chúng ta về chính trị. Đặc biệt, trong những chương trình, dự án hỗ trợ, viện trợ, tài trợ, cho vay của các nước lớn đối với Chính phủ nước ta, thì chính sách của họ thường gắn lợi ích kinh tế sẽ được hưởng với những điều kiện về chính trị, pháp luật, chủ quyền, thể chế kinh tế...

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống trực tiếp uy hiếp đến sự ổn định, vững mạnh của thể chế chính trị và chính quyền hiện hành

Khủng hoảng tài chính tiền tệ không chỉ trực tiếp gây ra những hậu quả về kinh tế (như ngân hàng sụp đổ, doanh nghiệp phá sản, công nhân thất nghiệp, thâm hụt tài chính, dự trữ ngoại hối, GDP giảm sút...) mà còn tác động to lớn đến chính trị - an ninh của các quốc gia. Thực tiễn cho thấy, khủng hoảng tài chính tiền tệ có thể làm cho uy tín của đảng cầm quyền giảm sút nhanh chóng, thậm chí mất quyền lãnh đạo đất nước; làm cho hiệu lực, hiệu quả của các chính phủ suy giảm nghiêm trọng, thậm chí là không còn kiểm soát, điều hành được đất nước... dẫn đến khủng hoảng toàn diện về kinh tế, biến động về chính trị, rối loạn về an ninh quốc gia, mâu thuẫn, xung đột xã hội gia tăng, trật tự, an toàn xã hội rối ren... ngày càng nghiêm trọng hơn và sự cộng hưởng phức tạp đó dẫn đến sự sụp đổ toàn diện về mọi mặt của một quốc gia.

Hiện nay, các thảm họa thiên tai, động đất, sóng thần, bão lụt, dịch bệnh, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao, những vấn đề tài chính, năng lượng, lương thực... đang thử thách nghiêm ngặt năng lực điều hành của các chính phủ, sự ổn định xã hội, sự vững chắc của các thể chế chính trị, kể cả đối với những nước giàu mạnh nhất, khiến cho không một thể chế chính trị nào có thể yên ổn phát triển.

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống tạo ra môi trường thuận lợi cho các thế lực thù địch tiến hành hoạt động chống phá, nhất là thông qua chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, sự tác động của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đến thể chế chính trị nước ta ngày càng trở nên quyết liệt, bởi các thế lực thù địch lợi dụng triệt để vấn đề này để tiến hành chiến lược “diễn biến hòa bình” chống phá. Thực tiễn cho thấy, hệ quả của các hoạt động chống phá đó là trong xã hội ta, ở nơi này, nơi khác, trong một số người đã xuất hiện những khuynh hướng như: Lo ngại mất độc lập, tự chủ về chính trị mà không dám tích cực hội nhập quốc tế; hoặc yêu cầu phải đẩy nhanh hơn nữa quá trình hội nhập quốc tế, mà không quan tâm đầy đủ đến độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia; thậm chí còn có quan điểm đòi đẩy mạnh cải cách chính trị theo hướng thực hiện “đa đảng đối lập”... với những luận điệu cho rằng, trong thời cuộc hiện nay mà nhấn mạnh đến độc lập, tự chủ là “lạc hậu”, là tự tách mình ra khỏi thế giới, sẽ bị cô lập và mất đi “cơ hội” phát triển... thực trạng đó đang trở thành nguy cơ tiềm ẩn đe dọa thể chế chính trị và độc lập dân tộc.

Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống còn đặt ra những thách thức lớn trong việc giữ vững độc lập, tự chủ trên các lĩnh vực khác của đời sống xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và toàn diện.

7.2.2.3. Tác động đến kinh tế

An ninh quốc gia nói chung, an ninh phi truyền thống nói riêng và thực lực kinh tế của đất nước là hai vấn đề không thể tách rời nhau. Hiện nay, những mối đe dọa an ninh phi truyền thống tác động đến kinh tế được xem xét trên các góc độ cơ bản sau.

- Tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế bị uy hiếp

Để phát triển đất nước, chúng ta phải đẩy mạnh công cuộc mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế. Khi sự hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, sự phụ thuộc của nền kinh tế của đất nước ta vào nền kinh tế thế giới ngày càng tăng. Do đó, dẫn đến tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế ngày càng bị uy hiếp. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2008 bắt đầu từ nước Mỹ, nhanh chóng lan rộng ra nhiều nước, kéo cả nền kinh tế thế giới rơi vào tình trạng suy thoái, là một ví dụ về sự tác động của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đến tính độc lập và khả năng ứng phó của các nền kinh tế dân tộc. Đồng thời, nước ta ngày càng tham gia nhiều hơn vào các tổ chức, hiệp định thương mại, phải tuân thủ những luật lệ chung, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh nhất định về đường lối, thể chế, chính sách kinh tế.

- Lợi ích kinh tế bị thiệt hại nghiêm trọng

Những hệ lụy của biến đổi khí hậu (nước biển dâng, xâm nhập mặn, bão lũ, khô hạn, nhiệt độ tăng, thiếu nguồn nước ngọt...) đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến năng suất sản xuất và chất lượng sản phẩm; đồng thời, gây thiệt hại lớn đối với tính mạng, tài sản và đời sống kinh tế của nhân dân. Theo số liệu tổng hợp của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), thiệt hại do bão lũ trong 5 năm 2011 - 2017 đã làm hơn 4000 người chết và mất tích; thiệt hại về kinh tế ước tính gần 200.000 tỉ Việt Nam đồng. Đồng thời, trong tiến trình hội nhập quốc tế, nước ta chưa có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh chống loại tội phạm “rửa tiền” và những thủ đoạn trục lợi kinh tế như “chuyển giá”, “lỗ giá, lãi thật” của các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, họ đã “tròn thuế”, làm tổn thất đến nền kinh tế đất nước. Hiện nay, tình hình tội phạm kinh tế, tham nhũng lãng phí, nhất là trên lĩnh vực tài chính, tiền tệ (tiền giả, tiền ảo, bitcoin) xảy ra rất phức tạp với nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản của nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và đời sống của người dân.

- Các thế lực thù địch đẩy mạnh các hoạt động “diễn biến hòa bình” để chống phá nước ta trên lĩnh vực kinh tế

Hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác phát triển kinh tế với các nước là con đường, điều kiện thuận lợi để các thế lực thù địch đẩy mạnh, tăng cường chống phá ta về kinh tế thông qua chiến lược “diễn biến hòa bình”. Chúng triệt để khai thác, lợi dụng các chủ trương cổ phần hoá, mở thị trường chứng khoán để hỗ trợ, tác động, thúc đẩy kinh tế tư bản tư nhân phát triển, từng bước làm suy yếu, vô hiệu hoá, mất dần vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, đưa nền kinh tế phát triển lệch định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, liên doanh, liên kết kinh để chiếm lĩnh, khống chế, lũng đoạn các ngành kinh tế, mũi nhọn, làm biến đổi dần cơ sở kinh tế - xã hội; chiếm lĩnh các địa bàn chiến lược, nhạy cảm về quốc phòng, an ninh, phá vỡ thế trận phòng thủ của ta. Thông qua các khoản viện trợ kinh tế, cho vay ưu đãi, hiệp định thương mại và các quan hệ kinh tế khác để tăng cường gây sức ép về chính trị, can thiệp nội bộ, từng bước thực hiện ý đồ chuyển hoá chế độ chính trị với tư tưởng chỉ đạo: “Đầu vào đô la, đầu ra chính trị”.

7.2.2.4. Ảnh hưởng đến môi trường

Vấn đề môi trường, cạn kiệt nguồn tài nguyên, khan hiếm nguồn nước sạch, vấn đề

biến đổi khí hậu, nước biển dâng... đôi khi lại đe dọa nhiều hơn đối với cuộc sống của người dân ở những quốc gia không phải là “thủ phạm” gây ra những biến đổi, cạn kiệt đó. Loài người làm khánh kiệt tài nguyên, đã tự mình gây ra hậu quả nặng nề với môi trường sống của chính mình. Khí hậu đã bị thay đổi, sự sống trên trái đất sẽ không bao giờ trở lại trạng thái cân bằng tự nhiên như trước đây. Sự khai thác thiếu kiểm soát, tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái, “hiệu ứng nhà kính”, khí hậu nóng lên, tầng ôzôn bị phá hoại, tính đa dạng sinh học giảm, đất hoang mạc hóa, tình trạng nước biển dâng, bão, lụt, sóng thần... chính là sự trừng phạt của tự nhiên đối với con người, đối với những hành động ứng xử thiếu văn hóa và thiếu nhân tính của con người đối với tự nhiên. Thực tế năm 2016, 2020 ở các tỉnh phía Nam của Việt Nam là một điển hình về tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, đó là khô, hạn, xâm ngập mặn hàng triệu ha đất nông nghiệp; bão tố, lũ lụt, sạt lở đất ... ở miền Trung gây thiệt hại nhiều nghìn tỷ đồng đối với nền kinh tế - xã hội.

Mặt khác, với các nước đang phát triển như nước ta hiện nay còn chịu tác động tiêu cực bởi những âm mưu và hành động “xuất khẩu công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường” nhằm thải loại, di chuyển ô nhiễm của các nước phát triển. ĐIỂM ĐẾN của công nghệ lạc hậu là những nước kém phát triển, những nước có trình độ lao động thấp, đông dân, luật pháp không nghiêm minh. ĐIỂM ĐẾN của rác thải công nghiệp, rác thải nhựa vv là những nước nghèo và thiếu kiểm soát chặt chẽ về môi trường.

7.2.2.5. Tác động đến vấn đề dân tộc, tôn giáo và nền văn hóa

Hiện nay, các thế lực thù địch đang lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động đòi “ly khai tự quyết” tách ra khỏi sự quản lý quốc gia. Điều đó tác động tiêu cực đến khối đại đoàn kết toàn dân ở Việt Nam.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, người Kinh chiếm 85,32%, còn lại 53 dân tộc thiểu số chiếm 14,68%. Trong lịch sử của đất nước, các dân tộc ở Việt Nam luôn có sự đoàn kết, gắn bó trong quá trình dựng và giữ nước cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Lợi dụng những khoảng cách về nhận thức của các tộc người, những vấn đề tồn tại lịch sử và những hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc ít người, các thế lực thù địch đã thông qua các tổ chức phi chính phủ để xuyên tạc chủ trương của Nhà nước ta. Lợi dụng chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước để tổ chức truyền đạo trái phép, xuyên tạc đường lối của Đảng trên nhiều địa phương, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, theo đạo. Đồng thời, kích động, lôi kéo, tập hợp quần chúng, xây dựng lực lượng, lập các đảng phái, tổ chức chính trị, lực lượng vũ trang gây rối, tiến tới bạo loạn lật đổ (ở Tây Nguyên năm 2001, 2004 gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội như ở Mường Nhé, năm 2011; Bình Thuận, năm 2018). Lợi dụng bạo phản động trong các vùng dân tộc thiểu số, kích động nhân dân đòi thành lập khu tự trị như các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam bộ của Việt Nam.

Chúng đang ra sức tuyên truyền, xuyên tạc tình hình tôn giáo tại Việt Nam, vu cáo Nhà nước Việt Nam vi phạm tự do tôn giáo, tạo có kích động tín đồ đấu tranh chống chính quyền, kêu gọi quốc tế can thiệp. Nguy hiểm hơn, chúng lợi dụng những yếu kém, thiếu sót trong cấp phép, quản lý các dự án có vốn đầu tư nước ngoài gây ô nhiễm môi trường, để tuyên truyền kích động giáo dân chống chế độ bằng những khẩu hiệu như “Tất cả giáo dân Việt Nam hãy đứng lên đấu tranh đòi quyền sống, đòi thực hiện dân chủ, đòi đa nguyên chính trị...”. Điển hình như chúng đã lợi dụng việc Công ty Formosa ở Hà Tĩnh gây ô nhiễm môi trường biển của bốn tỉnh miền Trung để kích động một số người theo đạo Thiên Chúa

nhẹ dạ, cả tin gây rối loạn an ninh chính trị, ách tắc giao thông mà đỉnh điểm là những ngày cuối tháng 3 và đầu tháng 4 năm 2017. Mặt khác, lợi dụng việc mở rộng giao lưu giữa các tổ chức tôn giáo Việt Nam với các tổ chức tôn giáo thế giới để tuyên truyền, kích động đồng bào tôn giáo trong và ngoài nước chống phá Đảng, Nhà nước ta.

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là một yêu cầu đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam trong tình hình hiện nay. Giữ gìn tính dân tộc của văn hóa Việt Nam là điều kiện cơ bản để phát triển văn hóa dân tộc, đồng thời là động lực nội tại cho sự sinh tồn và phát triển dân tộc. Giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam một cách “chủ động”, hay để cho nền văn hóa dân tộc bị mai một hoặc bị các nền văn hóa khác “xâm lăng” đang là vấn đề lớn đặt ra đối với cả hệ thống chính trị và toàn dân. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống làm cho bản sắc văn hóa Việt Nam nói chung, của mỗi dân tộc nói riêng trở nên mong manh hơn bao giờ hết. Do đó, chúng ta cần tập trung nguồn lực để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giữ gìn những giá trị truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc, thuần phong mỹ tục, những giá trị đạo đức, lối sống đang là đòi hỏi cấp bách đối với mỗi người dân.

7.2.2.6. Tác động đến quốc phòng

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống làm suy giảm sức mạnh quốc phòng của đất nước

Sức mạnh quốc phòng Việt Nam là sức mạnh tổng hợp của quốc gia, sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân tộc. Sức mạnh quốc phòng Việt Nam có được từ việc giải quyết phù hợp mối quan hệ gắn kết chặt chẽ giữa lực lượng quốc phòng, tiềm lực quốc phòng và thế trận quốc phòng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội của cả nước. Những tác động của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không những làm suy giảm lực lượng quốc phòng, tiềm lực quốc phòng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và theo đó giảm khả năng huy động, phát huy nguồn lực và thế trận quốc phòng của quốc gia.

Với tiềm lực chính trị - tinh thần: Những tác động tiêu cực từ mối đe dọa an ninh phi truyền thống tạo tâm lý dao động, giảm sút niềm tin, ý chí, quyết tâm của nhân dân vào chế độ và bảo vệ chế độ, thậm chí còn có thái độ bất bình, chống đối đối với chính quyền, gây khủng hoảng xã hội; có thể làm gia tăng mâu thuẫn xã hội, nhất là giữa các tầng lớp dân cư, dân tộc, tôn giáo, tác động tiêu cực đến củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đặc biệt, khi các thế lực thù địch, phản động lợi dụng vấn đề an ninh phi truyền thống để tiến hành các hoạt động xuyên tạc, chống phá.

Với tiềm lực kinh tế: Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống gây ra hậu quả rất nghiêm trọng về kinh tế và con người, kìm hãm, thậm chí phá hoại sự phát triển của nền kinh tế, gây khó khăn trong việc kết hợp kinh tế với quốc phòng và mở rộng hợp tác quốc tế về kinh tế; làm suy giảm đáng kể khả năng dự trữ và huy động cơ sở vật chất từ nền kinh tế cho các nhiệm vụ quốc phòng cũng như khả năng đầu tư cho quốc phòng nói chung, hiện đại hóa lực lượng vũ trang nói riêng.

Với tiềm lực khoa học - công nghệ: Những tác động tiêu cực từ mối đe dọa an ninh phi truyền thống ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào lĩnh vực quốc phòng. Các thế lực thù địch và tội phạm công nghệ cao không chỉ sử dụng không gian mạng để đánh cắp thông tin cá nhân, tổ chức, đánh cắp bí mật an ninh, bí mật quốc phòng, quân sự quốc gia mà còn sử dụng mã độc, vi rút để tấn công gây mất an ninh, an toàn mạng, khống chế, làm tê liệt hệ thống máy tính của các trung tâm, cơ

quan đơn vị trọng yếu, thậm chí sẵn sàng tiến hành tác chiến điện tử, chiến tranh mạng khi cần thiết... gây ra hậu quả rất nghiêm trọng.

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống gây mất ổn định của quốc gia

Hiện nay, các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đều đe dọa đến sự ổn định và phát triển bền vững của quốc gia trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Theo đó, các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không chỉ tác động ảnh hưởng tiêu cực đến quốc phòng ở các cấp độ, tính chất khác nhau mà còn đặt ra yêu cầu rất cao đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Tác động của an ninh thông tin với các biểu hiện là “chiến tranh thông tin”, “chiến tranh mạng” cũng tạo ra nguy cơ mất ổn định đất nước. Đặc biệt hiện nay, an ninh thông tin có thể gây rối loạn hệ thống mạng của đất nước, dẫn đến sự sụp đổ toàn bộ hệ thống điều khiển quốc gia; tạo ra các luồng thông tin xuyên tạc, bóp méo sự thật, gây chia rẽ nội bộ lãnh đạo, làm mất lòng tin của nhân dân, dẫn đến sai lệch định hướng của quốc gia. Lợi dụng điều đó, các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, kích động gây rối, biểu tình, bạo loạn lật đổ, làm mất ổn định đất nước, tạo cơ hội can thiệp từ bên ngoài.

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống tác động tới quan hệ đối ngoại, hình thành nguy cơ xung đột và chiến tranh

Xét về tổng thể, nguy cơ xung đột và chiến tranh được hình thành từ nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan, cả bên trong và bên ngoài; trong đó có các nguyên nhân từ tác động của an ninh phi truyền thống, nhất là từ khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, ma túy, xung đột dân tộc, sắc tộc và khai thác tài nguyên... Vì vậy, ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ xung đột và chiến tranh đến với nhiều quốc gia thực chất là ngăn chặn, đối phó với các thách thức an ninh phi truyền thống và đây được coi là một trong những mục tiêu cơ bản của quốc phòng, an ninh mỗi nước. Trên thực tế, hai cuộc chiến tranh tại I-rắc (năm 1991, 2003) xét cho cùng cũng có nguyên nhân từ nguồn lợi dầu lửa; chiến tranh Nam Tư xảy ra từ xung đột dân tộc, sắc tộc; chiến tranh Ápganixtan xuất phát từ chống khủng bố.

Đối với Việt Nam, nguy cơ xung đột và chiến tranh từ tác động của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống có thể ít xảy ra nhưng không thể không dự báo. Hiện nay, các loại tội phạm về an ninh mạng, ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, tội phạm rửa tiền và các loại tội phạm trên lĩnh vực thương mại, đầu tư,... vẫn diễn biến phức tạp và là một trong những nhân tố gây mất ổn định, nhất là trên các tuyến biên giới, có thể làm tổn hại tới quan hệ với các nước. Điều đó cho thấy, nguy cơ từ an ninh phi truyền thống tác động đến quốc phòng Việt Nam không chỉ từ các vấn đề trong nước mà còn từ các vấn đề khu vực và thế giới, cần được coi trọng và kiểm soát có hiệu quả.

7.2.3. Một số giải pháp ứng phó với các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay

7.2.3.1. Nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và toàn dân về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

Các vấn đề của an ninh phi truyền thống đã và đang tác động tiêu cực, ảnh hưởng ngày càng to lớn đến an ninh quốc gia, đến công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay. Do đó, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đầy đủ về an ninh phi truyền thống từ đó nâng cao trách nhiệm trong thực hiện ứng phó với các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống của các ngành, các cấp, các tổ chức trong xã hội, các tầng lớp nhân dân là nội dung hết sức cấp thiết, quan trọng ở nước ta hiện nay.

Trên cơ sở các quan điểm của Đảng cần làm cho cả hệ thống chính trị, các chủ thể chịu trách nhiệm quản trị an ninh phi truyền thống, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể nhân dân nhận thức đầy đủ các thách thức, tác động, ảnh hưởng của an ninh phi truyền thống trên các bình diện về an ninh con người, an ninh cộng đồng và an ninh quốc gia v.v.

Trên bình diện an ninh con người, các mối đe dọa an ninh phi truyền thống tác động đến sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần của con người, như dịch bệnh lây lan nhanh, buôn bán và sử dụng ma túy, buôn bán người (trẻ em, phụ nữ, nhập cư bất hợp pháp).

Trên bình diện an ninh cộng đồng và an ninh quốc gia, an ninh phi truyền thống xuất hiện từ các mối đe dọa của tình trạng khan hiếm lương thực, thiếu hụt và tranh chấp tài nguyên nước, năng lượng, tội phạm công nghệ cao và an ninh mạng, đầu cơ và an ninh tài chính.

Trên bình diện chủ quyền quốc gia, nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống tạo mối uy hiếp trực tiếp, có khả năng chuyển hóa thành an ninh truyền thống.

Trên bình diện an ninh toàn cầu, các vấn đề an ninh hàng hải và hàng không, an ninh năng lượng, an ninh tài chính, di cư xuyên biên giới, dịch bệnh nguy hiểm lây lan nhanh ở người và động - thực vật, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai... đều tác động mang tính xuyên quốc gia mà không một nước riêng lẻ nào có thể tự mình giải quyết được.

Nâng cao nhận thức cho các thành phần trong xã hội về mối đe dọa an ninh phi truyền thống có thể bằng nhiều con đường, cách thức khác nhau. Trước hết là thông qua *hình thức truyền thông* để tác động đến nhận thức cho cộng đồng xã hội, gồm cả báo nói, báo hình, báo viết và mạng in-tơ-nét. Lồng ghép các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp về các vấn đề an ninh phi truyền thống trong các chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

7.2.3.2 Xây dựng đất nước phát triển về mọi mặt, tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản của xã hội

Các vấn đề của an ninh phi truyền thống có nguồn gốc từ tự nhiên và xã hội, có nguyên nhân cả từ chủ quan và khách quan, cả từ bên trong và bên ngoài. Nguồn gốc xã hội, nguyên nhân chủ quan, từ bên trong của nó là sự nghèo đói, bất bình đẳng, bất công, trình độ dân trí thấp, tệ nạn xã hội, quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội còn nhiều hạn chế v.v. Do đó, để ứng phó với các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống cần xây dựng đất nước phát triển về mọi mặt, trước hết tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản của xã hội đang đặt ra.

Chủ động và tích cực đầu tư phát triển bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, chăm lo bảo vệ môi trường sinh thái. Các giải pháp phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống phải được ứng dụng vào từng vùng chiến lược, chương trình, kế hoạch và vùng miền, nhất là những nơi đang chịu ảnh hưởng to lớn bởi các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống.

Bảo đảm gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước đi và từng chính sách phát triển; kiểm soát phân tầng xã hội; nâng cao dân trí, trình độ lao động, tạo việc làm, đẩy mạnh phòng chống các tệ nạn xã hội; tích cực xóa đói, giảm nghèo, chăm lo cho con người thông qua hệ thống an sinh xã hội đa tầng, linh hoạt hỗ trợ lẫn nhau để bảo đảm cho con người luôn có được môi trường và điều kiện phát triển lành mạnh.

7.2.3.3. Chủ động, tích cực nghiên cứu, đánh giá tình hình, dự báo kịp thời, chính xác các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

An ninh phi truyền thống là lĩnh vực còn mới mẻ, chưa được nghiên cứu sâu rộng ở nước ta. Sự tác động ảnh hưởng của an ninh phi truyền thống là hết sức to lớn, ngày càng nghiêm trọng, đe dọa cả trực tiếp và gián tiếp đối với mọi mặt đời sống con người, xã hội và đất nước. Sự đe dọa đó có thể bộc phát trực tiếp (thiên tai, tội phạm có tổ chức, khủng bố ...), có thể âm thầm (ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, cạn kiệt tài nguyên, biến đổi khí hậu, rửa tiền...) gây ra những hậu quả hay thảm họa to lớn đối với đất nước ta. Do đó, cần được nghiên cứu một cách chủ động tích cực, đánh giá tình hình một cách toàn diện, dự báo chính xác kịp thời để chủ động ứng phó có hiệu quả đối với các mối đe dọa của an ninh phi truyền thống.

Tổ chức nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống; tăng cường tuyên truyền, trao đổi thông tin về các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống.

Phân loại từng lĩnh vực an ninh phi truyền thống về đặc điểm, nguồn gốc hình thành, mức độ đe dọa ảnh hưởng, trên cơ sở đó để xác định những cơ chế, phương thức quản trị an ninh phi truyền thống phù hợp.

Các cơ quan chuyên trách, các bộ ngành, trên từng lĩnh vực cần thường xuyên nghiên cứu, tổng kết, đánh giá đầy đủ toàn diện và dự báo các tình huống có thể xảy ra của các hiểm họa, thảm họa của an ninh phi truyền thống.

Chủ động, tích cực hoàn thiện hệ thống thể chế quản trị an ninh phi truyền thống, nâng cao tính tương thích của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế về phòng ngừa và ứng phó với thách thức an ninh phi truyền thống. Nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật quản trị an ninh phi truyền thống, nhất là trước những vấn đề mới xuất hiện tạo ra khả năng uy hiếp lớn đối với an ninh quốc gia, như an ninh mạng, tài chính, nguồn nước, hàng hải và hàng không, di cư xuyên biên giới và các vấn đề dân tộc và tôn giáo...

7.2.3.4. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn xã hội trong quản trị và kiểm soát các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

Quán triệt quan điểm của Đảng: “sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống”¹; “Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng vững chắc của quốc phòng, an ninh”². Đối phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phải lấy phòng ngừa là chính, được thể hiện bằng việc quản lý chặt chẽ của Nhà nước theo pháp luật, tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm minh triệt để với những hành vi vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng. Có chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tích cực thực hiện các dự án, các chương trình quốc gia để chủ động đối phó với các thảm họa do thiên tai gây ra... Đồng thời, xây dựng và tổ chức các lực lượng chuyên trách để ứng phó kịp thời khi nguy cơ an ninh phi truyền thống xuất hiện, như thiên tai, bão lụt, ô nhiễm môi trường, cháy nổ...

Xây dựng các kế hoạch, phương án quản trị, phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống từ cơ sở với sự tham gia của toàn thể hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân, trong đó lực lượng Công an nhân dân và

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 148.

² Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIII của Đảng.

Quân đội nhân dân đóng vai trò nòng cốt. Thực hiện phương châm “4 tại chỗ” để giải quyết ban đầu các vấn đề an ninh phi truyền thống xảy ra ở địa phương.

+ *Chỉ huy tại chỗ*: Bí thư Đảng, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực tiếp chỉ huy điều phối các lực lượng Công an, Quân đội, Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Kiểm lâm, Phòng chống lụt bão), Giao thông vận tải, v.v. địa phương (và cả các lực lượng trung ương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn) tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ người và tài sản tại nơi xảy ra nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống.

+ *Lực lượng tại chỗ*: có cán bộ Công an, Quân đội, Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Kiểm lâm, Phòng chống lụt bão), Giao thông vận tải, v.v. địa phương (và các lực lượng trung ương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn) luôn sẵn sàng để cứu nạn, cứu hộ người và tài sản, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

+ *Phương tiện tại chỗ*: có đủ các phương tiện giao thông (tàu, thuyền chữa cháy, xuồng, ca nô, ô tô chữa cháy, xe máy), phương tiện thông tin liên lạc, công cụ hỗ trợ, công cụ cứu hộ, cứu nạn, phòng cháy chữa cháy, y tế, thuốc, v.v. phục vụ yêu cầu phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống ở địa phương.

+ *Hậu cần tại chỗ*: dự trữ đủ xăng dầu cho xe cấp cứu, xe chữa cháy, tàu, thuyền, thuyền chữa cháy, xuồng máy, ca nô, ô tô, xe máy, máy phát điện hoạt động khi không có điện; dự trữ lương thực, thực phẩm và các phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện y tế phục vụ phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa, thảm họa an ninh phi truyền thống.

Tiếp tục hoàn thiện quản lý nhà nước về an ninh phi truyền thống, từ xây dựng hệ thống thể chế đến tổ chức bộ máy, đội ngũ, ngân sách. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội trong phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Nâng cao trách nhiệm của người dân trong phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

7.2.3.5. Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

Trước hết, cần quán triệt quan điểm của Đảng ta là: chủ động, tích cực hợp tác cùng các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế trong việc ứng phó với những thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là tình trạng biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế... Tham gia các cơ chế hợp tác an ninh song phương và đa phương trên cơ sở tối đa hóa trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, đồng thời tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế.

Thông nhất nhận thức, xây dựng lòng tin, nâng cao trách nhiệm và hoàn thiện khuôn khổ thể chế giữa các nước về an ninh phi truyền thống làm cơ sở cho hợp tác quốc tế có hiệu quả. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, trong đó có hợp tác về phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống thông qua cơ chế và phương thức đa tầng, đa dạng, linh hoạt.

Tăng cường chia sẻ thông tin giữa Việt Nam với các nước trong từng nội dung về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống thông qua thiết lập cơ chế hợp tác cụ thể và hữu hiệu.

Thu hút đầu tư, viện trợ, các nguồn vốn ưu đãi của nước ngoài và quốc tế trong việc ứng phó, giải quyết hậu quả của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Đẩy mạnh việc

hợp tác, trao đổi trong chuyển giao công nghệ hiện đại, nhất là các công nghệ phát triển bền vững và công nghệ xanh với các nước phát triển, các tổ chức quốc tế.

KẾT LUẬN

An ninh phi truyền thống xuất hiện cùng với phát triển của xã hội và có nội hàm, bản chất riêng của nó. An ninh phi truyền thống đã và đang tác động tiêu cực không loại trừ quốc gia nào với nhiều hậu quả khó lường. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống nói chung hay vấn đề an ninh môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm công nghệ cao, di cư bất hợp pháp... nói riêng không chỉ đe dọa đến an ninh quốc gia trong phạm vi một nước hoặc nhiều nước, mà còn đe dọa đến toàn thể nhân loại, đòi hỏi phải có sự nỗ lực hợp tác hành động của nhiều quốc gia để ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống...

HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU

1. Tính chất, đặc điểm của các vấn đề an ninh phi truyền thống ?
2. Những mối đe dọa an ninh phi truyền thống và sự ảnh hưởng đến Việt Nam ?
3. Các giải pháp ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay ?

